

table of contents

VIETNAMESE TRANSLATOR'S INTRODUCTION

Preface

Part I: novice

The Prospect of My Own Death

Nothing Is Certain

The Encounter at Misery's End

There Is No Trash

Consumed with Cleaning

Confucius Gives Jan Yu a Scolding

Working It Out for Myself

"I Can't Do It"

Between Teacher and Student

That's Between Him and Me

Three Types of Students

"For the Disposal of Your Corpse"

The Meaning of Courage

What Am I Doing Here?

Living Out Belief in Infinite Power

mục lục

| | |
|-----------------------------------|-----|
| LỜI NGƯỜI DỊCH BẢN VIỆT NGỮ | 6 |
| Lời Mở Đầu | 8 |
| Phần một: bước đầu | |
| viễn ảnh cái chết | 14 |
| không có gì chắc chắn | 26 |
| cuộc gặp gỡ trong bước đường cùng | 40 |
| không có gì là rác | 46 |
| chỉ còn biết lau chùi | 60 |
| lời khổng tử răn dạy nhiêm cầu | 68 |
| việc phải lo | 80 |
| “không thể làm được” | 86 |
| giữa thầy và trò | 100 |
| chuyện của nó và tôi | 112 |
| ba loại đệ tử | 120 |
| “cho tiền mai táng” | 130 |
| ý nghĩa của sự can đảm | 142 |
| tôi đang làm gì ở đây? | 160 |
| niềm tin vạn năng | 166 |

Part II: training

A Heart That Does Not Move

Getting to Know My Own Idiocy

Routine in the Monastery

No End to Practice

Part III: master

What's It All About

God Is Right Here

Is Death Something We Cannot Know?

We Are Like Water

The Death of My Grandfather

Inexhaustible Dharma

To Die While Alive

Give Yourself to Death

Buddha Life

Phần Hai: rèn luyện

tâm bất động 176

biết đến cái ngu của mình 184

đời sống trong thiền viện 194

không bao giờ hết tu 240

Phần Ba: nở hoa

điều gì đây? 252

thượng đế ở ngay đây 268

cái chết có bí hiểm không? 276

tâm như thủy 284

cái chết của ông tôi 294

pháp vô lậu 304

chết trong khi đang sống 318

buông thả trong cái chết 334

mạng sống Phật 346

VIETNAMESE TRANSLATOR'S INTRODUCTION

Zen master Soko Morinaga was born in 1925. After graduating from the College, he was ordained in 1948 with Zen master Zuigan Sòseki (1879-1965) of the Hakuin Ekaku (1686-1768) Zen line within the Linji tradition. From 1949 he practiced at Daitoku-ji temple and was later given awakenning approval by his senior brother, Zen master Sesso Ota. He lectured, wrote books, and was also the President of Hanazono University of Linji in Kyoto. Often collaborating with the London Buddhist Association, he travelled to England every year to teach the summer retreat sponsored by multiple Buddhist sects. The Master passed away in 1995.

What we've learned from the ancients and contemporaries is that it is not the name, the fame, or the poetry left behind for life, but in the very contributions of the author, as in his autobiography; pedaling all over the paths of life starting from a very young, immature as a bud into a steadily mature as a fragrant blooming flower.

As Master wrote: these are not unique to his own life, but occur in the lives of people everywhere. Rather, it is an essential problem for each of us.

LỜI NGƯỜI DỊCH BẢN VIỆT NGỮ

Thiền sư Soko Morinaga sinh năm 1925. Sau khi tốt nghiệp trường Cao Đẳng, xuất gia năm 1948 với thiền sư Thụy Nham Tông Thạc (1879-1965) thuộc thiền phái Bạch Ẩn Huệ Hạc (1686-1768), tông Lâm Tế. Từ 1949 Sư tu tập ở chùa Đại Đức và được sư huynh là thiền sư Sesso Ota ấn chứng. Sư giảng pháp, viết sách báo, đồng thời là Viện Trưởng Đại Học Hanazono của dòng Lâm Tế ở Kyoto. Thường cộng tác với Hội Phật Giáo Luân Đôn, Sư đến Anh quốc du hóa hằng năm để giảng dạy khóa tu mùa hạ do nhiều tông phái Phật giáo bảo trợ. Sư viên tịch năm 1995.

Những gì chúng ta học được từ người xưa và cả người nay dĩ nhiên không phải trên những danh xưng, tiếng tăm hay bài giảng thơ văn để lại cho đời, mà chính ngay nơi những bước chân của người, như trong tự truyện này, đang đạp trên khắp nẻo đường đời từ chập chững non nớt như chồi nụ đến chững chạc vững chãi như hoa nở ngát hương.

Như Sư đã viết, đây không hẳn là cuộc đời riêng của Sư, mà hiện nay đang xảy ra cho mọi người ở khắp nơi. Đúng hơn, đó là bài toán bức thiết của mỗi chúng ta.

Thuần Bạch

Preface

A WHILE AGO I gave a public lecture at a university. The speaker who preceded me talked for about an hour and a half, running over his allotted time. The break period between our talks was shortened, and I was called to the podium right away. Concerned for the audience, I opened by asking, "Did you all have time to urinate?"

Apparently this was not what the audience had expected to hear. Perhaps they were particularly surprised because the person standing before them, talking about pissing, was a monk. Everyone broke into hearty laughter.

Having started out on this note, I continued to press on. "Pissing is something that no one else can do for you. Only you can piss for yourself." This really broke them up, and they laughed even harder.

But you must realize that to say, "You have to piss for yourself; nobody else can piss for you" is to make an utterly serious statement.

Lời Mở Đầu

CÁCH ĐÂY ÍT LÂU tôi có đến thuyết giảng tại một trường Đại Học. Thuyết trình viên trước tôi nói khoảng hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, quá giờ quy định. Khoảng thời gian nghỉ ngơi giữa hai buổi diễn thuyết bị thu hẹp lại, và tôi bị gọi lên bục giảng ngay sau đó. Để tỏ sự quan tâm đến thính giả, tôi mở đầu bài nói chuyện với câu hỏi: «Quý vị đã có thì giờ đi tiểu hết chưa?»

Cử tọa rõ ràng bị bất ngờ trước câu hỏi của tôi. Lại càng ngạc nhiên hơn nữa, khi họ thấy người đang đứng trước mặt nói về chuyện tiểu tiện, lại là một vị sư. Mọi người cười ầm lên.

Bắt đầu như vậy rồi, tôi lại tiếp tục lái vào tiêu đề: «Tiểu tiện không là việc người khác làm giùm bạn được. Chỉ có mình mới đi tiểu cho mình được thôi.» Câu này thật sự đã phá vỡ khoảng cách, và họ cười càng tận tình hơn nữa.

Nhưng thực sự ta phải thấy rằng, *chỉ có chính mình mới đi tiểu cho mình được thôi, không ai khác có thể làm thế được*; là một nhận định hoàn toàn nghiêm túc.

Long ago in China, there was a monk called Ken. During his training years, he practiced in the monastery of Ta-hui, but despite his prodigious efforts, he had not attained enlightenment. One day Ken's master ordered him to carry a letter to the far-off land of Ch'ang-sha. This journey, roundtrip, could easily take half a year. The monk Ken thought, "I don't have forever to stay in this hall practicing! Who's got time to go on an errand like this?" He consulted one of his seniors, the monk Genjoza, about the matter.

Genjoza laughed when he heard Ken's predicament. "Even while traveling you can still practice Zen! In fact, I'll come along with you,"—and before long the two monks set out on their journey.

Then one day while the two were traveling, the younger monk suddenly broke into tears. "I have been practicing for many years, and I still haven't been able to attain anything. Now, here I am roaming around the country on this trip; there's no way I am going to attain enlightenment this way," Ken lamented.

Thời xa xưa bên Trung Hoa, có vị tăng nhập chúng tu thiền nhiều năm trong thiền viện của ngài Đại Huệ, nhưng dù đã hết sức tinh tấn vẫn không chứng ngộ. Một hôm thầy ra lệnh cho vị tăng đem một lá thư đến một nơi xa xôi thuộc vùng Trường Sa. Chuyến đi và về có thể mất đến nửa năm như chơi. Tăng nghĩ: «Ở thiền viện thường không có thì giờ tu tập. Ai mà rảnh rỗi đi làm một công việc như thế!» Tăng bèn hỏi ý kiến một sư huynh về việc này.

Sư huynh bật cười đáp: «Dù đang du hành, đệ cũng vẫn tọa thiền được cơ mà!» Thế là hai người bắt đầu cuộc hành trình.

Một hôm, trên đường đi, sư đệ bỗng bật khóc, than thở: «Em đã tu bao nhiêu năm nay rồi mà giờ chưa thấy đạt được gì cả. Rồi bây giờ, lang thang khắp nơi như thế này làm sao mà em chứng ngộ được chứ.»

When he heard this, Genjoza, thrusting all his strength into his words, put himself at the junior monk's disposal: "I will take care of anything that I can take care of for you on this trip," he said. "But there are just five things that I cannot do in your place.

"I can't wear clothes for you. I can't eat for you. I can't shit for you. I can't piss for you. And I can't carry your body around and live your life for you."

It is said that upon hearing these words, the monk Ken suddenly awakened from his deluded dream and attained a great enlightenment, a great *satori*. I hope that as you read this, you will realize that I am not just talking about myself or about something that happened elsewhere. No, it is about your own urgent problems that I speak.

Nghe vậy, sư huynh cố nói thật mạnh bạo phũ phàng như tát nước: «Ta sẽ làm tất cả những gì có thể làm được trong chuyến đi này. Nhưng có năm điều mà ta không làm thể cho đệ được.

Đó là: *Ta không thể mặc quần áo thể cho đệ. Ta không thể ăn thể cho đệ. Ta không thể đại tiện thể cho đệ. Ta không thể tiểu tiện thể cho đệ. Và ta không thể vác đệ lên vai mà sống cuộc đời của đệ thể cho đệ được.»*

Khi nghe những câu này, vị sư đệ bỗng bừng tỉnh khỏi cơn mê và đại ngộ. Tôi hy vọng khi đọc những lời này, bạn sẽ nhận ra rằng những gì tôi nói ở đây không phải chỉ là về tôi hay về việc xảy ra ở đâu đâu. Không phải như thế, những điều tôi nói ở đây chính là những vấn đề khẩn thiết của các bạn.

Part One: NOVICE

the prospect of my own death

I WERE TO SUM UP the past forty years of my life, the time since I became a monk, I would have to say that it has been an ongoing lesson in the extent of my own stupidity. When I speak of my stupidity, I do not refer to something that is innate, but rather to the false impressions that I have cleverly stockpiled, layer upon layer, in my imagination.

Whenever I travel to foreign countries to speak, I am invariably asked to focus on one central issue: Just what is satori, just what is enlightenment? This thing called satori, however, is a state that one can understand only through experience. It cannot be explained or grasped through words alone.

By way of example, there is a proverb that says, "To have a child is to know the heart of a parent." Regardless of how a parent may demonstrate the parental mind to a child, that child cannot completely understand it.

Phần Một: BƯỚC ĐẦU

viễn ảnh cái chết

NEU CO THE TOM TAT LAI bốn mươi năm cuộc đời của tôi, kể từ khi bắt đầu xuất gia, tôi phải nói rằng đó là một sự tiếp diễn không ngừng những cái ngu dại. Khi nói về sự ngu dại của mình, tôi không có ý nói đến một cái gì sẵn có từ cha sanh mẹ đẻ, mà phần lớn về những ấn tượng hư dối tôi đã huân tập, hết lớp này qua lớp khác, trong trí tưởng tượng của tôi.

Bất cứ lúc nào đi du hành ngoại quốc để thuyết giảng, bao giờ tôi cũng được yêu cầu phải nhắm vào một vấn đề chủ yếu: Ngộ (*satori* trong tiếng Nhật) là gì, thế nào là giác ngộ? Cái gọi là Ngộ này, tuy thế, là một trạng thái ta chỉ có thể hiểu được qua chứng nghiệm, không thể được đem ra giải thích hay nắm bắt chỉ bằng ngôn ngữ thuần túy.

Tỷ dụ, có một câu ngôn ngữ "Khi có con mới biết được lòng của cha mẹ." Dù bậc cha mẹ cố gắng diễn đạt tâm tư của cha mẹ đối với con đến thế nào, đứa con cũng không thể nào hiểu được hoàn toàn.

Only when children become parents themselves do they fully know the heart of a parent. Such an understanding can be likened to enlightenment, although enlightenment is far deeper still.

Because no words can truly convey the experience of enlightenment, in this book I will instead focus on the essentials of Zen training, on my own path to awakening.

Let me start by saying that Zen training is not a matter of memorizing the wonderful words found in the sutras and in the records of ancient teachers. Rather, these words must serve as an impetus to crush the false notions of one's imagination. The purpose of practice is not to increase knowledge but to scrape the scales off the eyes, to pull the plugs out of the ears.

Through practice one comes to see reality. And although it is said that no medicine can cure folly, whatever prompts one to realize "I was a fool" is, in fact, just such a medicine.

Chỉ khi chính đứa con trở thành cha mẹ, mới hiểu đầy đủ tấm lòng mẹ cha. Sự thông hiểu ấy có thể ví như giác ngộ vậy, tuy rằng giác ngộ là một điều gì sâu xa hơn nhiều.

Bởi vì không có ngôn ngữ nào có thể diễn đạt được kinh nghiệm giác ngộ, ở đây tôi sẽ chỉ bàn tới những điều cốt yếu cho sự giác ngộ, những điều cốt yếu của sự tu tập Thiền.

Tu tập Thiền không phải là vấn đề nhớ nằm lòng những lời lẽ kỳ diệu trong kinh sách hay ngữ lục các vị tổ thời xưa. Thực sự, những lời lẽ này được sử dụng như một phương tiện để phá vỡ những ấn tượng sai lầm trong trí tưởng tượng của con người. Mục đích sự tu tập không phải làm tăng thêm kiến thức, mà cạo bỏ những lớp vẩy che mắt, vớt ra ngoài những chiếc mũ che tai.

Qua tu tập, ta có thể thấy được sự thực. Và tuy nói rằng không có một thứ thuốc nào có thể chữa được chứng bệnh khờ dại, điều làm cho ta nhận ra rằng "tôi đúng là một kẻ khờ dại" thực ra lại chính là phương thuốc ấy.

It is also said that good medicine is bitter to the taste, and, sadly enough, the medicine that makes people aware of their own foolishness is certainly acrid. The realization that one has been stupid seems always to be accompanied by trials and tribulations, by setbacks and sorrows. I spent the first half of my own life writhing under the effects of this bitter medicine.

I was born in the town of Uozu in Toyama Prefecture, in central Japan. The fierce heat of World War II found me studying with the faculty of literature in Toyama High School, under Japan's old system of education. High school students had been granted formal reprieve from military duty until after graduation from university. When the war escalated, however, the order came down that students of letters were to depart for the front. Presumably, students of science would go on to pursue courses of study in medicine or the natural sciences and thereby provide constructive cooperation in the war effort; students of literature, on the other hand, would merely read books, design arguments, and generally agitate the national spirit.

Cũng có câu nói rằng “thuốc đắng già tật,” và buồn thay, thứ thuốc làm cho ta nhận ra được mình ngu dại chắc chắn rất cay đắng. Nhận thức ra được cái ngu của mình thường hay đi kèm với những thử thách và rồi phải trả giá bằng những trắc trở và buồn rầu. Tôi đã trải qua một nửa đời người vật vã với những hậu quả cay đắng của phương thuốc này.

Tôi sinh ra ở thành phố Uozu, thuộc quận Toyama. Trong lúc Thế Chiến Thứ Hai đang sôi sục, tôi đang học chuyên ngành văn chương, dưới chế độ giáo dục cũ của Nhật, tại trường trung học Toyama. Các học sinh trung học, theo luật được chính thức hoãn dịch cho đến khi tốt nghiệp xong đại học. Nhưng khi chiến tranh leo thang, có lệnh ban xuống rằng những học sinh nào học về văn chương sẽ phải đi ra chiến trường. Người ta thường giả dụ rằng sinh viên khoa học sẽ tiếp tục những môn học về y khoa hay khoa học và như vậy sẽ cung cấp cho nhiệm vụ hậu cần trong chiến tranh, trong khi sinh viên văn khoa thì chỉ đọc sách, đấu khẩu, và thường hay kích động tinh thần quốc gia.

At any rate, we literature students, who came to be treated as nonstudents, had to take the physical examination for conscription at age twenty and then were marched, with no exceptions, into the armed forces. What is more, the draft age was lowered by one year, and as if under hot pursuit I was jerked unceremoniously into the army at the age of nineteen.

Of course we all know that we will die sooner or later. Death may come tomorrow, or it may come twenty or thirty years hence. Only our ignorance of just how far down the road death awaits affords us some peace of mind, enables us to go on with our lives. But upon passing the physical examination and waiting for a draft notice that could come any day, I found the prospect of my own death suddenly thrust before my eyes. I felt as though I were moving through a void day by day. Awake and in my sleep, I rehearsed the various ways in which I might die on the battlefield.

Dù sao, học sinh văn khoa, bị đối đãi như không phải là những học sinh, đã phải qua kỳ khám sức khỏe để nhập ngũ vào lứa tuổi hai mươi và rồi bị đẩy vào quân đội, không có ngoại lệ. Đã vậy, tuổi quân dịch lại bị hạ thêm một tuổi nữa, và dường như vì nhu cầu nóng bỏng, tôi với tuổi mười chín đã bị lôi vào quân đội một cách phũ phàng.

Chúng ta ai cũng biết rằng sớm hay muộn gì mình sẽ chết. Cái chết có thể đến ngay ngày mai, hay có thể đến hai mươi năm, ba mươi năm nữa. Chỉ vì không biết cái chết sẽ chờ đợi ta lúc nào trên con đường dài sắp tới, ta mới có được một chút an bình nơi tâm, mới có thể tiếp tục đời sống bình thường. Nhưng với tôi, sau khi đã qua kỳ khám sức khỏe và chờ đợi lệnh nhập ngũ đến bất cứ lúc nào, cái chết bỗng nhiên hiện ra thật bất ngờ trước mắt. Tôi có cảm tưởng như mình đang đi động qua một khoảng trống không, ngày này qua ngày khác. Thức hay ngủ, tôi đều vẽ ra trong trí óc những cách chết khác nhau sẽ đến với tôi trong chiến trường.

But even though I found myself in a tumult of thoughts about death, there was no time for me to investigate the matter philosophically or to engage in any religious practice.

People who entered the army in those days rushed in headlong, fervently believing that ours was a just war, a war of such significance that they could sacrifice their lives without regret. Setting out in this spirit, we were armed with a provisional solution to the problem of death—or at least it was so in my case.

Among human beings, there are those who exploit and those who are exploited. The same holds true for relations among nations and among races. Throughout history, the economically developed countries have held dominion over the underdeveloped nations. Now, at last, Japan was rising to liberate herself from the chains of exploitation! This was a righteous fight, a meaningful fight!

Nhưng dù đang ở trong cơn lốc mù mịt những ý tưởng về cái chết, tôi vẫn không có thì giờ để tìm hiểu vấn đề một cách triết lý hay tìm phương tiện tu tập tôn giáo nào.

Những người đi vào quân đội thời ấy cắm đầu nhào đến phía trước, hăng say tin tưởng rằng đây là cuộc chiến công bằng, một cuộc chiến thật quan trọng để họ có thể hi sinh mạng sống không chút luyến tiếc. Từ tinh thần ấy, chúng tôi được trang bị với một biện giải tạm bợ cho viễn ảnh cái chết trước mắt của mình – hay ít nhất đó cũng là trường hợp của tôi.

Giữa những con người, có những kẻ chuyên bóc lột và những kẻ chuyên bị bóc lột. Điều đó cũng áp dụng cho sự liên hệ giữa các quốc gia và các chủng tộc. Trong suốt lịch sử, những quốc gia phát triển về kinh tế đã thống trị những nước kém phát triển hơn. Cuối cùng thì bây giờ, Nhật Bản đã vươn lên được và thoát ra khỏi xiềng xích sự bóc lột đó! Vì thế, đây là một cuộc chiến tranh chánh đáng, một cuộc chiến có ý nghĩa!

How could we begrudge our country this one small life, even if that life be smashed to bits? Such reckless rationalization allowed us to shut off our minds.

And so it was that we students set out in planes, armed only with the certainty of death and fuel for a one-way trip, with favorite works of philosophy or maybe a book about Buddha's Pure Land beside the control stick, certain to remain unread. Many lunged headlong at enemy ships; still many others were felled by the crest of a wave or knocked from the air before making that lunge.

Then, on August 15, 1945, came Japan's unconditional surrender. The war that everyone had been led to believe was so right, so just, the war for which we might gladly lay down our one life, was instead revealed overnight as a war of aggression, a war of evil-and those responsible for it were to be executed.

Làm sao chúng tôi có thể tiếc rẻ mạng sống nhỏ nhoi của mình cho quốc gia, dù cho mạng sống đó có bị nghiền ra thành từng mảnh đi nữa? Kiểu lý luận hồ đồ này đã cho phép chúng tôi đóng chặt lại tâm trí của mình.

Và thế là những học sinh chúng tôi lên phi cơ, vũ trang chỉ với một cái chết chắc chắn và nhiên liệu cho chuyến đi không ngày về, để vài quyển sách triết lý đặc ý nhất hay cuốn kinh Tịnh Độ bên cạnh tay lái, những quyển sách chắc chắn sẽ không được đọc tới. Có nhiều người đã lao vào tàu chiến của địch, cũng có nhiều người đã ngã xuống trong ngọn sóng biển cao ngất hay máy bay bị bắn rơi trước khi thi hành nhiệm vụ.

Thế rồi, ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện. Cuộc chiến tranh mà tất cả chúng tôi đã tưởng như là công chính, cuộc chiến mà chúng tôi sẵn sàng vui vẻ hi sinh mạng sống của mình, bỗng phút chốc, chỉ trong một đêm, trở thành một cuộc chiến xâm lược, một cuộc chiến ác độc – và những kẻ chịu trách nhiệm cho cuộc chiến đó phải bị xử tử.

nothing is certain

FOR BETTER OR FOR WORSE, I returned from the army alive. Over a shortwave radio, an item extremely hard to come by in those days, I listened to the fate of the German leaders who had surrendered just a step ahead of the Japanese. When I heard the sentence that was read aloud at the Nuremberg Trials, "Death by hanging," the one word-hanging—lodged itself so tenaciously in my ears that I can still hear its echo. And then (perhaps through an American Occupation Forces policy?), a news film was shown. I saw this film at what is now the site of a department store, on the fifth floor of a crumbling cement block building that had only just narrowly escaped demolition in war-ravaged downtown Toyama.

In one scene, a German general was dragged to the top of a high platform and hanged before a great crowd that had assembled in the plaza. In another scene, the Italian leader Mussolini was lynched by a mob and then strung upside down on a wire beside the body of his lover.

không có gì chắc chắn

DÙ GÌ ĐI NỮA, tôi cũng đã trở về sống sót từ quân ngũ. Qua làn sóng ngắn phát thanh của chiếc radio, một thứ cực kỳ hiếm hoi vào thời bấy giờ, tôi lắng nghe số phận những vị lãnh đạo Đức Quốc Xã đã đầu hàng chỉ trước Nhật có một bước. Khi nghe tòa án Quốc tế Nuremberg đọc to lên câu phán quyết rằng, “Xử tử bằng cách treo cổ”, chỉ một chữ – *treo cổ* – đã đập mạnh vào tai khiến tôi vẫn còn nghe được âm hưởng. Và rồi (có lẽ qua chính sách của quân đội Mỹ đang chiếm đóng?) một cuốn phim tài liệu được chiếu lên. Tôi xem cuốn phim này ở nơi hiện thời là cửa hàng bách hóa, trên lầu năm một tòa nhà đổ nát đã tránh được không bị tiêu hủy trong khu phố chính đầy vết tích chiến tranh tàn phá của Toyama.

Có cảnh một vị tướng lĩnh người Đức bị lôi lên đoạn đầu đài và rồi bị treo cổ trước một đám đông tụ tập tại quảng trường. Trong một cảnh khác, vị lãnh đạo Ý Mussolini bị đám đông đập chết và rồi treo ngược lên trên hàng rào dây thép gai cạnh xác người yêu của ông.

The film went on to show us how the dead bodies were subsequently dragged through the streets while the people hurled verbal abuse and flung rocks at them.

Wearing cast-off military uniforms, my classmates and I went back to school, one by one. We returned, young men unable to believe in anything and hounded by the question of right and wrong. Technically classes were resumed, but in reality no studying took place. If a teacher walked into the classroom, textbook under his arm, he would be asked to take a seat on the sidelines while members of the group who had just returned from the army took turns at the podium:

"Fortunately or not, we've been repatriated, and we're able to come back to school. But what we thought to be 'right,' turned out overnight to be 'wrong.' We may live another forty or fifty years, but are we ever going to be able to believe in anything again—in a 'right' that can't be altered, in a 'wrong' that isn't going to change on us? If we don't resolve this for ourselves, no amount of study is ever going to help us build conviction in anything. Well, what do you fellows think?"

Cuốn phim tiếp tục với cảnh những xác người bị kéo lê trên đường phố trong khi đám đông kêu gào chửi rủa và ném đá lên họ.

Trong những bộ đồng phục quân đội bị phế bỏ, tôi và những bạn học lần lượt trở về trường. Chúng tôi trở về, những thanh niên đã mất hết niềm tin và đầy khắc khoải với câu hỏi thế nào là trái và phải. Tuy rằng trên nguyên tắc lớp học đã bắt đầu lại, nhưng thực tế không ai học hành gì cả. Nếu có một vị giáo sư nào bước vào lớp, sách vở trong tay, ông ta sẽ được yêu cầu ngồi vào một bên trong khi những thành viên quân đội trở về thay nhau lên nói trên diễn đàn.

“Dù may mắn hay không, chúng ta cũng đã trở về nhà, và chúng ta đã đi học lại được. Nhưng điều chúng ta nghĩ là *phải* chỉ trong phút chốc đã biến thành *trái*. Chúng ta có thể còn sống bốn mươi, năm mươi năm nữa, nhưng có thể nào chúng ta còn tin tưởng được điều gì nữa không – thế nào là một điều *phải*, một điều *trái* mà không bị thay đổi, biến hóa đi? Nếu chúng ta không giải quyết được vấn đề này, dù có học nhiều đến đâu cũng sẽ không giúp chúng ta tin tưởng vào cái gì được nữa. Sao, các bạn nghĩ thế nào?”

This went on day after day.

It so happened that in those days we had a philosophy teacher named Tasuku Hara. He later went on to become a professor in the philosophy department at Tokyo University. He was an excellent teacher, and I was sorry to hear that he died quite young. Anyway, one day this Professor Hara, who was like an older brother to us, stood up and insisted that we let him get a word in.

Taking the rostrum, he proceeded to talk to us, "Kant, the German philosopher in whose study I specialized, said this: We humans can spend our whole lives pondering the meaning of 'good' and 'evil,' but we will never be able to figure it out. The only thing that human beings can do is come up with a yardstick by which to measure good and evil."

"Looking at it this way," he continued, "if we use the yardstick of the Japanese, this war was a holy war, while by American criteria, it was a war of aggression. So your life's work is not to label this 'good' and that 'evil,' but to search for as useful a standard as you can find to apply anywhere you go on this earth.

Cứ như thế, ngày này qua ngày khác.

Trong những ngày đó, chúng tôi có một vị giáo sư triết lý tên là Tasuku Hara. Sau này ông trở thành giáo sư khoa triết của trường Đại Học Tokyo. Ông là một giáo sư thật xuất sắc, và tôi thường luyến tiếc cho ông đã chết thật trẻ. Một ngày nọ, vị giáo sư Hara này, chúng tôi thường coi như một người anh, đã đứng lên và nhất định yêu cầu cho ông được lên tiếng.

Khi lên diễn đàn, ông nói với chúng tôi, "Kant, một triết gia người Đức mà tôi đã nghiên cứu, có nói rằng: Những con người chúng ta có thể suy nghĩ cả đời về ý nghĩa của *thiện* và *ác*; nhưng chúng ta sẽ không bao giờ nghĩ ra được. Điều duy nhất mà người ta có thể làm được là dùng một cái thước để đo *thiện* và *ác* mà thôi."

"Hãy nghĩ như thế này", ông tiếp tục, "nếu chúng ta dùng thước đo của người Nhật, cuộc chiến này là một cuộc thánh chiến, trong khi với tiêu chuẩn của người Mỹ, đó là một cuộc chiến tranh xâm lược. Vì thế công việc của chúng ta trong đời không phải là dán nhãn lên cái này là *thiện*, cái kia là *ác*, nhưng phải tìm kiếm một tiêu chuẩn có thể áp dụng được bất cứ nơi nào trên thế giới này.

But this grand yardstick is not something you are going to come by in a day. Each of you will have to transcend time and place to find a standard that can have meaning to as many people as possible —and in order to do this, I suggest, first off, that you get on with your high school lessons!"

And so, with that kind advice, we resumed our classes. We did, however, also continue our self-indulgent theoretical debates. And I, for one, remained in a quandary over this question of good and evil; the problem had lodged itself deep in the back of my mind.

I think, in fact, that this was a dilemma of the times for Japan, common not only among young people like us, but among middle-aged and elderly people as well. We had completely lost sight of any ethical norm. I believe Japan had fallen into a state in which people scarcely knew what standards to apply even in raising their own children.

On top of all this, there were major changes in my own private affairs.

Nhưng tiêu chuẩn đo lường này không phải là thứ gì có thể bắt gặp được chỉ trong một ngày. Mỗi người trong các anh phải vượt qua thời gian và không gian để tìm một tiêu chuẩn có ý nghĩa đối với càng nhiều người càng tốt. Và để làm được điều này, tôi đề nghị, trước hết là các anh hãy tiếp tục học chương trình trung học của các anh đi.”

Sau khi nghe lời khuyên đầy trung thực và thiện chí này, chúng tôi học trở lại. Tuy nhiên, chúng tôi cũng vẫn tiếp tục những cuộc thảo luận đầy tính cách lý thuyết. Và, riêng tôi vẫn bị bế tắc trong câu hỏi về thiện và ác; vấn đề này đã nằm sâu trong tiềm thức của tôi.

Tôi nghĩ, thật ra đây là một vấn đề nan giải của thời cuộc Nhật Bản, không chỉ thường thấy trong giới thanh niên như chúng tôi, mà còn với những vị trung niên và lão niên. Chúng tôi đã không còn biết được thế nào là đạo đức bình thường. Tôi tin rằng Nhật Bản đã rơi vào một tình trạng người ta không còn biết noi theo tiêu chuẩn nào, kể cả việc nuôi dạy con cái.

Không những thế, trong cuộc đời riêng tư của tôi lại có những thay đổi lớn lao.

To begin with, the year before the war ended, I had lost both of my parents in one blow: even as my mother was slipping away, my father suffered a cerebral hemorrhage and died the very next morning, August twenty-fourth, without having regained consciousness.

I have three older sisters, but all of them had already married and moved away. They were living in Moji, Shanghai, and Manchuria. Travel conditions being what they were in that day, none of my sisters was able to attend the funeral. As the sole survivor on the family registry, I was responsible for the funeral arrangements, which I completed within two days with help from relatives. Then, before I could settle any further affairs, I received my mustering order and found myself off to the army.

Upon my homecoming after the war had ended, I was greeted with the twin problems of property and inheritance taxes. I come from a long line of landowners, and the small amount of land we had was under tenancy in rice fields. My father had always told me, "There's nothing as dependable as land. Even if there's a fire, it won't burn. If there's a flood, it won't wash away. If a thief sneaks in, he can't cart it off on his back.

Đầu tiên là, năm trước khi chiến tranh chấm dứt, tôi mất cả cha lẫn mẹ cùng một lúc: trong khi mẹ tôi đang hấp hối, cha tôi bị đứt mạch máu não và mất ngay sáng hôm sau, ngày 24 tháng 8, trong cơn mê man mà không một lần tỉnh dậy.

Tôi có ba người chị lớn, tất cả đều đã lập gia đình và ở xa. Họ sống ở Moji, Thượng Hải, và Mãn Châu. Trong tình trạng di chuyển bất tiện thời ấy, không người chị nào của tôi có thể về dự đám tang. Tôi trở thành người con duy nhất còn lại trong gia đình phải lo việc ma chay, và tôi đã hoàn tất mọi việc trong hai ngày với sự giúp đỡ của họ hàng thân thuộc. Thế rồi, trước khi tôi có thể sắp xếp được việc gì, lệnh nhập ngũ tới và tôi phải đi vào quân đội.

Trở về nhà sau chiến tranh, tôi phải đương đầu với hai vấn đề một lúc, vấn đề bất động sản và thuế đất. Gia tộc tôi từ lâu đời vốn là địa chủ, và số đất ít ỏi chúng tôi có hiện giờ đang cho thuê. Cha tôi luôn luôn dạy tôi là, "Không có gì bền vững hơn là đất. Dù có bị hỏa tai, đất cũng không cháy được. Dù cho có bị lụt lội, đất cũng không trôi mất. Nếu có kẻ trộm vào cũng không đem đất đi đâu được.

No matter what else you do in this life, don't you let go of that land!"

It so happened, though, that through no action of my own, my family's land was lost to the government's agrarian reform program. So now with even *this* gone, what was left to believe in? All that I had ever thought to be certain had turned out to be uncertain.

The war I had thought was holy turned out to be evil. I had not expected my own parents to die so suddenly, and yet there they went, one right after the other. The insurance money that my father had set aside to provide for his children in the event that something should happen to him was subject to a freezing of funds, and not a cent was available for my use. And our ever-dependable land was now lost.

At the same time, prices were constantly on the rise. What could be bought for one yen one day cost ten yen the next, and before one knew it, a hundred-yen note was needed! It was practically unheard of in that time for students to hold part-time jobs, and consequently, I hadn't the slightest experience in using these hands and this body to earn wages.

Dù con có làm gì khác trong đời, cũng không nên để mất miếng đất này.”

Nhưng rồi, sự việc đã xảy ra, mặc dù tôi không làm gì cả, mảnh đất của gia đình tôi đã bị tịch thu trong chương trình cải cách đầy tham lam của chính phủ. Bây giờ cả đất cũng mất đi, tôi còn gì để tin tưởng nữa? Tất cả những điều tôi cho là chắc chắn trước đây đã không còn chắc chắn nữa.

Cuộc chiến tranh tôi cho là thánh thiện đã trở thành cuộc chiến xấu xa. Tôi không nghĩ là cha mẹ tôi sẽ chết đột ngột như vậy, nhưng rồi họ đã ra đi, người nọ theo người kia ngay sau đó. Số tiền bảo hiểm cha tôi đã để riêng ra phòng hờ cho các con trong trường hợp có điều bất trắc xảy ra cho ông đã bị phong tỏa lại, và không một xu nào được đưa cho tôi cả. Và miếng đất vốn dĩ đã làm nền tảng cho gia đình xưa nay bỗng chốc mất đi.

Đồng thời trong lúc đó, vật giá lên cao liên tục. Món hàng mua với giá một *yen* ngày hôm nay tăng vọt lên thành mười *yen* hôm sau, và trước khi người ta kịp biết, phải cần đến tờ giấy bạc một trăm mới mua được! Thời đó thực tế là không hề có chuyện đi làm bán thời gian đối với các sinh viên học sinh. Do đó tôi không có một chút kinh nghiệm gì trong việc đem hai bàn tay trắng ra đi làm nuôi thân.

The problem of ethical standards aside, there was the very concrete economic question of how I was going to survive.

Looking back on myself in those days, I realize that it would not have been so curious if I had joined a gang of hooligans. Nor would it have been strange if I had committed suicide by hurling my body onto a railroad track. I woke up miserable every morning, and every day was as good as lost. Falling asleep in the worst of spirits, I would awaken to a new morning even darker.

This vicious cycle continued day after day, but somehow I managed to graduate from high school. However, as I had absolutely no inclination to enroll in university or to study anything at all, I went on to pass the days idly slouching around. Then, in the midst of that intense mental agony, I finally struck upon a realization: for as long as I could remember, I had done nothing but read books, acquire knowledge, churn up theories. The reason that I was now at a total loss for what to do with myself was, in the end, that I had never really used this body of mine in any kind of disciplined way.

Ngoài vấn đề tiêu chuẩn đạo đức, còn có câu hỏi nan giải trước mắt là làm sao tôi có tiền để sinh sống được đây.

Nhìn lại những ngày ấy, tôi nhận ra rằng nếu như tôi có gia nhập một đám băng đảng nào cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên. Và cũng không có gì lạ nếu tôi nhảy vào đường rầy xe lửa tự tử. Mỗi buổi sáng tôi thức dậy cảm thấy thật thống khổ, mỗi một ngày qua đi trong sự vô vọng. Đêm đến tôi thiếp ngủ đi tinh thần xuống dốc hơn lúc nào hết, để rồi sáng hôm sau thức dậy càng cảm thấy đen tối hơn.

Vòng luẩn quẩn ác nghiệt này tiếp tục ngày này qua ngày khác, nhưng rồi tôi vẫn tốt nghiệp được trung học. Tuy nhiên, vì không có một chút ý định nào muốn ghi tên vào trường đại học hay học một ngành gì cả, tôi chỉ vất vưởng qua ngày một cách lười biếng. Rồi, giữa lúc tinh thần đang đau khổ cao độ như thế, một ngày kia tôi nhận ra rằng: từ xưa tới giờ, tôi chẳng làm gì cả ngoài việc chỉ biết đọc sách, thâm thập kiến thức và xoay quanh những lý thuyết. Lý do khiến tôi không biết phải làm gì với tôi hiện nay, hóa ra là tôi chưa từng biết sử dụng thân mình một cách có kỷ luật bao giờ cả.

the encounter at misery's end

SO IT WAS, through these mysterious causes and conditions, that I was led to knock at the gates of Zen temples. I still feel very grateful that, after calling at two or three temples, I was brought to Daishuin in Kyoto, where I still reside, to train under Zuigan Goto Roshi. Zuigan Roshi, formerly the abbot of Myoshinji and at that time the abbot of Daitokuji, was a truly great man.

I showed up at Roshi's door with long stringy hair, unkempt, with a towel hanging from my waist and heavy clogs on my feet. This great man's first words to me were, "Why have you come here?"

In reply, I rambled on for about an hour and a half, covering the particulars of my situation up to and including my present state. Roshi listened in silence, not attempting to insert so much as a single word.

cuộc gặp gỡ trong bước đường cùng

THẾ RỒI, sự kết hợp kỳ bí những nhân duyên nào đó đã khiến tôi lê bước đến gõ cửa các thiền viện. Tôi vẫn còn cảm thấy thật biết ơn, là sau khi đến viếng thăm vài ba ngôi chùa, tôi đã được giới thiệu đến chùa Daishuin ở Kyoto, mà ngày nay tôi vẫn còn ở, dưới sự hướng dẫn của Đại Sư Thụy Nham Tông Thạc. Đại sư Thụy Nham trước đây đã trụ trì chùa Diệu Tâm và lúc bấy giờ đang trụ trì chùa Đại Đức, là một con người vĩ đại vô cùng.

Tôi xuất hiện nơi ngưỡng cửa Đại sư, mái tóc để dài bết lại, rối bời, một cái khăn vắt vẻo nơi bụng, chân đi đôi guốc gỗ nặng nề. Câu đầu tiên con người vĩ đại này nói với tôi là: “Tại sao anh đến đây?”

Để trả lời, tôi nói lan man một tiếng rưởi đồng hồ, kể lể hoàn cảnh của tôi từ trước tới giờ và tình trạng hiện nay ra sao. Đại sư im lặng lắng nghe, không tỏ vẻ muốn nói chen vào một tiếng nào.

When I had finished my exposition, he spoke, "Listening to you now, I can see that you've reached a point where there's nothing you can believe in. But there is no such thing as practice without believing in your teacher. Can you believe in *me*?"

"If you can, I'll take you on right now, as you are. But if you can't believe in me, then your being here is just a waste of time, and you can go right on back where you came from."

Zuigan Roshi, for his part, set forth in no uncertain terms from the very beginning the precept of believing wholeheartedly in one's teacher, but I was not sensible enough at that time to yield with a ready and honest affirmation.

Roshi was then seventy years old, and I told myself, "That foolish old man! So what if he is the head of Myoshinji or the head of Daitokuji. Lots of 'important' people in this world aren't worth much.

Sau khi tôi đã nói xong, ngài nói: "Nghe anh nói từ này giờ, tôi có thể thấy được rằng anh đã tới tình trạng không còn tin tưởng được ở điều gì nữa. Nhưng trong việc học đạo, không thể làm được gì nếu không tin tưởng nơi thầy của mình. Anh có tin được tôi không?"

Nếu anh tin được, tôi sẽ nhận anh ngay bây giờ, ngay trong tình trạng này. Nhưng nếu anh không thể tin tưởng được tôi, thì anh có ở đây cũng chỉ phí thì giờ, và tốt hơn là anh nên trở về chốn cũ của mình."

Thụy Nham đại sư, ngay từ đầu, đã khẳng định một cách kiên quyết về điều luật phải tin tưởng hết lòng nơi thầy mình, nhưng tôi lúc đó chưa đủ hiểu biết để có thể nói một cách sẵn sàng và thành thực rằng: "Dạ được!"

Đại sư lúc đó đã bảy mươi tuổi, và tôi tự nhủ thầm: "Ông già lắm cảm! Ông ấy là hòa thượng trụ trì chùa Diệu Tâm hay chùa Đại Đức thì đã sao. Thiếu gì *nhân vật quan trọng* trên đời này cũng chẳng ra cái gì.

If believing were so easy that I could just believe, unconditionally, in somebody I had just met for the first time, then wouldn't I have believed in something before I ever showed up here? Didn't I come here in the first place because I *don't* find it so easy to believe?"

All this ran through my mind, but I knew from the start that if I were to say it aloud, I would be told straightaway, "In that case, your being here is a waste of time. Go on home now."

Figuring that, even if my words were a lie, this man would have to let me stay if I spoke them, I said, "I believe in you. Please."

At that time, I had no idea of the weight of the words *I believe*, but it was a lesson I was to be taught before the end of that very day.

Nếu tin tưởng dễ dàng, không điều kiện như vậy vào một người mới chỉ gặp lần đầu, thì tôi đã tin được vào một điều gì trước khi đến đây rồi! Chẳng phải là tôi đến đây chỉ vì tôi không thể nào tin tưởng dễ dàng được một điều gì sao?"

Tất cả những ý tưởng chạy băng ngang qua trí óc tôi, nhưng ngay từ đầu tôi đã biết là nếu tôi nói ra, tôi sẽ bị trả lời thẳng thừng là: "Nếu vậy thì anh đến đây chỉ mất thì giờ vô ích. Hãy trở về đi!"

Tôi tự nghĩ, dù cho có nói láo nhưng miễn là có nói những lời ấy ra, vị thầy sẽ cho tôi được ở lại, nên nói: "Con tin tưởng nơi thầy. Xin thầy hoan hỉ nhận con."

Lúc ấy, tôi không hề biết chút gì về sức nặng của chữ "Con tin tưởng", nhưng đó là một bài học mà tôi được dạy ngay sau đó, trước khi hết ngày.

there is no trash

"FOLLOW ME," directed the roshi, and he assigned me my first task: to clean the garden. Together with this seventy-year-old master, I went out to the garden and started sweeping with a bamboo broom. Zen temple gardens are carefully designed with trees planted to ensure that leaves will fall throughout the entire year; not only the maples in autumn but also the oaks and the camphors in spring regularly shed their foliage. When I first arrived, in April, the garden was full of fallen leaves.

The human being (or, my own mind, I should say) is really quite mean. Here I was, inside my heart denouncing this "old fool" and balking at the very idea of trusting so easily; yet, at the same time, I wanted this old man to notice me, and so I took up that broom and swept with a vengeance. Quite soon I had amassed a mountain of dead leaves. Eager to show off my diligence, I asked, "Roshi, where should I throw this trash?"

không có gì là rác

“HÃY ĐI THEO TA,” đại sư ra lệnh, và ngài giao cho tôi công việc đầu tiên là quét dọn vườn. Đi cùng với lão sư bảy mươi tuổi ra ngoài vườn, tôi bắt đầu làm việc quét dọn với cây chổi tre. Vườn thiền trong khuôn viên các chùa thường được bố trí cẩn thận với những loại cây cho lá rụng quanh năm. Không những mùa thu cây phong lá rụng đầy, mùa xuân cây sồi và cây khuynh diệp cũng thay lá. Khi tôi vừa đến vào tháng tư, mảnh vườn đã rải rác đầy lá rụng khắp nơi.

Con người (hay có lẽ là tâm tôi thì đúng hơn) thật sự rất xấu tính. Tôi đứng đây, trong tâm đang rửa thềm “ông già lắm cảm” này và chống lại ngay cả cái ý tưởng có thể tin tưởng dễ dàng vào một điều gì như vậy; nhưng cùng lúc đó, tôi lại muốn ông già này chú ý tới tôi, nên tôi cầm chổi lên quét lia quét lịa. Chẳng mấy chốc tôi đã vun đăm lá rụng thành một đống lớn. Hăng say tỏ vẻ chăm chỉ, tôi hỏi: “Đại sư, con vứt đống rác này đi đâu?”

The words were barely out of my mouth when he thundered back at me, *"There is no trash!"*

"No trash, but...look here, " I tried to indicate the pile of leaves.

"So you don't believe me! Is that it?"

"It's only that, well, where should I throw out these leaves?" That was all that was left for me to say.

"You don't throw them out!" he roared again.

"What should I do then?" I asked.

"Go out to the shed and bring back an empty charcoal sack," was his instruction.

When I returned, I found Roshi bent to the task of combing through the mountain of leaves, sifting so that the lighter leaves came out on top while the heavier sand and stones fell to the bottom. He then proceeded to stuff the leaves into the sack I had brought from the shed, tamping them down with his feet. After he had jammed the last leaves tightly into the sack, he said, "Take these to the shed. We'll use them to make a fire under the bath."

Lời nói vừa ra khỏi miệng tôi, thầy đã mắng ngay:
"Không có rác gì hết!"

"Không có rác à, thế sao, thầy xem cái đống này," tôi gắng chỉ cho thầy thấy đống lá trước mặt.

"VẬY LÀ MI KHÔNG TIN TA HẢ! CÓ PHẢI KHÔNG?"

"Không phải thế... nhưng... con phải vứt mấy chiếc lá này đi đâu bây giờ?" Tôi chỉ còn biết nói như vậy.

"Mấy chiếc lá ấy không vứt đi đâu cả!" Thầy lại gầm lên.

"VẬY CON PHẢI LÀM GÌ?" Tôi hỏi.

"Đi ra nhà kho đằng kia lấy cho ta cái túi đựng than," thầy ra lệnh.

Khi tôi trở lại, thầy đang cầm cúi cào núi lá kia, sàng cho lá nhẹ ngoi lên trên mặt, và đất cát sỏi đá nặng hơn sẽ rơi xuống dưới. Sau đó thầy bắt đầu nhồi lá vào trong chiếc túi tôi đem ra từ nhà kho, lấy chân dậm cho lá xẹp xuống. Sau khi đã nhét chặt tới chiếc lá cuối cùng vào trong túi rồi, thầy nói: "Đem túi này ra nhà kho. Mình sẽ dùng để đun nước tắm."

As I went off to the shed, I silently admitted that this sack of leaves over my shoulder was perhaps not trash; but I also told myself that what was left of that pile out there in the garden was clearly trash, and nothing but trash. I got back, though, only to find Roshi squatting over the remains of the leaf pile, picking out the stones. After he had carefully picked out the last stone, he ordered, "Take these out and arrange them under the rain gutters." When I had set out the stones, together with the gravel that was already there, and filled in the spaces pummeled out by the raindrops, I found that not only were the holes filled but that my work looked rather elegant. I had to allow that these stones, too, failed to fall into the category of trash. There was still more, though: the clods of earth and scraps of moss, the last dregs. Just what could anyone possibly do with that stuff, I wondered.

I saw Roshi going about his business, gathering up these scraps and placing them, piece by piece, in the palm of his hand. He scanned the ground for dents and sinks; he filled them in with the clods of earth, which he then tamped down with his feet.

Trong lúc đi ra nhà kho, tôi thầm công nhận túi lá tôi đang mang trên vai này có lẽ chẳng phải là rác; tôi cũng nhủ thầm rằng đồng lá còn lại ngoài vườn kia rõ ràng chỉ là rác, và không có gì khác hơn là rác cả. Nhưng khi trở lại, tôi thấy thầy đang ngồi xôm trên đồng rác còn lại, lượm ra từng viên đá. Sau khi thầy đã cẩn thận nhặt lên viên đá cuối cùng, ông nói: "Lấy mấy viên đá sỏi này ra trải dưới ống máng nước mưa." Khi tôi trải những viên đá trộn lẫn với sỏi đã có sẵn ở đó, và lấp đầy những chỗ bị xoáy bởi nước mưa, tôi nhận thấy những lỗ này không những được lấp đầy, mà trông còn đẹp hẳn lên. Tôi lại phải công nhận rằng những viên đá này cũng không xếp loại là rác được. Nhưng chưa hết: vẫn còn những miếng đất, những mảnh rêu sót lại từ đồng rác hồi nãy. Ai có thể làm gì được với những thứ đó, tôi tự hỏi.

Tôi thấy thầy đang lúi húi nhặt những miếng này lên và để vào lòng bàn tay, từng cái một. Thầy đảo mắt tìm kiếm những cái khe, những chỗ lõm trên mặt đất, rồi trám chúng vào đó và đập chân lên cho bằng.

Not a single particle remained of the mountain of leaves.

"Well?" he queried, "Do you understand a little bit better now? From the first, in people and in things, there is no such thing as trash."

This was the first sermon I ever heard from Zuigan Roshi. Although it did make an impression on me, unfortunately, I was not keen enough to attain any great awakening as a result of simply hearing these words.

From the first, in people and in things, there is no such thing as trash. These words point to the fundamental truth of Buddhism, a truth I could not as yet conceive in those days.

"Wonder of wonders! Intrinsically all living beings are buddhas, endowed with wisdom and virtue. Only because they cling to their delusive thinking do they fail to realize this." This was Shakyamuni Buddha's exclamation at the instant of his enlightenment.

Rốt cuộc, chẳng còn lại một chút gì từ đống lá hồi này cả.

“Sao?” thầy hỏi. “Mi có hiểu hơn được một chút nào chưa? Từ nguyên thủy, dù là người hay vật, chẳng có cái gì là rác cả.”

Đây là bài pháp đầu tiên mà tôi được nghe từ Đại sư Thụy Nham. Tuy bài pháp đó có gây cho tôi một ấn tượng, nhưng tiếc thay, tôi không có đủ trí tuệ để đạt ngộ khi nghe những lời lẽ đó.

“Từ nguyên thủy, dù là người hay vật, không có cái gì là rác cả.” Những lời lẽ này chỉ thẳng tới chân lý căn bản của Đạo Phật, một chân lý tôi chưa thể nhận ra được trong những ngày tháng đó.

“Kỳ diệu thay! Mọi chúng sanh vốn đều là Phật, đều có sẵn trí huệ và đức hạnh nơi mình. Chỉ vì chấp chặt những vọng tưởng sai lầm nên chúng sanh không thể nhận ra được.” Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thốt lên câu này trong giây phút giác ngộ.

To put it in other words, all beings are, from the first, absolutely perfect, but because people are attached to deluded notions, they cannot perceive this innate buddha-nature.

In the classical Chinese sutras it is written that Shakyamuni said, "I attained buddhahood together with all the grasses, the trees, and the great earth."

In a split second, the mist before his eyes cleared, and Shakyamuni Buddha could see the true form of reality. "Up to now, I thought all beings in this world were living only in pain and misery, in deep unhappiness. But, in reality, aren't all beings, just as they are, living in buddhahood, living in a state of absolute perfection? And doesn't this apply not only to those who are healthy and sound of body, but also to those who are blind, to those without hands, to the ones who are barely dragging themselves along? Isn't each and every one, just exactly as he or she presently is, a perfect and flawless being?" Awed and astonished, the Buddha called out in the voice of satori.

Nói một cách khác, mọi chúng sanh nguyên thủy vốn đã toàn hảo, nhưng bởi vì bám víu vào những khái niệm si mê, nên họ không thể nhận thức được Phật tánh có sẵn nơi mình.

Theo kinh điển Trung Hoa Đức Phật Thích Ca nói: "Ta thành Phật cùng với tất cả cỏ cây và đại địa."

Trong giây phút chớp nhoáng, màn sương che phủ trước mắt ngài tan biến, và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thấy được chân lý hiện tiền. "Từ đó tới giờ, ta đã nghĩ rằng tất cả chúng sanh trong thế giới này chỉ sống trong sự đau khổ và khốn cùng, trong những bất hạnh sâu xa. Nhưng thực ra chẳng phải tất cả mọi chúng sanh, ngay nơi hiện thân của họ, đều đang sống trong tánh Phật, đều đang có sẵn sự toàn hảo tuyệt đối đó sao? Và chẳng phải điều này không chỉ áp dụng cho những người đang khỏe mạnh an vui nơi thân và tâm, mà còn với những kẻ mù lòa, những kẻ tật nguyền không có tay chân, phải kéo lê thân xác mình một cách khó khăn đó sao? Chẳng phải là mỗi người trong chúng ta, ngay trong trạng thái hiện tại của mình, đều là một thực thể toàn hảo, không khiếm khuyết đó sao?" Lòng đầy cảm kích và kinh ngạc, Đức Phật đã thốt lên như vậy trong giây phút giác ngộ của ngài.

Every year, I go to Hokkaido to lecture, and one year, there was a woman present who asked to meet me after the talk. The young woman, an ardent believer in Christianity, had this to say: "Listening to your talk today, I could see that about all Buddhism tells us to do is throw away our desires. On the other hand, Christianity says, 'Ask, and it shall be given you. Seek, and you shall find. Knock, and the door shall be opened to *you*.' This teaching answers the hopes of young people like myself. What do you think about this, Roshi?"

I answered her with a question of my own. "Is that to say that no matter how you knock, no matter how you seek, you shall receive and the door will be opened to you? Is it not the case that unless one knocks and seeks in a way that is in accord with the heart of God, the door surely will *not* be opened, nor will one's desires be granted?"

Mỗi năm, tôi đều đi Hokkaido để thuyết giảng. Có một năm, sau khi nghe tôi nói chuyện, một thiếu phụ xin đến gặp. Cô vốn là người rất sùng mộ đạo Thiên chúa, đã nói như sau: “Nghe thầy nói chuyện hôm nay, con thấy rằng tất cả những điều Đạo Phật muốn khuyên người ta làm chỉ là buông bỏ hết dục vọng. Trong khi đạo Thiên Chúa nói rằng ‘Hãy hỏi xin, người sẽ được cho. Hãy tìm kiếm, người sẽ được thấy. Hãy gõ cửa, cửa sẽ mở ra cho người.’ Những lời dạy đó đáp ứng được kỳ vọng của giới thanh niên trẻ tuổi như con đây. Thầy nghĩ sao về vấn đề này?”

Tôi trả lời cô ta bằng một câu hỏi khác: “Nói như thế có nghĩa không cần biết cô gõ cửa như thế nào, tìm kiếm ra sao, cô cũng sẽ được ban bố, cũng sẽ được mở cửa ư? Chẳng phải là trừ khi người ta tìm kiếm và gõ cửa cách nào để có thể cảm ứng được với Tâm của Thượng đế, cửa mới mở ra được, và điều ước nguyện mới được ban cho sao?”

I have heard the Christian teaching, "You devise your way, but God directs your steps"—you desire and choose and seek as you please, but it is God who decides whether or not your wishes are to be granted.

So, too, Buddhism does not say only to throw away all desire, to toss aside all seeking. It is especially in the Zen sect that we seek, that we knock at that door through a practice so intensive as to be like carving up our very bones. Buddhism points out, however, that after all the seeking, what we attain is the realization that what we have sought was always, from the first, already ours; after all the pounding away, we awaken to the fact that the door was already open before we ever began to knock.

So you see, Zuigan Roshi pointed out the most basic truth right from the start when he said, "From the first, in people and in things, there is no such thing as trash." Unfortunately, I did not understand him. I went on pretending to be a disciple who trusts his roshi, while inside my heart I criticized and resisted. To tell you the truth, I found almost everything he said irritating.

Tôi đã nghe câu nói của đạo Thiên chúa: “Ta làm ra con đường của mình, nhưng Chúa sẽ định hướng những bước đi”—ta có quyền ước muốn và lựa chọn, mặc tình tìm kiếm, nhưng Chúa mới định đoạt những nguyện vọng của ta có thể thành được hay không.

Cũng vậy, Đạo Phật không chỉ nói là phải vứt bỏ hết mọi ước muốn, dẹp hết mọi tìm kiếm. Nhất là ở trong sự tu tập Thiền, chúng ta gõ vào cánh cửa qua sự hành trì thật gắt gao, hầu như là có thể mài dũa tới tận xương tủy của mình vậy. Tuy nhiên, đạo Phật chỉ ra rằng, sau khi đã tìm kiếm tất cả, điều chúng ta đạt được lại là sự nhận thức rằng những gì tìm kiếm vốn đã luôn luôn có sẵn nơi mình, rằng sau tất cả những công phu miên mật, chúng ta thức tỉnh thấy được thật ra cửa đã mở sẵn từ trước khi chúng ta bắt đầu gõ vào.

Như vậy, các bạn thấy rằng Đại sư Thụy Nham đã chỉ ra sự thật căn bản nhất từ đầu khi ngài nói, “Từ nguyên thủy, dù cho ở người hay vật, không có gì là rác cả.” Đáng tiếc là tôi đã không hiểu được ngài. Tôi tiếp tục làm ra vẻ như mình là một đệ tử đang tin tưởng hết mình vào thầy, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn thường chê bai và chống đối lại. Nói trắng ra, gần như hầu hết những lời thầy nói đều làm tôi cảm thấy bực bội.

consumed with cleaning

MANY PEOPLE look down on activity that pertains to the basic necessities, but I myself do not regard such work as menial. If you desire to gaze out over wide vistas, you do well to climb up to a high spot. But if you wish to gaze into the human heart, you must climb down and look from a low place.

As soon as I entered a Zen temple, I was made to do just that through a routine of all-out cleaning. From morning to night, my mind came to be consumed with cleaning. This led to quite a preposterous experience, and one that illustrates a thorny aspect of practice.

If a person knows that they can come to some understanding of truth through the practice of cleaning, they just may get caught up in the practice and find that they are actually moving further away from seeing truth. Their own heart has become fettered by that practice.

chỉ còn biết lau chùi

NHIỀU NGƯỜI thường khinh rẻ những hoạt động cần thiết cho nhu cầu căn bản hằng ngày, nhưng đối với tôi, những việc đó không được xem là lam lũ chân tay. Nếu bạn muốn nhìn phong cảnh bao quát toàn diện ở ngoài, bạn phải trèo lên một địa điểm cao mới thấy được rõ. Nhưng nếu bạn muốn thấy tâm con người, bạn phải bước xuống mà nhìn từ một chỗ thấp.

Ngay sau khi vào thiền viện, tôi đã phải làm điều đó qua công việc lau dọn hằng ngày. Từ sáng đến tối, tâm trí tôi không còn có gì khác hơn là chỉ biết lau chùi. Điều đó dẫn đến một kinh nghiệm oái ăm, phát hiện ra một khía cạnh gai góc trong sự tu tập.

Nếu có người nào biết rằng họ sẽ hiểu được phần nào chân lý qua việc quét dọn lau chùi, họ có thể bị vướng mắc trong sự thực hành này và rồi nhận ra rằng thực sự họ đang xa rời khỏi sự nhận thức chân lý ấy. Tâm của họ đã bị chướng ngại bởi chính sự thực hành.

One morning, after I had prepared the meal and given the call to breakfast, Zuigan Roshi slowly entered the dining room and said, "Hey, go into my room and, from my desk, look toward the alcove."

Generally, to the ears of a novice monk, the Zen master's manner of speaking comes across much like anger. So when I heard Roshi's words, I thought with a start, "Uh-oh, I bungled the cleaning again!" and immediately rushed to his room.

Roshi's room was small, four and a half tatami mats. The distance between his desk and the alcove could not have measured two meters, but though I carefully inspected the area, I could not find even so much as a bit of dust or a drop of water left from the swab. I crawled about the room on all fours, but I could not find a problem anywhere.

I planted myself there for a while and tried to think it out, but I hadn't a clue as to why Roshi was irritated with me. It couldn't be helped; I resigned myself to being yelled at again and returned to the dining room.

Một buổi sáng, sau khi tôi đã dọn bữa điểm tâm và mời ngài ra dùng, Thụy Nham đại sư chậm rãi bước ra phòng ăn nói rằng: “Này, đi vào phòng của ta, đứng ở chỗ cái bàn nhìn về phía bệ thờ xem.”

Thường thường, tai của một sa-di mới nhập viện hay nghe thấy giọng nói của thầy mình như là đang tức giận. Vì thế, khi nghe thầy nói vậy, tôi giật mình nghĩ thầm: “Chết rồi, mình lại quét dọn hỏng gì nữa đây,” và rồi lập tức chạy vào trong phòng thầy.

Phòng của thầy rất nhỏ hẹp, chỉ độ bốn chiều rưỡi (diện tích chừng 3m x 4m). Khoảng cách giữa bàn của ông với bệ thờ chưa đầy hai mét, nhưng mặc dù tôi đã xem xét cẩn thận khu vực này, tôi cũng không tìm ra được một vết bụi hay một giọt nước nào nhỏ xuống. Tôi bò ra sàn nhà tìm khắp nơi, nhưng chẳng thấy chỗ nào có vẻ có vấn đề cả.

Tôi ngồi thờ người ở đấy, cố tìm hiểu tại sao thầy lại giận dữ với mình, nhưng không thể nào nghĩ ra được. Thôi cũng đành, lại phải ra chịu đựng sự mắng mỏ thôi, tôi vừa nghĩ vừa đi trở lại phòng ăn.

"I don't understand what I did wrong in the cleaning," I nervously admitted to Roshi. "Please show me."

"You fool!" he came back at me. "Who said you did anything wrong in the cleaning? This morning I put that single rose of Sharon in the bud vase. It goes well with the scroll and looks so beautiful, so I told you to go take a look at it. You did see the flower, didn't you?"

It dawned on me that I had not, in fact, noticed a flower. I went back into Roshi's room to look. The wall of the alcove, which had been standing for over 250 years, was darkened. Against the smoky wall there was a scroll with the single large calligraphy of the ideograph for *dew*.

When a Zen monk writes the word *dew*, it is not to the natural phenomenon that he refers, but to direct revelation. Nothing concealed anywhere. Truth, revealed in all things. Buddha revealed in all things. Dharma revealed in all things.

“Con không hiểu con đã làm gì sai trong việc quét dọn phòng thầy,” tôi bứt rứt nói, “Xin thầy dạy cho con biết.”

“Đồ ngu!” Ông quát lại. “Ai bảo là mi làm gì sai trong việc quét dọn đâu? Sáng nay ta vừa cắm một bông hồng *Sharon* ở trong cái lọ. Trông nó thật hài hòa với tấm liễn ở trên, thật là đẹp mắt, nên ta bảo mi đi vào đó xem. Mi có thấy cái bông hồng chứ?”

Tôi chợt nhận ra rằng, sự thực là tôi chẳng để ý thấy cái bông hồng nào cả. Tôi trở lại phòng thầy để nhìn. Bệ thờ được đặt trước một bức tường xưa đã đứng đó từ hơn hai trăm năm mươi năm nay, màu sắc đã sẫm lại. Trên bức tường mờ tối đó, một tấm liễn treo dọc xuống, vẽ theo kiểu thư pháp một chữ *Lộ* (sương) duy nhất.

Khi một vị thiền tăng viết chữ *Lộ*, ông không có ý muốn nói đến một hiện tượng thiên nhiên, mà ngụ ý đến sự hiển lộ trực tiếp. Không có gì có thể che dấu ở đâu được. Chân lý, hay Pháp, đều lộ ra ở khắp mọi nơi, khắp mọi vật. Phật tánh đều lộ ra trong tất cả vạn pháp.

If you all just let the scales drop from your eyes, you realize then that everything everywhere is filled with truth; everything everywhere is filled with Buddha; everything everywhere is to be appreciated! This is what the scroll of *dew* was hanging there to say.

Beneath the scroll, a large pure white blossom seemed to float out from the old plastered wall and bathe the eye with its beauty.

Just moments before, I had failed to see that flower. My eyes had been tightly shut to it. And herein lies the difficulty of practice.

My oversight was to become grist for my teacher's lectures. After I made this blunder, Zuigan Roshi was wont to say during talks, "If the heart is caught up, fettered, you cannot see even what you are looking right at. Why, just the other day, that idiot who is sitting right over there"

Nếu ta để cho những lớp vẩy che mắt rơi xuống, chúng ta sẽ nhận ra rằng tất cả mọi thứ, trong tất cả mọi nơi, đều hàm chứa chân lý tràn đầy; mọi thứ mọi nơi đều tràn đầy tính Phật, mọi thứ mọi nơi đều tự có chân giá trị. Đó là ý nghĩa chữ *Lộ* của tấm liễn treo trên tường.

Bên dưới tấm liễn, một đóa hoa lớn màu trắng tinh khiết dường như đang nổi lên từ bức tường vôi cổ, chan hòa một vẻ đẹp huyền diệu trước mắt người xem.

Chỉ mấy phút trước đây thôi, tôi đã không thấy được đóa hoa đó. Mắt của tôi đã đóng chặt lại không thấy nó. Đó chính là cái khó khăn gặp phải trong sự tu tập.

Sự bỏ sót ấy của tôi trở thành một đề tài cho những bài giảng dạy của thầy. Sau khi tôi đã phạm phải lỗi lầm này, Thụy Nham đại sư thường hay nói trong những câu chuyện là: “Nếu tâm bị vướng mắc, bị chướng ngại, ta sẽ không thể thấy được ngay cả những vật mắt ta đang nhìn đến. Có biết không, hôm trước đây, có một tên ngu muội ngồi kia...”

confucius gives jan yu a scolding

THE SEVENTY-ONE-YEAR-OLD roshi who took me in as his disciple had worked hard at Tokyo University and graduated at the top of his class; he had seen his way through Zen training and had served as the head of the Daitokuji temple complex. Such was his personal history, and here I was-twenty or thereabouts, with nothing to offer but a high school education under the old system, no university training-becoming his disciple. From my own lowly state, I looked up to Roshi as one would look up to the Himalayas.

So there I was, in the early days of practice, already despairing of my future, as if there were really no use going on, torturing myself with the notion that there was just no way I would ever be fit to walk in Roshi's footsteps.

lời khổng tử răn dạy nhiệm cầu

VỊ LÃO SƯ BẢY MƯỜI TUỔI của tôi đã học hành chuyên cần ở trường Đại học Tokyo và đã tốt nghiệp thủ khoa trong khóa; ông đã thấu tỏ con đường thiền đang đi và đã là viện trưởng hệ thống các thiền viện Đại Đức. Đó là tiểu sử thân thể của ông, trong khi tôi đây – tuổi xấp xỉ đôi mươi, chẳng có gì để phô trương ngoài học vấn trung học thời xưa cũ, chẳng bao giờ lên đại học – tôi đã là đệ tử của ông. Với vị trí thấp kém của mình, tôi ngưỡng vọng lên thầy như một người ở dưới ngược lên nhìn núi Hi Mã Lạp Sơn.

Và thế là tôi, trong những ngày mới vào tu tập, chưa chi đã thấy tuyệt vọng khi nghĩ đến tương lai, cảm thấy như là chẳng có ích lợi gì để tiếp tục, và tự hành hạ mình với ý tưởng là không thể nào mình xứng đáng để có ngày bước vào thay thế bước chân của thầy được.

Every now and again, sensing some indication of praise from Roshi, I would soar to the heavens, but soon enough I would drive myself back down to the bottoms of despair.

My dilemma was not unique. Perhaps most everyone, from times of old to today, who has set out to practice has suffered the same problem. There was Tzu-lu, for instance, a disciple of Confucius' in ancient China. Tzu-lu had lived a hooligan's life until the day he unceremoniously barged into the place where Confucius was quietly teaching the Way of the Saints. Struck with the master's character, Tzu-lu became his disciple. This Tzu-lu was a man who had complete confidence in his own physical strength, but he quickly realized that Confucius was not only a man who taught the Way of Virtue through his own gentle and virtuous character but that he also possessed a strength that Tzu-lu could not begin to match.

Thỉnh thoảng, khi tiếp được một vài sự ngợi khen của thầy, tôi thấy mình như bay vút lên trên mây cao, nhưng rồi sau đó lại rơi ngay xuống vực sâu của tuyệt vọng.

Sự khó khăn của tôi không phải riêng biệt. Có lẽ gần như tất cả mọi người, từ thời xa xưa cho tới nay, khi bắt đầu học đạo đều phải trải qua những tình huống như vậy. Một thí dụ là Tử Lộ, học trò của Khổng Tử ở Trung Hoa ngày xưa. Tử Lộ đã sống một cuộc đời phóng đảng cho đến khi ông tình cờ đâm bổ vào một lớp học trong đó Đức Khổng Tử đang dạy Đạo cho đệ tử của ngài. Bị thu hút bởi cá tính của vị thầy, Tử Lộ đã trở thành học trò của ngài. Tử Lộ vốn là một người rất tự tin nơi sức mạnh thể lực của mình, nhưng rồi ông sớm nhận ra rằng Khổng Tử không những là người dạy Đạo bằng sự ôn hòa và đức hạnh của mình, mà còn có sức mạnh mà Tử Lộ không thể nào sánh bằng.

Confucius had a profound understanding of the psychology of the lower classes that prompted Tzu-lu to wonder what kind of life this man had led in his earlier days. The range and depth of Confucius's knowledge were so vast that his disciples were at a loss to know exactly what to make of him. Though a diligent disciple, Tzu-lu feared he would never match his master.

On another occasion, Confucius was heard praising one of his many disciples, Yen Hui, saying, "That Hui! A single bamboo bowl, a gourdful of drink, living in a back alley. Others would have found such a life unbearably depressing, but Hui's good humor was not dampened a bit. Worthy indeed was Hui!"

Confucius was essentially saying, "Ah, that disciple of mine, Yen Hui, what a great human being he was. He ate the poorest food, drank only water"—in China where the water was bad, having tea to drink was simply taken for granted, so to lead a life where one has only water to drink was quite remarkable!—"and he lived in the slums.

Khổng Tử thông hiểu sâu xa tâm lý tầng lớp dân chúng hạ lưu, khiến Tử Lộ phải tự hỏi không biết trước đây Ngài đã có đời sống như thế nào. Kiến thức của Khổng Tử sâu rộng đến nỗi các đệ tử của Ngài đều không ai hiểu được ngài như thế nào cả. Tuy là một đệ tử rất chuyên cần, Tử Lộ cũng e ngại mình sẽ không thể theo kịp thầy.

Trong một dịp, Đức Khổng Tử buông lời khen ngợi một trong những đệ tử của ngài là Nhan Hôi, rằng: "Hay thay Hôi sinh! Chỉ sống với một bát tre, một ngụm nước, ở trong một ngõ hẻm chật hẹp. Những người khác chắc sẽ thấy đời sống đó buồn chán không chịu nổi, nhưng Hôi lúc nào cũng vẫn lạc quan, vẫn giữ vững tinh thần như thường. Thật đáng ca ngợi!"

Ý của Khổng Tử muốn nói là: "A, đệ tử Hôi của ta, nó thật là người phi thường. Nó ăn thức ăn tồi tàn nhất, uống nước lạnh không thôi" – ở bên Tàu vì nước xấu, cho nên uống trà là sự thường tình, nếu trong cuộc sống chỉ uống nước lạnh không quả là một điều đáng chú ý! – "và ở trong một căn nhà lụp xụp.

Most people would find such a life unendurable and fall into despair. But not Yen Hui! Even in the midst of that life, nothing stopped him from happily following the Way. What a wonderful fellow was Yen Hui!"

Now, Jan Yu, a disciple who was present at the time, raised a concern, "It is not that I do not believe in the wonderful Way, which you, my master, and my excellent seniors such as Yen Hui have practiced. It is only that some of us lack the power to practice that way."

Confucius, quite out of character, sprang upon Jan Yu in forceful rebuke for his self-indulgence, "Lack of ability is an excuse for those who have at least tried, at least come partway. But you! Before even setting out to try anything, you set limits on your ability."

Confucius gave Jan Yu a sound scolding.

Hầu hết mọi người sẽ thấy đó là một điều khổ hạnh không chịu nổi và sẽ cảm thấy tuyệt vọng. Nhưng Nhan Hôi thì không thế! Dù cho có cuộc sống như vậy, cũng không có gì ngăn cản được ông hoan hỉ đi theo con đường Đạo. Nhan Hôi quả thật là con người kỳ diệu thay!"

Lúc đó, Nhiễm Cầu, một đệ tử đang có mặt, nêu lên rằng: "Không phải là con không tin vào Đạo mà thầy và các vị sư huynh tiền bối như Nhan Hôi đã thực hành. Nhưng có điều là có những người trong chúng con không đủ khả năng để làm được như vậy."

Không Tử khi ấy, thật khác với lúc thường, đã trách mắng Nhiễm Cầu một cách nặng nề về sự giải đãi này, "Thiếu khả năng là một duyên cớ cho những người ít nhất đã từng thử một lần, đã đi được một phần đường. Nhưng người! Ngay trước khi bắt đầu thử người đã tự giới hạn khả năng của mình rồi!"

Không Tử đã răn dạy cho Nhiễm Cầu một bài học đích đáng.

Everyone will have times when they may want to utter such refrains, trying to escape responsibility. Even I, speaking as I do now about Jan Yu's scolding, was once a disciple who felt exactly as he did. "There's just no way. Roshi could do it because he understands Buddhism, and he is a great human being. But me, I am just an ordinary person and, well..." This is not humility; it is nothing more than self-cherishing self-defense!

And now I recognize what kind of image my own disciples have of me. While they may not look up to me quite as highly as I looked up to Zuigan Roshi, they still seem to imagine that it is beyond their power to equal me.

That being the case, just what is it that I have accomplished up to now? I was not inspired to work my way into and out of Tokyo University as did Zuigan Roshi. Neither have I become a chief abbot.

Tất cả mọi người chúng ta đều có những lúc muốn thoát lên những lời như vậy, muốn trốn tránh trách nhiệm của mình. Ngay cả tôi, khi đang kể lại câu chuyện răn dạy Nhiễm Cầu này, cũng đã từng cảm thấy y như ông ta khi còn là một đệ tử. “Không thể nào được. Thầy làm được những điều ấy vì thông hiểu Phật pháp, vì thầy là một người vĩ đại. Nhưng tôi, tôi chỉ là một người tầm thường...” đây không phải là khiêm nhường mà bào chữa vì đã tự nuông chiều mình!

Và bây giờ, tôi nhận ra rằng các đệ tử của tôi sẽ có những hình ảnh thế nào về tôi. Có thể là họ không ngưỡng vọng tôi như tôi đã ngưỡng vọng Thụy Nham đại sư, nhưng họ dường như vẫn nghĩ rằng họ không thể nào có khả năng sánh bằng với tôi được.

Nếu thực như vậy, từ đó tới giờ tôi đã hoàn thành được những gì? Tôi không có hứng khởi muốn vào học trường Đại học Tokyo và tốt nghiệp như đại sư Thụy Nham. Tôi cũng không trở thành Viện trưởng một thiền viện nào.

What I have done is only this: When it has been my turn to work in the kitchen, I have given everything I've got to working in the kitchen.

There is no way you can exert yourself in this world without that exertion being of value. Each and every thing is the form that the heart is presently taking, the revelation of Buddha, a manifestation of Dharma. When I first entered the monastery, Zuigan Roshi, sweeping beside me in the garden, called this fact to my attention when he said, "Well, do you get it? From the first, in people and in things, there is no trash." I surely took the far and round-about way of coming to understand this in terms of actual practice, though.

"Meeting with a broom, become that broom; meeting with a bowl of rice, become that bowl of rice." Such expressions are standard fare in Zen, but the question is: How do you put it into practice in daily life?

Điều tôi làm được chỉ là: khi đến lúc phải làm việc trong bếp, tôi đã dùng hết sức mình làm việc trong bếp.

Trên đời bạn không thể nỗ lực làm gì mà không kể đến giá trị của chính sự nỗ lực đó. Trong mỗi thứ và trong tất cả đều thể hiện tâm của mình, đều là Phật hiển lộ, là Pháp biểu thị. Khi mới bắt đầu bước vào tu viện, đại sư Thụy Nham đang đứng quét vườn bên cạnh tôi, đã chỉ ra cho tôi điều đó khi ngài nói rằng: "Sao, mi đã hiểu chưa? Từ nguyên thủy, dù ở người hay vật, cũng không có gì là rác cả." Tuy vậy, tôi đã phải mất thời gian đi một đường vòng xa thực hành tu tập mới hiểu được.

"Khi cầm chổi lên, hãy trở thành cái chổi; khi bung bát cơm, hãy trở thành bát cơm." Đó là những câu nói thông thường ở trong Thiền, nhưng vấn đề là: làm sao thực hành được trong đời sống hằng ngày?

working it out for myself

IN ZEN TEMPLES, a breakfast of rice porridge is followed by tea in the roshi's room. The roshi goes over the day's schedule while a bowl of powdered green tea is whisked and served, first to him and then to the others. When I first went to train under Zuigan Roshi, a certain woman, Miss Okamoto, was living at Daishuin. This elderly lady had graduated from Ochanomizu Women's College decades ago and had worked in young women's education for many years in both Tokyo and Kyushu. When she was over forty years old, she became a serious disciple of Roshi. She quit her job and moved to be near her teacher, and, dressed in baggy work pants every day, she helped take care of him until the day he died. At that time, there were only the three of us living there, and during teatime Roshi would talk with Miss Okamoto, but he never deigned to utter a word to me.

việc phải lo

TRONG NHỮNG THIỀN TỰ, bữa điểm tâm bằng cháo được tiếp theo với tuần trà trong phòng vị thiền sư. Thiền sư duyệt qua công việc phải làm hằng ngày trong khi một ấm trà xanh bột được khuấy kỹ rồi dâng lên cho ông đầu tiên, và những người khác tiếp theo. Khi tôi mới đến học đạo với lão sư Thụy Nham, có một nữ nhân, tên là Okamoto, cũng đang sống ở trong chùa Daishuin. Người đàn bà lớn tuổi này đã tốt nghiệp trường nữ đại học Ochanomizu dưới triều đại Taisho và đã làm việc trong ngành giáo dục nữ sinh trong nhiều năm, cả ở Tokyo lẫn Kyushu. Khi đã ngoài 40 tuổi, cô trở thành một đệ tử nghiêm túc của thầy. Cô xin nghỉ việc và dọn đến ở gần với thầy, và, lúc nào cũng trong bộ quần áo lao động thùng thình, cô đã chăm nom săn sóc thầy cho đến khi ngài viên tịch. Vào lúc ấy, ở chùa chỉ có ba chúng tôi, và trong khi dùng trà Đại sư thường nói chuyện với cô Okamoto, nhưng ngài chẳng bao giờ thềm nói với tôi tiếng nào.

One day Miss Okamoto, probably out of pity, sought to bring me into the conversation. "And what do you think, Morinaga?"

"No, no," came Roshi's intervention. "This one is not yet fit to speak in front of anybody."

It was Roshi's view that in order to speak before others, one should thoroughly know oneself. This verifying of one's own essential nature is called *kensho* in Zen. Those who have not had *kensho* are not considered qualified to speak in front of other people.

This incident irked me, and once again I cursed in silence: "This hateful old man! While he proclaims that nobody and no thing are trash, isn't he treating *me* like trash?"

I thought this to myself. But if I had dared let my attitude show, that would have been it!

Một hôm cô Okamoto, có lẽ vì thương hại, đã đem tôi vào câu chuyện. "Còn con nghĩ thế nào, Morinaga?"

"Không, không," Lão sư nói chen vào. "Nó chưa đủ tư cách để nói trước mặt ai hết."

Theo quan niệm của Lão sư, muốn nói chuyện trước người khác, người ta phải tự biết mình hoàn toàn mới được. Sự nhận biết bản thể của chính mình được gọi là *Kiến tánh* trong thiền môn. Những người chưa *kiến tánh* được coi như chưa đủ tư cách để nói chuyện trước mặt người khác.

Sự việc này làm tôi tức tối, và một lần nữa tôi lại rửa thầm trong bụng: "Ông già đáng ghét! Ông ấy nói chẳng có người nào, vật nào là rác cả, nhưng ông ấy đối xử với mình có khác gì rác rến đâu?"

Tôi chỉ nghĩ thầm như vậy thôi. Nhưng nếu tôi dám tỏ lộ thái độ ra ngoài, chắc mọi sự sẽ chấm dứt ngay!

Roshi would have told me without hesitation, "Well, you can go on home now. There's no practice under a roshi that you can't respect and trust."

From this teatime experience, I understood that true belief is to accept without objections. I must agree to undertake every task, no matter how impossible it may seem. Even if I am told to do three things at once, even if I am told to do something I have never before attempted, I must never, under any circumstances, say, "I can't do it. That's impossible."

What was I to do then? As if for dear life, I had to pour all of my concentrated effort into the task—that is the only way. The very first thing that Zuigan Roshi hammered into me was belief in the teacher. That meant that I had to work things out for myself, through all-out effort, without complaint.

Lão sư chắc sẽ nói thẳng với tôi không ngần ngại rằng: “Thế à, vậy thì mi trở về nhà đi. Không ai có thể học đạo với một vị thầy mà không tôn kính và tin tưởng vị thầy ấy được.”

Qua kinh nghiệm tuần trà này, tôi hiểu rằng sự tin tưởng thực sự tức là sự chấp nhận mà không có quyền thắc mắc. Tôi phải đồng ý nhận bất cứ công việc gì, cho dù khó khăn vượt bậc đến đâu. Cho dù tôi có được bảo phải làm ba việc cùng một lúc, cho dù tôi được bảo phải làm điều gì tôi chưa từng làm, tôi cũng không bao giờ, dù bất cứ hoàn cảnh nào, được nói rằng: “Con không làm được. Điều đó không thể làm được.”

Nếu vậy, tôi phải làm sao bây giờ? Sống chết, tôi cũng phải dồn hết mọi nỗ lực tập trung vào công việc – đó là điều duy nhất tôi có thể làm được. Điều đầu tiên mà Đại sư đã nhồi nhét vào đầu tôi là phải tin tưởng nơi vị thầy. Điều đó có nghĩa là tôi phải lo làm công việc của chính mình, qua sự cố gắng toàn diện, và không được than phiền chút nào.

"i can't do it"

WHEN MY PARENTS were alive and well, I grumbled ceaselessly, and the words "I can't do it" were quick to roll off my tongue. I came to notice, however that this "I can't do it" that I was forever mouthing I was not, in reality, an unbiased assessment of an objective impossibility, but only a speculative impossibility based upon my own assessment of my power at that moment.

When you feel you have a capacity of, say, 10.0, anything up to 9.9 feels possible; the feeling "I can't do it" arises just at the point at which you are given a 10.1 assignment. The person who is quick to judge a task as impossible will never perform any task beyond a 10.0. That person will never improve. For this reason, you must never think, "I can't do it."

No matter what demands the teacher makes of you, you must somehow fulfill them.

"không thể làm được"

KHI XƯA LÚC CHA MẸ TÔI còn sống và khỏe mạnh, tôi thường cần nhằn suốt ngày, và câu nói "Con không thể làm được" lúc nào cũng sẵn sàng trên đầu môi chót lưỡi của tôi. Tuy vậy, tôi để ý thấy rằng câu "Con không thể làm được" lúc nào tôi cũng nói luôn mồm, thực sự không phải là lượng định vô tư về sự thiếu khả năng một cách khách quan, mà sự thiếu khả năng dựa trên sự lượng định đầy chủ quan của tôi về năng lực của mình vào thời điểm đó.

Khi bạn nghĩ rằng bạn có khả năng, tỷ như tới 10,0 chẳng hạn, tất cả những gì lên đến 9,9 là có thể làm được; cảm tưởng "Không thể làm được" khởi lên đúng vào lúc bạn được giao một công việc lên đến 10,1. Người nào mau chóng cho rằng một công việc nào đó không thể làm được sẽ không bao giờ làm được một việc gì quá 10,0. Người đó sẽ chẳng bao giờ khá hơn được. Vì vậy, bạn không bao giờ nên nghĩ rằng, "Tôi không làm được".

Không cần biết thầy của mình đòi hỏi mình tới mức nào, bạn phải luôn luôn làm tròn nhiệm vụ.

You make unyielding efforts to work it out, and as you climb—10.1, 10.2, 10.3—you gradually develop, for the first time, power you never thought yourself capable of having.

Suppose, now, that my master ordered, "Kill!" or "Die!" Would I really have to kill, or die? What in the world would I do? Given such orders, how can one continue to believe in one's teacher?

First of all, one realizes that the teacher in whom one believes would never instruct one to do something unethical. It follows, then, that when the teacher uses the words *kill* and *die*, the words have a hidden, deeper meaning, one that the student does not yet understand.

Then, accepting that the words have another, deeper meaning, yet not knowing what that meaning is, the student finds himself or herself assailed by a great doubt. Driven by this doubt, spurred on by the constant sense of a problem, they proceed desperately with concentrated practice. This, in Zen, is what it means to believe.

Bạn phải cố gắng không ngừng để lo cho xong việc, và trong khi bạn leo thang – từ 10,1, 10,2, 10,3 – bạn sẽ dần dần phát triển, lần đầu tiên, một khả năng mà bạn không bao giờ ngờ là mình có thể có được.

Giả tỷ bây giờ thầy tôi ra lệnh, “Giết!” hay “Chết đi!” Tôi có sẽ phải giết, hay chết thực không? Tôi sẽ phải làm gì bây giờ? Nếu nhận những lệnh như vậy, làm sao có thể tin tưởng được vị thầy đó?

Trước hết, chúng ta phải nhận biết rằng người thầy chúng ta tin tưởng sẽ không bao giờ bảo chúng ta làm một điều gì vô đạo đức. Do đó, khi vị thầy dùng đến chữ *giết* hay là *chết*, những chữ này phải có ẩn ý sâu xa mà đệ tử chưa thể hiểu được.

Và rồi, chấp nhận rằng những ngôn từ được dùng có một ý nghĩa khác sâu xa hơn, nhưng không hiểu ý nghĩa ấy như thế nào, đệ tử thấy mình bị dẫn vật bởi mối nghi lớn. Đeo đẳng mối nghi này trong tâm, thường xuyên bị thúc đẩy nghĩ đến nan đề trước mắt, đệ tử dồn hết sức lực tập trung tu tập. Nhà thiền, đó gọi là *đại tín căn*.

Phrases such as "Kill the Buddha, kill the ancestors" and even "Kill your father, kill your mother" show up throughout the writings of the Zen sect. "Belief" in Zen is working through, in practice, exactly what on earth this all means. Regardless of what one is told, regardless of the task assigned, one tenaciously carries it through, without complaint. This diligence characterized the first stage of my life as a novice monk.

This is not to say, though, that I performed all my assignments creditably or even competently. For example, there was the time, on my first day, when I was told to wipe the floors. I sat down on my knees on the wood floor with my legs folded under me and proceeded to wipe from right to left, holding the rag in one hand. However, the wooden floors of a Zen temple are far more vast than those of any ordinary house.

"You fool! How many days do you plan to spend wiping that floor? *This* is the way you wipe a floor."

Những câu như “Giết Phật, giết Tổ” và ngay cả “Giết cha, giết mẹ” xuất hiện nhan nhản trong những văn bản Thiền. *Đại tín căn* trong Thiền là làm tới nơi tới chốn những gì được giao cho, đúng với ý nghĩa chữ này. Bất kỳ bạn có nghe nói gì, bất kỳ bạn có được giao việc gì, bạn cũng làm việc đó một cách siêng năng, không một chút phàn nàn. Siêng năng là đặc điểm nổi bật trong thời gian đầu tiên học đạo của tôi.

Điều đó, tuy nhiên, không có nghĩa tôi thi hành những việc được giao phó một cách đáng tin cậy hay thành thạo gì. Ví dụ như, có lúc trong ngày đầu tiên của tôi, khi được sai đi lau nhà, tôi quỳ gối xuống sàn nhà, cầm giẻ lau trong một tay, lau qua lau lại từ phải sang trái. Tuy nhiên, những sàn gỗ của một ngôi thiền tự thật bao la lớn rộng hơn nhà thường rất nhiều.

“Đồ ngu! Mi tính ngồi đó lau nhà tới bao nhiêu ngày mới xong hả? Phải lau như thế này này.”

When I saw Roshi down on all fours, his bottom up in the air, pressing the rag to the floor with both hands, and running swiftly up and down the corridor, I felt as if the scales obscuring my vision were dropping from my eyes.

In the literature department in high school, my classmates and I had read philosophy and ushered in many a new dawn debating with each other. Talk about theorizing! I had put in my time at that particular activity long before I reached the temple. But that was all talk, and in reality, I couldn't even wipe the floor properly, could I? I felt terribly ashamed of myself when I realized this. I decided then that I would try to do my very best. But I still did not know toward what, exactly, I should direct my energy.

During the day a group of young people would come to the temple from the outside. If one of them took a bamboo broom and commenced to sweep the garden, I would swoop down on him, announcing, "Here, I'll do that!"—and grab the broom out of his hands.

Khi tôi thấy thầy quỳ xuống cả hai tay lẫn hai chân, mông chổng lên, lấy hai tay đè lên miếng giẻ trên sàn rồi kéo lê thoăn thoắt suốt dọc hành lang, tôi cảm thấy như những lớp vẩy che lấp tầm mắt mình đang rơi xuống đất.

Khi học khoa văn ở trường trung học, những bạn đồng học và tôi thường đọc sách triết rồi thảo luận với nhau suốt đêm. Toàn là những câu chuyện lý thuyết! Tôi đã bỏ biết bao nhiêu thì giờ trong những hoạt động đó rất lâu trước khi bước chân vào cổng Thiền. Nhưng tất cả chỉ là lý thuyết, và trong thực tế, tôi còn chưa biết lau nhà cho đúng cách nữa! Tôi cảm thấy thật xấu hổ với mình khi nhận ra điều này, và tự quyết định rằng từ đây tôi sẽ cố gắng làm hết sức mình. Nhưng tôi vẫn chưa biết cách hướng nguồn năng lượng của mình đến đúng nơi đúng chỗ.

Ban ngày thường có một nhóm thanh niên trẻ đến chùa làm công quả. Nếu một người trong họ cầm cây chổi lên và bắt đầu quét vườn, tôi sẽ nhảy bổ vào nói: "Đưa đây, để tôi làm!" Và giằng lấy cây chổi trên tay anh ta.

If another started to wipe the floor, I would soon be down on her, grabbing the rag, "Here, I'll do that!" If another started to make a fire under the bath, I would fly in to take over the job, declaring, "Here, I'll do that!"

Finally, I had them all shouting at me, "*Can't you find a job without grabbing somebody else's?*"

I could not, for the life of me, understand just what I was doing wrong. That is because I could not work things out for myself, through my own efforts.

Now, when students come to my temple to do zazen, the first job I give them is to make the bath. Bearing in mind that students occasionally light fires under empty baths, I initially probe them with a few questions.

"You are going to make the bath. What is the first thing you do?"

Nếu một người khác đi lau nhà, tôi cũng sẽ nhào đến, giựt lấy cái giẻ lau, "Đưa đây, để tôi làm!" Nếu một ai đó đi nhóm lửa để đun nước tắm, tôi cũng sẽ chạy bay vào dành lấy việc, tuyên bố "Áy để tôi làm!"

Cuối cùng, tất cả bọn họ đều kêu lên với tôi, "Bồ thầy không tìm được việc gì làm mà không phải dành lấy việc của người khác hả?"

Lúc ấy, quả tình tôi không hiểu được đã làm gì sai. Có lẽ bởi vì tôi không thể tự xoay sở được điều gì bằng nỗ lực riêng của chính mình.

Bây giờ, khi các thiền sinh đến chùa của tôi để tập tọa thiền, việc đầu tiên tôi giao cho họ làm là đun nước tắm. Biết rằng đôi khi họ có thể nhóm lửa dưới một bồn tắm trống không, tôi thường bắt đầu hỏi dò họ vài câu.

"Anh sắp phải sửa soạn đun nước tắm. Việc đầu tiên anh làm là gì?"

Likely as not, the answer comes, "Light the fire." "You're going to do that to me, are you?" I ask.

"Oh, no. First I'll fill the tub with water," the student will say.

"You're going to put in water, just like that?" This puzzles them because they have no concept of cleaning the bath first. After covering the basics—clean the bath, fill the tub with water, check the water level, put the lid on, make the fire—I come back to find them beside the fuel feed hole, looking perplexed. Peeking inside, I see a couple of fat logs perched atop some newspaper cinders.

"That's not going to catch on fire, is it? Hadn't you better use smaller sticks of wood?" I ask.

"But there aren't any smaller sticks of wood."

"Well, what about splitting some?"

"I don't know where the hatchet is."

Rất nhiều khi câu trả lời là: "Nhóm lửa."

"Anh không định đốt tôi đấy chứ?" tôi hỏi.

"Ồ không, đầu tiên con phải cho nước vào đầy bồn đã," thiền sinh sẽ nói vậy.

"Anh chỉ cho nước vào bồn như vậy thôi à?" Câu hỏi này làm họ bối rối vì họ không hề có ý nghĩ là phải cọ sạch bồn tắm trước. Sau khi duyệt qua với họ những cái căn bản – cọ sạch bồn tắm, bơm nước vào đầy bồn, kiểm soát lại mực nước, đậy nắp lên, rồi nhóm lửa – tôi trở lại để thấy họ đang loay hoay khó xử bên cái lỗ nhóm mối. Nhìn vào trong lò, tôi thấy vài khúc củi to nằm chắn lên trên đồng giấy báo đang cháy rụi.

"Làm thế này lửa sẽ không bắt được, có phải không? Sao không dùng mấy que củi nhỏ hơn?" tôi hỏi.

"Nhưng bạch thầy, không có que củi nào nhỏ hơn."

"Thế thì chẻ nó ra cho nhỏ hơn được không?"

"Con không biết cái rìu ở đâu."

"Well, if you don't know where it is, why don't you ask?"

After all this, the young student is set to splitting firewood. But that is not to say that a blazing fire is imminent. Smoke pours from the hole, and the fire refuses to take off. When I come to survey the situation, I see that the ash from the previous fire has not been removed. So I say, "Hey, what is this thing called a fire anyway?" "Well, it's the combusting of oxygen and matter." "Where is the oxygen?"

"It's in the air."

"So why, then, don't you get rid of this ash so that the air can enter freely? And if the chimney is stopped up, you ought to clean that as well."

If I say this, the young student will climb to the roof to clean the chimney, but on their way back down they will, without fail, stomp on and break two or three tiles.

But I cannot get angry at young people like this because I was exactly like them at one time!

“Nếu không biết, tại sao không hỏi?”

Cuối cùng sau đó, người thiên sinh trẻ tuổi bắt đầu đi chẻ củi. Nhưng đó không có nghĩa là sẽ có ngay một ngọn lửa bùng lên. Khói tuôn ra từ cái lỗ nhóm mồi, mà lửa vẫn nhất định không chịu cháy. Khi tôi đến thanh tra mọi việc, tôi thấy đám tro tàn từ ngọn lửa trước vẫn chưa được bốc đi. Tôi bèn hỏi, “Này, cái gọi là lửa thực ra là gì nhỉ?”

“Dạ, đó là một hỗn hợp của oxygen và vật.”

“Oxygen ở đâu?”

“Ở trong không khí.”

“Nếu vậy, sao anh không hốt cái đống tro này đi để cho không khí có thể vào được dễ dàng? Và nếu ống khói bị nghẽn, anh cũng phải thông cho sạch luôn nữa.”

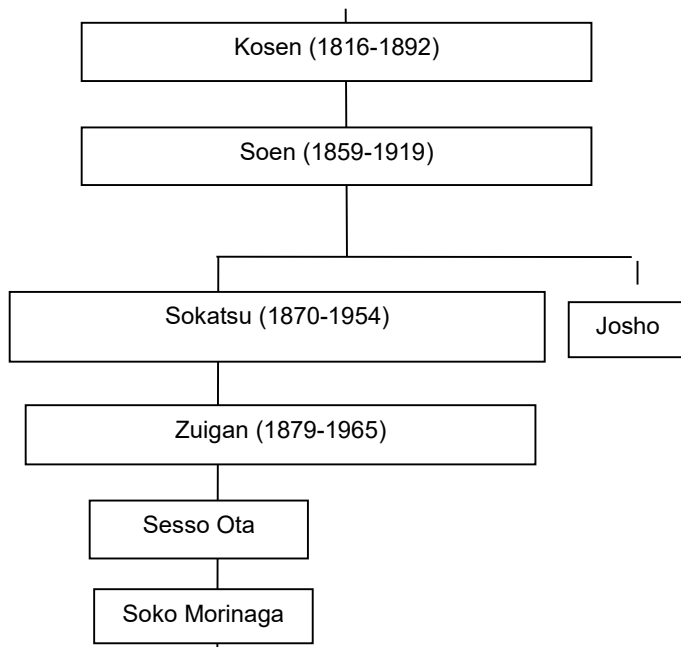
Nếu tôi nói như vậy, người thiên sinh sẽ trèo lên trên mái nhà để thông ống khói, nhưng khi trở xuống thế nào họ cũng đạp chân lên làm vỡ mất vài miếng ngói.

Nhưng tôi không thể cười những người trẻ tuổi này, bởi vì tôi cũng đã có thời giống y như họ!

betweenteacher and student

ONE MORNING during the novice period of my training, Miss Okamoto asked Zuigan Roshi the following question during teatime: "Roshi, who was greater, Kosen Roshi or Soen Roshi?"

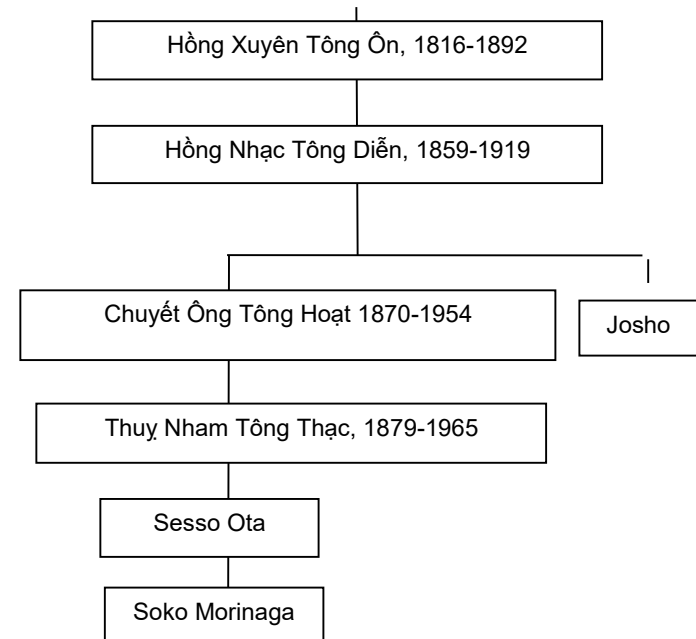
Some background information is needed here. I will give it in the form of a chart.



giữa thầy và trò

MỘT BUỔI sáng trong thời kỳ tôi còn mới vào tu, cô Okamoto hỏi đại sư Thụy Nham trong khi dùng trà: “Bạch thầy, nếu so sánh đại sư Kosen và Soen, ai giỏi hơn?”

Có lẽ tôi cần phải giới thiệu một chút về tông phái của tôi qua đồ biểu dưới đây để trình bày rõ ràng hơn:



I am the "Soko" who appears last on the list, and Sesso is my elder brother in the Dharma. We both had Zuigan Roshi for our master, and his master was Sokatsu Roshi. If you trace the line all the way back, you arrive at Shakyamuni Buddha.

In the Zen school, the lineage of those great monks who have carried through with their training to attain satori is clearly known. This religious experience must be certified by the master, and only those who receive the seal of transmission of the Dharma enter into the lineage. We know exactly who has received the seal from which master, and these successions are carefully preserved. In the Rinzai sect, the honorific title "Roshi" is used to refer to persons within these lines.

Kosen Roshi, who appears on the lineage chart above, refers to Kosen Imakita, an outstanding master who was the abbot of Engakuji in Kamakura from the latter days of the Tugugawa Period into the Meiji Period in the nine-teenth century.

Tôi là *Soko* ở dưới cùng của bảng này, và Sesso là sư huynh của tôi trong hệ phái. Cả hai chúng tôi cùng là đệ tử của đại sư Thụy Nham, và sư phụ của thầy chúng tôi là đại sư Sokatsu. Nếu bạn đi ngược dòng cho tới tận nguồn gốc cuối cùng, bạn sẽ đến ngay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong Thiền tông sự truyền thừa các bậc đại sư đã giác ngộ trong quá trình tu tập rất là minh bạch. Kinh nghiệm tâm linh phải được vị thầy xác nhận, và chỉ những ai được ấn chứng mới chính thức gia nhập vào tông phái. Tất cả mọi người đều biết rõ ràng ai là người được thầy truyền tâm ấn, và sự kế thừa được giữ gìn rất cẩn trọng. Trong tông Lâm Tế, danh hiệu "lão sư" (*Roshi*) được dùng để tôn xưng những người được kế thừa trong hệ phái.

Kosen Roshi, người đứng đầu trong hệ phái ở trên, tức là Kosen Imakita, một bậc đại sư xuất chúng đã từng trụ trì chùa Viên Giác ở Kamakura suốt từ những ngày cuối cùng của thời đại Đức Xuyên trải dài cho đến thời Minh Trị trong thế kỷ thứ 19.

During the time of the persecution of Buddhists, he rose above sectarianism and spared no efforts to revive Buddhism. There is a book about him by the layman D. T. Suzuki, who greatly admired him. Kosen Roshi's Dharma successor, Soen Shaku Roshi, who was the first to propagate Zen in America, also served as abbot of Engakuji in Kamakura. Soseki Natsume was one of the many who practiced Zen under this roshi.

It was these two masters to whom Miss Okamoto referred when she asked who was greater.

Zuigan Roshi, very austere and not one to joke, answered with a solemn face, "The master Kosen was greater."

"Well, then, of Soen Roshi and Sokatsu Roshi, who was greater?" continued Miss Okamoto.

The Sokatsu Roshi to whom she now referred was one who chose not to live in a famous temple after he received the Dharma sanction to teach, but, instead, connected 'himself with a tiny hermitage called Ryoboan, in the Yanaka district of Tokyo, where he worked with lay house-holders in Zen practice.

Trong những ngày đen tối Phật giáo bị đàn áp, ngài đã vượt lên phân chia phe phái và nỗ lực bằng mọi cách để phục hưng lại đạo Phật. D.T. Suzuki, một cư sĩ nổi tiếng, đã rất ngưỡng mộ ngài và viết một quyển sách nói về ngài. Người truyền thừa sau Kosen Roshi là Soen Shaku Roshi, người đầu tiên phổ biến đạo Phật ở Mỹ Quốc, đã trụ trì chùa Viên Giác ở Kamakura. Soseki Natsume là một trong vô số người học Thiền với ngài.

Chính hai vị này cô Okamoto đã hỏi thầy ai là người giỏi hơn.

Lão sư Thụy Nham, trông rất khắc khổ và không hay nói đùa, đã trả lời với bộ mặt thật nghiêm nghị, "Đại sư Kosen giỏi hơn."

"Nếu vậy, giữa đại sư Soen và đại sư Sokatsu, ai là người giỏi hơn?" cô Okamoto tiếp tục.

Đại sư Sokatsu đang nói đến là người đã từ chối không sống trong một tự viện danh tiếng sau khi đã được truyền thừa, mà về sống ẩn dật tại một am nhỏ gọi là Ryoboan, trong khu vực Yanaka thành phố Tokyo; nơi ngài đã dạy Thiền cho những cư sĩ.

The first women to become famous for their outspoken stance on women's rights in Japan were among his many followers. This Sokatsu Roshi was one of the subjects in question, but Zuigan Roshi replied, "The master Soen was greater."

"Oh, Roshi, that's terrible! Isn't the lineage gradually thinning down to nothing?"

Well, who is greater, Sokatsu Roshi or Zuigan Roshi?" Miss Okamoto persisted.

Zuigan Roshi, responding to the lady's concern that the lineage was thinning down to nothing, promptly answered, "I'm greater."

Up to this point, it had always been the master who had been greater. But now when he comes to his own place in line he says, "I am greater than my teacher."

This thoroughly pleased Miss Okamoto, who then asked, "Well, in that case, Roshi, who is greater, you or your disciple, Mister Sesso?"

At this, I thought I would burst out laughing. Zuigan Roshi, who had already filled the posts of abbot of Myoshinji and Daitokuji, was a high peak in the Zen world.

Những phụ nữ đầu tiên nổi danh với lập trường đòi nữ quyền ở Nhật Bản nằm trong số rất nhiều đệ tử của ngài. Nhưng lão sư Thụy Nham vẫn trả lời rằng: "Lão sư Soen giỏi hơn."

"Ồ, thầy ơi! Thế thì tệ quá! Chẳng lẽ tông phái này càng ngày càng xuống dốc tới mức không còn gì sao?"

Thế thì bây giờ, thầy nghĩ sao, ai giỏi hơn, đại sư Sokatsu hay Thụy Nham?" Cô Okamoto nhất định hỏi.

Lão sư Thụy Nham, đáp lại sự quan tâm của cô về tông phái càng ngày càng xuống dốc, đã trả lời mau mắn, "Ta giỏi hơn."

Suốt từ đầu cho tới lúc ấy, luôn luôn vẫn là người thầy giỏi hơn, nhưng khi được hỏi về vị trí của chính mình trong tông phái, ông lại bảo rằng, "Tôi giỏi hơn thầy của tôi."

Điều này làm cô Okamoto vô cùng hoan hỉ, sau đó cô lại hỏi tiếp, "À, nếu vậy thì, Lão sư ơi, thầy với đệ tử của thầy, Sesso, ai là người giỏi hơn?"

Nghe vậy, tôi muốn bật cười lớn lên. Lão sư Thụy Nham, người đã từng trụ trì các thiền viện Diệu Tâm và Đại Đức, là một đỉnh cao trong thế giới Thiền tông.

His disciple, Mister Sesso, who did not even have his own temple yet, was living as a mere caretaker in a small hermitage inside the Myoshinji complex, just keeping the garden clean. Because I did not as yet have any insight into human 'beings' intrinsic qualities and could only judge in terms of their social positions, I thought that comparing Zuigan Roshi and Mister Sesso was like comparing the moon and a turtle. There was simply no contest, and I was right on the verge of laughing out loud.

Zuigan Roshi, without stopping for even a second to consider, said, "Well, we don't know that yet."

When these words hit me, my face, which had been ready to burst into laughter, immediately straightened, and now, in spite of myself, I thought I was going to cry. I felt so blessed to be with this teacher. He might scold me unmercifully, call me worthless, and say that I am not fit to talk in front of anybody, but he always has his eye out to the future of his disciples.

Trong khi đệ tử của ngài, Sesso, còn chưa có chùa để trụ trì, còn đang sống như người quản tữ giữ một ngôi chùa nhỏ trong hệ thống thiền viện Diệu Tâm, mà việc làm chỉ là giữ gìn vườn tược sạch sẽ. Bởi vì tôi chưa thể nhìn thấu được những giá trị ẩn tàng trong con người mà chỉ phán xét dựa trên vị thế xã hội, tôi đã nghĩ rằng so sánh lão sư Thụy Nham với thầy Sesso giống như là so sánh mặt trăng trên cao với con rùa vậy. Không thể nào nói đến chuyện đọ sức giữa hai người ở đây được, và tôi gằn như muốn phá lên cười.

Lão sư Thụy Nham, không cần ngừng lại một giây nào để suy nghĩ, nói ngay: “Cái đó còn phải xem.”

Khi những lời nói này đập vào tai tôi, bộ mặt tôi, lúc đó đang sẵn sàng để cười phá lên, lập tức nghiêm chỉnh lại, và bây giờ dù là ngoài ý muốn, tôi cũng vẫn cảm thấy rung rung như muốn khóc. Tôi thật có phước mới được một vị thầy như thế này. Ngài có thể mắng tôi thật phũ phàng, gọi tôi là đồ vô dụng, và nói rằng tôi không xứng đáng để nói trước mặt ai cả, nhưng ngài vẫn luôn luôn để mắt đến tương lai các đệ tử của mình.

I realized that, even faced with my present immaturity, he believed in what I could become in a year, in two years, ten years, twenty years. Always bearing in mind my potential future form as well as my present one, he worked with me. I could feel this come through strongly when he said, "Well, we don't know that yet."

As it turns out, this Mister Sesso managed, some years later, to live up to these words, becoming the successor of Zuigan Roshi and then the abbot of Daitokuji. Following the instructions of Zuigan Roshi, I was able to stay by Sesso Roshi's side for many years, and I later became his Dharma successor. At the time of his death, Sesso Roshi had achieved a towering state of mind, not inferior to that of his own teacher.

So, that single episode that one morning at teatime enabled me, at last, to trust my teacher from the bottom of my heart.

But even so, I still didn't seem to get anywhere in my practice.

Tôi nhận ra rằng, dù bây giờ phải đương đầu với sự non kém của tôi, ngài cũng đã tin tưởng tôi sẽ trở thành người như thế nào trong một năm, hai năm, mười năm, hay hai chục năm nữa. Từ bấy lâu nay làm việc với tôi, ngài vẫn luôn luôn mang trong tâm hình bóng tiềm năng của tôi tương lai cũng như hiện tại. Tôi cảm nhận mãnh liệt được điều đó khi ngài nói: "Cái đó còn để xem."

Và rồi sự việc xảy ra là, vài năm sau đó, thầy Sesso đã tỏ ra xứng đáng với câu nói ấy, đã trở thành người truyền thừa của đại sư Thụy Nham và rồi trở thành viện trưởng thiền viện Đại Đức. Theo lời dạy của đại sư Thụy Nham, tôi đã ở bên cạnh sư huynh Sesso trong nhiều năm và sau này trở thành người truyền thừa của ngài. Trong giây phút thị tịch, Đại sư Sesso đã đạt được trạng thái siêu xuất của tâm, không kém gì vị thầy của ngài.

Và thế là, câu chuyện trong tuần trà một buổi sáng ấy, cuối cùng, đã làm cho tôi tin tưởng được thầy của mình tận đáy lòng.

Nhưng mặc dù vậy, tôi cũng vẫn chưa đi đến đâu trong đường tu của mình.

that's between him and me

ONE MORE ANECDOTE will further illustrate trust between teacher and student. Soen Roshi had a disciple named Josho Ota. This disciple later went on to become the abbot of Engakuji and then to serve as abbot of Daitokuji, but the incident I will relate occurred when he was still in training under Soen Roshi.

One summer day, a lay devotee came to Engakuji with an invitation for Soen Roshi saying, "Roshi, here at the temple you always eat what the monks prepare, but on this hot summer day, I would like to treat you to dinner, a small offering that may help you to forget the heat."

"So, there's going to be a feast, eh?" replied Soen Roshi, who was a very easygoing man. He gathered up his disciple, Josho, and set out for the restaurant with the layman.

As it was summer time, the bamboo doors separating the individual tatami rooms were left open, permitting guests to see directly into the rooms surrounding their own. Soen Roshi heartily ate and drank his fill and became altogether jolly.

chuyện của nó và tôi

CÓ MỘT CÂU CHUYỆN NỮA cũng miêu tả được tương quan tin cậy mật thiết giữa thầy và trò. Đại sư Soen có một người đệ tử tên là Josho Ota. Người đệ tử này sau đó đã trở thành viện trưởng thiền viện Viên Giác và rồi viện trưởng thiền viện Đại Đức, nhưng câu chuyện tôi kể ra sau đây xảy ra khi ông vẫn còn tu tập dưới trướng của lão sư Soen.

Một ngày mùa hè, có một đạo hữu đến chùa Viên Giác ngỏ lời mời đại sư Soen rằng, "Đại sư, thường ngày ngài vẫn dùng những thức ăn do các vị sư ở đây nấu, nhưng hôm nay nóng nực như thế này, con muốn mời ngài đi ăn tối, một cúng dường nho nhỏ để giúp ngài quên cái nóng đi phần nào."

Vốn là người rất phóng khoáng, Đại sư Soen trả lời, "Thế à, người sắp cho ta ăn tiệc hả?" Ngài bèn gọi đệ tử Josho theo hầu cận, và rồi đi đến tiệm ăn.

Vì lúc đó là mùa hè, nên những liếp cửa bằng tre chắn ngang những phòng riêng lót chiếu tatami được kéo qua một bên, khiến các thực khách từ phòng này có thể nhìn qua các phòng khác được. Lão sư Soen ăn uống rất tận tình và trở nên hoàn toàn cao hứng.

He picked up slices of the raw fish and remarked, "Ah, what rare vegetables! Why don't the monks grow these in our garden?" and generally carried on until he was finally, in fact, down to his loincloth, dancing a naked jig.

The roshi was quite famous, his name known even abroad. Soon there was a ripple moving through the guests in adjacent rooms, "Isn't that the abbot of Engakuji dancing naked over there?" Josho slipped over and shut the bamboo doors.

Without warning, the roshi seized Josho by the collar and began to scold him, saying, "Hey! Are you criticizing my behavior? Did you shut that door because you think I'm doing something wrong?"

Josho, who had shown a lapse of confidence in his teacher, suddenly found himself being showered with blows.

Zen monks undergo a training that is founded more on actions than on words. But even allowing for that, considerable sake had flowed into this particular situation, and the end did not appear to be in sight even after the roshi had administered five and six strikes.

Ông gắp mấy miếng cá sống lên nói, “A, mấy cái rau này quý hiếm quá! Sao mấy ông sư không trồng rau này trong vườn của chùa nhỉ?” và rồi cứ tiếp tục đùa giỡn như vậy cho đến khi, y phục trên người bung ra gần hết, gần như trần truồng, ông nhảy múa um sùm.

Vị lão sư là người rất nổi tiếng, tên ngài được biết đến kể cả ở nước ngoài nữa. Chẳng mấy chốc các thực khách ở những phòng kế bên bắt đầu xôn xao, “Có phải thầy viện trưởng chùa Viên Giác đang nhảy múa trần truồng ở đó không nhỉ?” Josho liền đi ra kéo cánh cửa tre ngăn lại.

Bất ngờ, đại sư nắm lấy cổ áo Josho, mắng ngay: “Ê! Bộ mi chê bai hành vi của ta hả? Mi đóng cánh cửa đó có phải vì mi nghĩ là ta đã làm sai phải không?”

Josho, trong một lúc lung lay niềm tin nơi thầy, tự nhiên đã thấy mình bị đấm đá toi bời.

Các vị thiền tăng thường qua một quá trình tu tập dựa trên cơ sở hành động nhiều hơn lời nói. Nhưng mặc dù vậy, trong tình trạng ma men thế này, và không thấy có cơ hội gì chấm dứt sau năm sáu cú đấm đá.

Josho, who had silently and obediently endured the first thrusts, refused to take more. Seizing his teacher's hands, he spoke up, "Roshi or no roshi, you are not going to get away with any more of this."

Soen Roshi shook his hands free and went back to his seat. Looking as though nothing whatsoever had happened, he continued drinking until he returned, in quite high spirits, to Engakuji.

Although the matter was settled right then and there, the layman who had invited them to dinner felt horribly anxious about the whole affair. Knowing that the master-disciple relationship is very rigid, he worried that the roshi would expel Josho when they returned to the temple. Feeling that he simply could not leave the situation hanging, he soon made his way to Engakuji to act as a mediator.

"Thank you so much for doing me the honor of accepting my poor offering today and for showing pleasure in dining with me," he said to the roshi. "I would also like to add that, although Josho was very discourteous to you at dinner, I am certain he meant no ill will. I beg that you will, for my sake, dismiss the whole affair and forgive him."

Josho, từ đó tới giờ vẫn im lặng và ngoan ngoãn chịu đòn, bây giờ không muốn chịu đựng thêm nữa. Nắm chặt lấy tay thầy, ông nói: "Dù có là đại sư hay không đại sư, thầy cũng không được tiếp tục như thế này."

Soen đại sư dang tay ra và trở về chỗ ngồi. Làm như không có gì đã xảy ra, ông tiếp tục uống rượu cho đến khi trở về chùa Viên Giác, vẫn trong tình trạng cao hứng tốt độ.

Mặc dù câu chuyện đã chấm dứt ở đó, người đạo hữu đã mời họ đi ăn tối đó cảm thấy rất ái ngại. Biết rằng quan hệ giữa thầy trò nơi thiền viện rất là nghiêm khắc, ông lo lắng không biết lão sư có đuổi Josho đi sau khi họ trở về chùa không. Cảm thấy không thể nào yên tâm được với tình trạng này, ông vội vàng đi đến chùa Viên Giác để làm người trung gian hòa giải.

"Xin cảm ơn thầy đã hoan hỉ nhận bữa cơm cúng dường nhỏ nhoi của con và đã cho con được hân hạnh dùng bữa với thầy," ông nói với lão sư. "Nhưng con cũng muốn nói thêm rằng, mặc dù Josho đã không được lễ độ với thầy trong bữa ăn, nhưng con tin chắc rằng thầy ấy không có ý xấu gì đâu. Cúi xin thầy, vì nể tình con, mà bỏ qua mọi sự và tha thứ cho thầy ấy."

"That's between him and me," was the roshi's terse reply.

Now please understand that the roshi was not saying here that this was a problem between himself and his disciple and that interference was unwelcome. He was saying that he and his student might trade kicks and blows, but between the two of them, there was not a gap of even a single hair. For a Zen practitioner to have his teacher say this about him is something to be appreciated, but for a teacher to have a disciple who allows it to be said is also a wonderful thing. I have heard, by the way, that the devotee who sought to intervene in the relationship withdrew blushing after he heard this short reply.

This story calls to my mind the relationship between sumo wrestlers and the ring. The reason that two giant men, together weighing in at six or seven hundred pounds, can come together and wrestle, slamming all their might into the contest, is that there is a ring under them, which, like the bond between master and disciple, absolutely will not break. If a wrestler, however skillful, were to compete inside a ring drawn on ice, wouldn't he creep around, throwing all his effort instead into ensuring that the ice did not break?

“Cái đó là việc của tôi với nó,” lão sư trả lời cộc lốc.

Xin đừng hiểu câu nói có nghĩa vấn đề giữa thầy và đệ tử người ngoài không nên xen vào. Thực sự ý của ông là thầy trò ông có thể đấm đá lẫn nhau, nhưng giữa hai người không bao giờ có một khoảng cách nào dù nhỏ như sợi tóc. Đối với một người tu thiền, được nghe thầy mình nói như vậy quả là điều đáng mừng, nhưng đối với vị thầy, có được một đệ tử xứng đáng để nói điều ấy ra cũng thật là hạnh phúc lớn lao. Tôi đã nghe kể lại rằng, sau đó, người đạo hữu đang tính xen vào quan hệ thầy trò kia đã đỏ mặt ngượng ngùng và rút lui ngay khi nghe câu trả lời cộc lốc đó.

Câu chuyện này nhắc nhở tôi đến quan hệ giữa những võ sĩ sumo và cái vòng đai. Lý do khiến hai người võ sĩ to béo khổng lồ, mà hợp với nhau lại có thể cân đến trên năm trăm pounds Anh, đến đấu chiến với nhau, dùng hết sức lực để đánh bại người kia, là vì có một vòng đai ở dưới họ; vòng đai ấy, như sợi dây nối liền thầy và đệ tử, tuyệt đối sẽ không được phá vỡ. Nếu một võ sĩ, dù có khéo léo đến đâu, mà phải đi đấu trong một vòng đai vẽ trên băng đá, chắc hẳn ông ta sẽ cố hết sức mình để làm cho băng đá ấy không tan vỡ mất, phải vậy không?

three types of students

IN ZEN PRACTICE, it is necessary to "break the ego"—there is no way around it. Furthermore, if one is timid about breaking this ego—which strenuously resists being broken—then the case is hopeless. Those who do not clench their teeth and hang in there, despite being slapped and kicked, beaten and driven out, will not hold out in this thing called practice. For this reason, it is said that disciples fall into three categories, based upon their relations with their teacher: The best students are attached by hatred, the mediocre by charity, and the worst by authority.

The best is a first-class disciple, a person of deep virtue. From the outside, such students might even appear hostile. The tougher the master treats them, the more they dig in, resolutely swearing to carry through, to show the master what they can accomplish.

ba loại đệ tử

TRONG SỰ TU THIÊN, có một điều cần làm là phải “phá vỡ bản ngã” – không cách nào có thể né tránh được. Hơn nữa, nếu rụt rè không dám phá vỡ bản ngã của mình –thường hay chống trả lại dữ dội khi có nguy cơ bị phá vỡ – sẽ chẳng có hi vọng đạt tới Đạo. Người không biết nghiêng răng chịu đựng, nhất quyết không sòn lòng dù là bị đá đấm bầm dập, bị đánh đuổi tàn nhẫn, sẽ không thể tồn tại được trong việc gọi là tu thiên này. Vì lý do đó, có thể nói rằng những đệ tử học thiên được chia làm ba loại, tùy vào mối liên hệ của họ với vị thầy: “Người xuất sắc nhất ràng buộc với thầy trong sự căm ghét, người tầm thường trung bình trong lòng thương xót, và người yếu kém nhất trong sự khuất phục quyền lực.”

Những người xuất sắc nhất là đệ tử hạng nhất, hay người có đức hạnh lớn. Nếu nhìn bề ngoài, những đệ tử này trông còn có vẻ hằn học nữa. Thầy càng đối xử với họ nghiêm khắc chừng nào, họ càng cố gắng tiến sâu hơn, thề quyết phải vượt qua cho bằng được, để tỏ cho thầy họ thấy khả năng của họ đạt được như thế nào.

Nothing can make such students loosen their bite.

Mediocre disciples are those who are really having a hard time of it and would like to back out but feel they cannot possibly quit, what with the roshi bending over backward to be so kind and supportive. These students are pulled along by the roshi's affection.

Lastly, the inferior students are those who, observing the roshi's secular authority, "seek the shade of a big tree." That is to say, they figure that since they must rely on someone in this world, it had better be someone who appears powerful. This maxim, "Inferior people are attached by authority"—does not stop at the gates of a Zen temple, but holds true for society in general.

All this calls to mind another of my many blunders, one that I made after I'd been practicing for some time. Someone happened to point out one of my shortcomings, and I lit in, "What the hell do you know!" and gave him a thrashing.

Không có điều gì làm họ buông lời ra được.

Những đệ tử tầm thường trung bình là người thực sự gặp khó khăn trong sự tu tập và muốn rút lui, nhưng cảm thấy không thể bỏ cuộc được khi thầy đã hết sức tử tế và yểm trợ cho họ. Những đệ tử loại này được lôi cuốn nhờ tình thương của vị thầy.

Sau hết, loại đệ tử yếu kém nhất, khi cảm nhận thấy quyền lực độc tôn của người thầy họ muốn nương dựa vào “bóng mát cây cổ thụ” ấy. Điều đó có nghĩa, đối với họ, nếu phải nương tựa vào một người nào, tốt nhất người ấy phải có nhiều quyền lực. Câu nói, “Những kẻ thấp kém hay bị hấp dẫn bởi quyền lực” – không chỉ dừng lại ở trong cánh cổng một thiền viện mà còn đúng với xã hội nói chung.

Tất cả những điều trên nhắc tôi nhớ lại một trong những lỗi lầm tôi đã phạm phải khi tôi vào tu được một thời gian. Một dịp có người nêu ra một trong những khuyết điểm của tôi, và tôi nổi dóa lên: “Anh biết gì mà nói!” rồi mắng anh ta một trận.

I was displaying the swollen head that one sometimes suffers partway along in practice, a sort of "rust from training."

When word of this incident reached my teacher, without delay he called me to his room to inform me that I was dismissed from the temple. The way he said it was, "Pack your bags."

Pressing my forehead to the floor, I earnestly apologized for over thirty minutes, but my pleas for forgiveness were in vain.

"I didn't think it over deeply and then decide to do it. It just happened by accident, when I was off guard," I offered as an excuse.

"If it were something you decided to do after thinking it over deeply, and if you then noticed that you were in the wrong, it probably would not happen again," he countered, "but if it happened 'by accident' when you were 'off guard: it arose from someplace deep in your heart, in your disposition. This being the case, forgiving you is all the more unjustified!"

Tôi đã biểu lộ tâm ngã mạn đôi khi chúng ta gặp phải trong bước đường tu, một loại "đầu óc đã bị rỉ sét trong tu tập."

Khi chuyện này đến tai thầy tôi, người gọi tôi vào phòng ngay lập tức, thầy đuổi tôi ra khỏi chùa bằng cách nói: "Thu dọn hành lý đi."

Áp trán xuống đất, trong ba mươi phút tôi khẩn khoản xin lỗi hết lời, nhưng những lời van xin tha thứ của tôi chẳng có công hiệu.

"Con làm điều đó vì con đã không suy nghĩ kỹ càng. Việc này xảy ra chỉ vì con trót lỡ trong một phút sơ xuất của con thôi." Tôi nài có ra bào chữa như vậy.

"Nếu đó là điều mi làm sau khi suy nghĩ kỹ càng, rồi sau đó thấy sự sai lầm của mình, điều đó sẽ không xảy ra lại," thầy đáp lại, "nhưng nếu 'xảy ra vì trót lỡ' trong một phút sơ xuất của mi, tức là đã khởi lên từ điều gì thâm căn trong tâm của mi, trong tánh khí của mi. Nếu thật như vậy lại càng không đáng để được tha thứ!"

I had exhausted all means of apology. Finally, I raised up this body, which had been flattened out in prostration like a cringing spider, and looked Roshi straight in the face. His eyes had always looked big, but as he brought his gaze to bear upon me then, in a glare, it was as though his whole face had become just those giant eyeballs. I glared back, not giving an inch.

"There is nowhere for me but next to you. You can throw me out a thousand times or ten thousand times, but I absolutely will not leave your side!" I screamed out.

To my surprise, tears welled up in Roshi's eyes, and I thought they were going to roll down his cheeks in big drops. Then I heard him say, "I forgive you. Now go on out and get to your work."

When I remember this, even now, tears come to my own eyes.

Tôi đã dùng hết cách để xin lỗi mà vẫn không được. Cuối cùng, tôi ngẩng người lên, thân hình mà từ này giờ đã quỳ mọp xuống như một con nhện đang bám lấy sàn, và rồi tôi nhìn thẳng vào mặt lão sư. Mắt của người vốn đã to, khi thầy nhìn trừng trừng vào tôi lúc đó trông như cả bộ mặt chỉ còn hai con mắt khổng lồ. Tôi trừng mắt lại, không chịu thua chút nào.

"Không có chỗ nào cho con đi cả, chỉ có chỗ ở với thầy thôi. Thầy có ném con ra ngoài một ngàn lần hay mười ngàn lần, con cũng tuyệt đối không bao giờ rời thầy ra đâu!" Tôi hét lại.

Đáng ngạc nhiên thay, nước mắt bỗng dâng lên trong mắt thầy, và tôi tưởng chừng những giọt lệ to long lanh sắp rơi xuống má người. Rồi tôi nghe thầy nói, "Ta tha cho mi đó. Đi ra ngoài lo công việc đi."

Khi nhớ lại chuyện này, tới bây giờ, tôi vẫn còn rung rung nước mắt.

The master employs strictness severe enough to arouse even hatred, feeling that the disciple will somehow be able to carry through to the end. No, in fact, the master really administers strictness with a deep prayer that the disciple will be able to carry through. If one of my own disciples today were to tell me, "Even if it kills me, I will never leave your side," I'm sure that I, too, would cry.

So you can see why I feel grateful when I reflect on the way my teacher, who is no longer alive, behaved toward me. He acted, from start to finish, as though I, a real good-for-nothing, were the best type of student. If Roshi had assessed me differently, if he had thought, "If I'm not careful, this one may drop out," he may well have treated me more indulgently.

Người thầy đem sự khắc nghiệt ra đối với đệ tử để khơi động ý chí chống trả, kể cả sự căm ghét, nghĩ rằng làm như vậy đệ tử sẽ bằng cách nào đó vượt qua được và tới đích cuối cùng. Nhưng thật sự không phải thế, khi áp dụng sự đối xử nghiêm khắc với đệ tử, người thầy luôn luôn cầu nguyện cho đệ tử mình sẽ có thể vượt qua hết mọi sự. Nếu ngày nay có một đệ tử nào đến nói với tôi rằng: "Dù cho có giết con, con cũng không bao giờ rời xa thầy," chắc chắn tôi cũng sẽ khóc.

Vì vậy, bạn có thể thấy được tại sao tôi cảm thấy biết ơn khi nghĩ đến cung cách vị thầy hiện nay đã ra người thiên cổ đối xử với tôi. Từ đầu đến cuối, thầy đã hành xử như thể tôi, một kẻ không ra gì, xem là một loại đệ tử xuất sắc nhất vậy. Nếu Lão sư lượng định về tôi một cách khác, nếu người đã nghĩ rằng, "Nếu mình không nương tay, chắc người này sẽ bỏ cuộc", có lẽ ngài đã đối xử với tôi nhẹ nhàng hơn.

"for the disposal of your corpse"

I HOPE THAT SO FAR I have shown how a fellow, myself, who could not do anything properly, was taken in hand and turned into somebody who could at least cook food over a wood fire, make a bath, clean a toilet, and work in a garden. And, in time, I was also taught other things, such as sutra reading and the etiquette appropriate for a priest.

And then one day, after I had been at Daishuin over a year, the roshi said to me, "It is necessary for human beings, especially those who become priests, to have con-tact with other people. You must not live in isolation. You must form plenty of relationships. While it is, in a sense, sufficient for a disciple to practice alone under one teacher, for the purpose of forming social ties with others, you must go to a training hall."

There are two types of Zen temples. Monks generally live in one type, as novices, until they graduate from the university.

"cho tiền mai táng"

TÔI ĐÃ KỂ LẠI CÂU CHUYỆN làm sao tôi, một kẻ vụng về chẳng biết làm gì cho đúng cách, đã được huấn luyện trở thành một người ít nhất có thể nấu cơm trên bếp lửa, đun nước tắm, cọ nhà vệ sinh, và làm việc trong vườn được. Và rồi, đúng thời đúng lúc, tôi cũng được dạy những điều khác, như là đọc kinh điển và cử hành những lễ nghi thích hợp đối với một vị tăng sĩ.

Rồi một ngày kia, sau khi tôi ở chùa Daishuin hơn một năm, Lão sư nói với tôi, "Một người, nhất là người đã xuất gia làm tăng sĩ, cần phải có những giao tiếp với người khác. Mi không thể sống cô lập được. Mi phải có những liên hệ với nhiều người khác. Tuy rằng một đệ tử học đạo chỉ với một người thầy thôi cũng có thể gọi là đủ, nhưng vì mục đích phải có những liên hệ xã hội khác, mi cần phải đi đến một thiền đường để tu tập."

Có hai loại thiền viện. Thường thường chư tăng khi mới xuất gia ở trong một loại thiền viện cho đến khi tốt nghiệp đại học.

Once graduated, young monks gather in a professional monastery in order to carry on intensive zazen practice. It was decided that I would enter Daitokuji monastery for this latter type of training.

A monk takes with him to the professional training hall a sort of box to carry his robes in. It is traditionally a frugal affair made of thick paper hardened by lacquer, about a size larger than a book satchel. Bowls and chopsticks for eating, a razor and sharpening stone for shaving the head, sutra books, underclothes, and a raincoat are packed into two bundles and tied up with string so that the monk can carry all his worldly belongings on his back. He tucks his robes up at the waist, wraps his legs in gaiters, ties up his straw sandals, dons a wicker hat, and sets out for the monastery.

I was preparing my robe box when Roshi came into the room and asked, "How is it going? Have you tied up your box yet?"

"No, not yet. That is what I was just about to do."

"Well, it's good timing then. Bring the lid of your box with you and come into my room," he instructed.

Ra trường rồi, những vị tăng trẻ này gia nhập một thiền viện để chuyên tu tọa thiền một cách triệt để. Tôi đã được thầy định đoạt cho gia nhập vào thiền viện Đại Đức để tu trì như loại sau này.

Một tăng sĩ trên đường đến thiền viện chuyên tu đem theo trong mình một cái rương nhỏ đựng quần áo. Theo truyền thống, rương làm bằng giấy dày phết lên một lớp sơn mài cho cứng, lớn hơn cái hộp đựng sách một chút. Bát ăn cơm, đũa, dao cạo và đá mài để cạo đầu, kính sách, đồ lót, và áo mưa được gói thành hai gói và cột lại bằng một sợi dây để vị tăng có thể quấy hết những đồ dùng lên trên lưng. Tăng vén áo lên giắt vào lưng quần, nai nịt hai bắp vế, cột chặt lại đôi giày rơm, đội nón tre lên đầu, rồi lên đường đến thiền viện.

Tôi đang sắp xếp lại rương quần áo của tôi thì Lão sư đi vào hỏi, "Thế nào? Mi đã cột cái rương lại chưa?"

"Chưa, con đang sắp làm đây."

"Thế thì đúng lúc quá. Đem cái nắp rương vào phòng thầy." Thầy ra lệnh.

Rương này, trông giống như một cái hộp nhỏ đựng thuốc, có nắp đóng chặt lại.

Wondering what roshi had in mind, I carried the lid into his room. The roshi took the lid from me and pasted three thousand-yen notes to its underside. (In those days, a thousand-yen note still carried some clout!) "Do you understand the meaning of this?" he asked me after he had done this.

"Is it pocket money?" I started to ask, but checked myself before the words were out, knowing that I would be yelled at if I said something clumsy.

Roshi was already at the advanced age of seventy-one when I showed up begging to be taken in as his disciple. He had warned me then, "I don't know how much longer I'm going to live. If your teacher dies on you, you might get cut off in the middle of your training. If there is nobody to take care of your financial needs, you are in trouble. You had better look for a younger master."

"I still have something left from my father. I will not be a financial nuisance to you at all," I had pleaded.

With this promise, I had been taken under Roshi's wing as his disciple.

Không hiểu Lão sư có ý định gì, tôi đem nắp rương vào trong phòng người. Lão sư cầm nắp rương và để vào dưới đáy ba tờ giấy một ngàn yen. (Vào thời buổi đó, tờ giấy một ngàn yen vẫn còn có giá lắm.) "Mi có hiểu ý nghĩa của cái này không?" Lão sư hỏi sau khi người đã bỏ tiền vào.

"Có phải tiền cho con tiêu không?" tôi định hỏi, nhưng đã kịp ngăn lại trước khi thốt ra lời, vì biết sẽ bị mắng ngay lập tức nếu nói điều gì ngu dại.

Lão sư đã quá bảy mươi tuổi khi tôi đến đó xin làm đệ tử của ngài. Lúc đó ngài đã cảnh cáo tôi là, "Ta không biết còn sống bao nhiêu lâu nữa. Nếu thầy của mi chết nửa chừng, mi sẽ bị đứt gánh nửa đường tu. Nếu không có ai để nương tựa vào để sống, mi sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Tốt hơn là nên đi tìm một vị thầy khác trẻ hơn."

"Con vẫn còn ít tiền cha con để lại. Con sẽ không là gánh nặng tài chánh cho thầy đâu," tôi năn nỉ.

Với lời hứa đó, tôi đã được Lão sư thâm nhận vào làm đệ tử dưới trướng.

In accordance with our agreement, he had never given me a penny for spending money.

Now, I was leaving for the monastery, and I thought that Roshi, even being as steadfast as he is, might be sending me off with some funds for personal expenses. Contrary to my expectations, however, he informed me, "This is nirvana money."

The figure of Shakyamuni Buddha lying on his side to die is known as the "nirvana figure."

"You're heading out now for the training hall where you will lay down your life. If fortune goes against you, you'll fall out and die by the wayside during training. So that you don't become a burden to anybody, this money is for the disposal of your corpse."

Roshi was ordinarily very stern and did not indulge in jokes. To hear him say, with that solemn face, "This money is for the disposal of your corpse," sent a shudder down my spine. With renewed determination, I vowed to myself, "*I will do it!*"

Theo sự thỏa thuận trước này, ông chưa bao giờ cho tôi một xu để tiêu.

Bây giờ, khi sắp rời chốn này đi đến thiền viện, tôi nghĩ chắc Lão sư, dù luôn luôn có vẻ chắc nịch, cũng có thể cho tôi một ít tiền để tiễn đưa. Tuy nhiên, trái ngược với sự trông đợi của tôi, ngài cho biết là, "Đây là tiền Niết Bàn."

Hình ảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nằm nghiêng một bên khi ngài nhập diệt được biết đến như là "hình ảnh Niết Bàn."

"Mi sắp đến thiền viện đem thân mạng phó thác ở đó. Nếu không may mắn, mi sẽ thất bại và rồi sẽ chết giữa chừng trong lúc tu. Để mi không là gánh nặng cho bất cứ ai, ta cho tiền này để mai táng cái thân."

Lão sư bình thường rất nghiêm khắc và không hay nói đùa. Nghe người nói, với bộ mặt nghiêm trọng, "tiền này là để mai táng người," làm cho tôi ớn lạnh xương sống. Với một quyết tâm mới, tôi tự thề với mình, "Ta sẽ làm được điều đó!"

I had thought about death before, as a student departing for the war front; however, the death implied in Roshi's words—"This money is for the disposal of your corpse"—had a completely different meaning. It was not the death of the physical body to which he referred, but the death of my own ego.

No matter how cleverly we might manipulate ideas, coming right down to it, our real motive is to pamper our own precious selves. Unless we practice to overcome the obstinate attachment to looking out for our own dear person first, we cannot open our mind's eye. This is how the roshi's words struck me. I felt his words about disposing of my body as a spur in my side. Today, I send my own disciples off to the monastery with a ten-thousand-yen note attached, for the disposal of their corpses.

The next morning, when it was still pitch dark, I went to the roshi's room to bid him a formal farewell, and then I let myself out the back door and stepped down onto the earthen floor at the entrance way. A novice monk is not allowed to use the front door.

Tôi đã từng nghĩ về cái chết trước đây, khi còn là một học sinh phải đi ra trận tuyến, tuy nhiên cái chết Lão sư đã ám chỉ trong câu—"Tiền này để mai táng cho người" – có một ý nghĩa hoàn toàn khác hẳn. Cái chết ngài nói đến không phải cái chết của thể xác, mà là cái chết của bản ngã.

Không cần biết chúng ta có khéo léo biện hộ đến thế nào, khi đi thẳng đến cội gốc vấn đề, động cơ chính mọi sự vẫn là nâng niu bản ngã quý giá của chúng ta.

Trừ khi tu tập vượt qua được sự vương mắc ngoan cố vào cái ngã của mình, chúng ta sẽ không mở mắt ra được. Những lời lẽ của Lão sư đã đánh thức tôi như vậy. Tôi cảm thấy lời người nói về sự mai táng thân tôi như là thôi thúc ở bên sườn vậy. Ngày nay, tôi cũng gửi các đệ tử đến thiền viện với một tờ giấy bạc mười ngàn *yen*, để mai táng thân họ.

Ngày hôm sau, khi trời vẫn còn đen như mực, tôi đến phòng Lão sư từ biệt, rồi rút lui ra cửa sau, bước xuống nền đất trên lối ra vào. Một vị tân sa-di không được phép dùng cửa trước.

When I reached for my straw sandals, I heard Roshi come out behind me. Because Roshi was always one to stand on his dignity and not the type to see novice monks off at the door, it surprised me to see him come out through the kitchen. What's more, he stepped down onto the dirt floor, squatted at my feet, and made to tie the strings on my straw sandals.

Embarrassed, I drew my foot back and protested, "No, that's all right. I'll do it myself."

"Here, give me your foot," he urged, pulling my leg toward him. After he had tied the strings on my sandals, he tapped his fingers on the knots and said, "Do not thoughtlessly untie these strings."

Of course, once I reached the monastery and received permission to enter, I would untie the strings on these straw sandals. What he was saying, I understood, was not to ever lightly loosen the strings of the vow to practice. Again, I trembled under the strength of my own resolution as I sank into a deep bow before Roshi and then set out on foot through the still dark morning for the meditation hall at Daitokuji, in Kyoto.

Khi với tay lấy đôi giày rơm, tôi nghe tiếng Lão sư bước ra đằng sau. Bởi vì Lão sư luôn luôn là người giữ cung cách uy nghiêm, không phải kiểu có thể đến tiền đưa đệ tử, tôi ngạc nhiên thấy người đi ra qua cửa bếp phía sau. Hơn thế nữa, người lại còn bước xuống thềm đất, ngồi xỏm dưới chân tôi, và lấy dây cột đôi giày rơm cho tôi.

Ngượng ngùng, tôi vội vàng rút chân lại và phản đối, "Áy, thầy đừng làm như vậy. Con làm lấy được mà."

"Đây, đưa chân đây cho thầy," thầy giục, kéo chân tôi về phía người. Sau khi đã cột mấy sợi dây gọn gàng lên đôi giày, người gõ tay vào mấy cái nút và nói, "Đừng có cầu thả mà làm lỏng mấy sợi dây này."

Dĩ nhiên, khi tôi đến thiền viện và được nhận vào đây, tôi cũng sẽ tháo dây của những đôi giày rơm này ra. Điều thầy muốn nói, tôi hiểu là, đừng bao giờ sơ xuất làm lỏng sợi dây của lời nguyện trong đường tu. Một lần nữa, tôi run người trong ý chí quyết tâm của chính mình, cúi rạp xuống chào Lão sư rồi cất bước ra đi trong bóng tối của buổi sáng sớm tinh mơ đến thiền đường của thiền viện Đại Đức ở Kyoto.

the meaning of courage

WHEN A MONK aspiring to enter a training monastery reaches its entrance hall, he takes off his wicker hat and places it out of the way in a corner, climbs up the step, and announces himself. In a large Zen temple, there is a small step that gives way to a wide stretch of the vast corridor beyond. Although there may be dozens of monks in training within the heart of the temple, not a sound is heard in the tomblike stillness. Kneeling on that small step, the monk calls out in a long, loud voice, *"I beg your favor,"* in a form established many long years past.

The aspirant monk feels his own voice sucked up into the depths of the monastery. Presently an answer rises from the distance, "Who is it?" An older monk appears, wearing a cotton robe and looking very experienced. "Where have you come from?" he demands.

The young novice places his hands politely before him on the step, along with papers that he has brought with him.

ý nghĩa của sự can đảm

KHI MỘT VỊ TĂNG xin đăng nạp vào một thiền viện để tu tập, lúc đến tiền điện của thiền viện, vị tăng bỏ nón ra cất đi trong một góc nhà, trèo lên bậc thang, và lên tiếng gọi. Trong một đại thiền viện, thường có tiền điện lớn mênh mông và một bậc thang dẫn lên một dãy hành lang rộng lớn ngoài xa. Tuy rằng có thể có đến khoảng mấy tá tăng sĩ đang tu tập ở trung tâm thiền viện, chung quanh bốn bề đều không một tiếng người, không khí im lặng như nhà mồ. Vị tăng gọi lớn, giọng ngân dài, "Quý thầy ơi! Xin mở cửa cho tôi!" một thủ tục đã được lập ra từ thời xa xưa đến giờ.

Vị tăng xin đăng nạp cảm thấy như giọng nói của mình bị hút vào khoảng không gian sâu thẳm của thiền viện. Bấy giờ, có tiếng trả lời từ đằng xa: "Ai đấy?" Một vị sư xuất hiện, mặc y áo bằng vải thô và trông có vẻ rất kinh nghiệm. "Anh đến từ đâu?" ông tra hỏi.

Vị tăng trẻ đứng trên bậc thềm đưa tay ra trước mặt lễ phép trình giấy tờ mang theo.

Included in the papers are a record of his personal history, a formal letter requesting entry into the monastery, and a statement in which he pledges to sacrifice his life for practice, all written with brush and ink and enclosed in an envelope.

With great formality, the newcomer states his name and identifies the prefecture, town, and temple from which he comes and priest under whom he apprenticed. He promises that he has come to this place because he would like to assume the mantle of training and hang his bowl, staff, and robe on a hook in this training hall. He then asks that his request be made known.

The applicant is bid to wait as the monk disappears into the back. Returning after some time, the monk categorically does *not* say, "You are most welcome here. Please step inside." Instead, without fail, he conveys the verdict that the newcomer's request is refused. He might say, for example, that the training hall is full at the moment or that, because provisions in the monastery are extremely meager at this time, another monk could not possibly be accommodated.

Trong đó có đăng lục tiểu sử cá nhân, thơ giới thiệu vào thiền viện, và thỉnh nguyện thư với lời nguyện hi sinh cuộc đời mình cho đạo pháp, tất cả đều viết tay với bút lông và cho vào một phong bì.

Một cách thật trịnh trọng, người mới đến xưng danh tính và nói rõ xuất xứ của mình đến từ quận huyện, thành phố nào, ở chùa nào, và đã học với vị thầy nào. Vị tăng thưa muốn đến đây để được gia nhập chúng và xin treo y bát, gậy của mình trong thiền đường nơi đây. Sau đó tăng cầu xin lời thỉnh nguyện được chấp nhận.

Vị sư bảo thí sinh đợi ở đấy rồi biến mất vào phía trong. Một lúc lâu sau trở lại, theo đúng nguyên tắc, vị sư sẽ không nói rằng: "Xin đón chào anh đến đây. Mời đi vào trong." Thay vào đó, thế nào vị sư cũng đưa lệnh ra là lời thỉnh nguyện của thí sinh đã bị từ chối. Ví dụ như, vị sư có thể nói rằng thiền viện đã đủ chỗ rồi, hay lúc này phương tiện rất eo hẹp, không thể nào kham nổi thêm một người nữa.

In my own case, while my present weight is 150 pounds, back then I weighed less than 90 pounds and appeared to be nothing but skin and bones when I first begged entrance into the monastery. I was turned down with this excuse: "Your health appears to be extremely delicate. You would not be able to keep up with the intense training at this monastery. Please apply at another training hall."

There are some forty professional training halls throughout the country, but a monk will be rebuffed wherever he goes. Upon rejection, he takes the envelope, which has been thrust back at him, and retires into a corner, out of the way of passersby. He takes up his post on the step, doubled over, forehead down to the ground in earnest supplication until he is granted permission to enter the monastery.

Bodhidharma, an Indian monk who lived in the sixth century C.E. was the twenty-eighth ancestral teacher in line from Shakyamuni Buddha and the founder of the Zen school.

Trường hợp của tôi, bây giờ tôi cân tới 150 cân Anh, nhưng hồi ấy tôi chỉ nặng chưa đến 90 cân và trông toàn là da bọc xương khi đến đó xin vào thiền viện. Tôi bị từ chối với lý do là, "Trông anh có vẻ yếu ớt quá. Sẽ không thể đủ sức theo kịp sự tu tập gắt gao ở đây. Xin hãy đến thiền viện khác mà nộp đơn."

Có khoảng chừng bốn mươi thiền viện chuyên tu trong cả nước, nhưng bất cứ đến chỗ nào, vị tăng cũng sẽ bị từ chối ở đó. Bị bác rồi, vị tăng cầm phong bì bị ném vào mặt lúc này, rồi rút lui vào một xó để không cản trở người qua lại. Đứng một chỗ trên bực thềm, tăng phủ phục xuống, trán áp sát đất trong tư thế khẩn cầu cho tới khi nào được chấp nhận gia nhập thiền viện.

Bồ Đề Đạt Ma, sơ tổ Thiền tông Trung Hoa, một tăng sĩ xuất thân từ Ấn độ trong thế kỷ thứ 6, cũng là vị tổ chân truyền đời thứ hai mươi tám kể từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

It is said that when Hui-ko (known in Japanese as Eka), who was eventually to become the successor to (Bodhidharma and the second great Zen ancestor, came to seek the teaching, Bodhidharma utterly ignored him. Hui-ko stood at the gate and refused to move until Bodhidharma turned his way. Day after day, Hui-ko stood his ground. Snow began to fall on the ninth day of December, and it piled up around his knees, but still he did not budge. Finally, Bodhidharma turned to look at Hui-ko and demanded, "What are you doing here?"

Upon hearing the long awaited voice of the master, Hui-ko, shedding tears of gratitude, declared his intention to practice. Bodhidharma responded with the words, "The incomparable, marvelous way of the buddhas can be attained only by eternally striving, practicing what cannot be practiced, and bearing the unbearable. How can you, with your meager virtue, little wisdom, and with your shallow and arrogant mind, dare aspire to attain the true teaching?"

Tục truyền rằng Huệ Khả, người sau này kế thừa Bồ Đề Đạt Ma làm vị tổ thứ hai thiền tông Trung Hoa, khi đến xin học đạo, Tổ Đạt Ma đã hoàn toàn không thèm biết đến. Huệ Khả đứng ở cổng và nhất định không chịu di chuyển cho đến khi được Tổ Đạt Ma nhìn tới. Mấy ngày liền, Huệ Khả đứng yên vị một chỗ. Đến ngày 9 tháng 12, tuyết bắt đầu rơi phủ kín đến đầu gối, nhưng ngài vẫn đứng yên không nhúc nhích. Cuối cùng, Tổ Bồ Đề Đạt Ma quay ra nhìn Huệ Khả và hỏi: "Người làm gì ở đây?"

Khi nghe được tiếng của thầy sau bao nhiêu ngày chờ đợi lâu dài, Huệ Khả, giọt lệ biết ơn tuôn trào trên má, trình bày ý nguyện đến cầu đạo giải thoát. Bồ Đề Đạt Ma trả lời một cách phũ phàng, "Đạo vi diệu, vô thượng của Phật chỉ có thể đạt được qua nỗ lực vô tận, qua hành trì điều không thể hành được, chịu đựng điều không thể chịu đựng được. Nay người chỉ có một chút đạo hạnh, một ít trí tuệ nhỏ nhoi, tâm nông cạn và đầy ngã mạn, làm sao có thể mong đạt chân pháp?"

Thus, Hui-ko was told that with his little insight and few resources and with his inconstant and conceited mind, he was not capable of carrying out the kind of practice necessary to awaken to truth and real peace of mind. In answer to Bodhidharma's allegations and in proof that his intention to practice was in no way frivolous, the story goes that Hui-ko drew forth a woodman's hatchet from its sheath at his hip and cut off his left arm at the elbow. It was only when he placed the severed arm before Bodhidharma that he was at long last granted permission to practice under the master.

Rooted in this tradition, the rites of passage into Zen practice are, even today, some fifteen hundred years later, extremely rigorous. I knew from the beginning that I, too, would have to comply with the rules of the tradition. Thus I first crawled through the gate resigned to undergo the unavoidable ritual.

Yet, even as rituals go, this one was a bit rough. Soon after my initial rejection, another monk emerged, wielding an oaken stick.

Như vậy, Huệ Khả đã bị nói thẳng ra rằng chỉ với một ít trí tuệ, một ít khả năng và một tâm si mê dao động, sẽ không thể nào mong đạt sự giác ngộ chân lý và an lạc được. Để trả lời sự khích bác của Tổ Bồ Đề Đạt Ma và chứng minh ý chí quyết tâm cầu đạo của mình là hoàn toàn chân thật, tương truyền rằng ngài đã rút dao chặt mất cánh tay của mình. Chỉ khi ngài dâng lên cánh tay bị chặt đẫm máu ấy, Bồ Đề Đạt Ma mới chịu chấp nhận cho ngài vào học đạo.

Bắt nguồn từ truyền thống này, những nghi thức để nhập thiền viện tu tập thật cực kỳ cam go, ngay cả bây giờ vẫn áp dụng sau một ngàn năm trăm năm. Tôi đã biết ngay từ đầu là tôi cũng sẽ phải tuân theo những luật lệ truyền thống này. Do đó, đầu tiên tôi đã bò qua cổng, sửa soạn tinh thần để chịu đựng thủ tục không thể tránh khỏi này.

Mặc dù chỉ là thủ tục, điều tôi phải chịu đựng cũng thật khó khăn. Chẳng bao lâu sau khi đơn xin của tôi bị từ chối, một vị sư khác xuất hiện, cầm theo một cây gậy bằng gỗ.

"Despite the fact that you were just denied entry into this temple, you persist in making a nuisance of yourself by displaying your unsightly form before our entranceway," he said.

"I ask that you immediately leave the premises."

Up to this point, the language had been polite enough, but even with this new verbal onslaught, I did not withdraw. I maintained my position, not moving a muscle.

"Hey, you! What's the matter-are you deaf?"

The monk followed up his tongue-lashing with jabs, kicks, thrusts, and all manner of blasphemy, and I soon found myself hurled bodily out the gate. When I peeked up and saw that the monk had disappeared inside and the coast was clear, I skulked back, like a cat out to filch, and resumed my cowering pose on the step. This whole scene was enacted repeatedly.

“Mặc dù người đã bị từ chối không cho nhập viện, người vẫn ngoan cố chường mặt ở đây làm phiền người khác, làm cản trở lối ra vào thiền viện,” ông nói.

“Yêu cầu người phải đi ra khỏi đây ngay lập tức.”

Từ trước, tôi vẫn còn được nghe những lời nhã nhặn, nhưng bây giờ thì những câu mắng chửi bắt đầu, mặc dù vậy, tôi vẫn không chịu rút lui. Tôi cứ tiếp tục ở yên chỗ của mình, không động đậy chút nào.

“Ê! Tên kia! Bộ người điếc hay sao?”

Vị sư tiếp theo câu chửi mắng kia với những cú đấm, cú đá, và nguyên rửa hét lời, và chỉ một lúc sau tôi đã thấy mình bị đá văng ra khỏi cổng. Khi tôi ngẩng lên thấy vị sư đã đi vào trong rồi và lối vào đã trống trải, tôi lại len lén đi vào, như một con mèo đang rình mồi, và lại tiếp tục tư thế phủ phục trên bậc thềm. Sau đó, cảnh trên lại tiếp tục xảy ra nhiều lần.

My patience held out in the beginning because I knew this ritual was one that I had to weather somehow, but gradually, as it went on and on, I began to get irritated: "Weren't they being unnecessarily rough considering they were dealing with someone who was not putting up the slightest resistance?" By evening, however, these sentiments, too, had vanished, and I was left feeling wretched and pitiful. Then I grew plaintively sorry for myself: "Why am I letting them treat me like a worn-out rag? Why must I hold this miserable posture in front of this blasted door-way? Maybe both of my parents are dead, but I could still go back to Toyama. I have a few relatives left there. I can live without this cruel treatment."

All of this and much more ran through my mind. When I was ordained, I had felt some measure of determination to carry on with a strong practice. Later, when Roshi told me, "This is nirvana money. It is for the disposal of your corpse," I had made a resolution that sent a chill through my body.

Sự nhẫn nhục của tôi khởi đầu còn tồn tại là vì tôi biết rằng đây là một thủ tục mà tôi phải chịu đựng qua, nhưng dần dần, khi cứ kéo dài, tôi bắt đầu thấy bức dọc. "Họ không thấy là họ đã quá đáng một cách không cần thiết sao, khi mình không hề có một chút chống trả lại?" Tuy nhiên, đến tối, những ý tưởng này cũng chẳng còn, và tôi chỉ cảm thấy khôn khổ và tủi nhục. Rồi tôi càng lúc càng thương xót cho mình. "Tại sao mình lại để cho họ đối xử như một cái giẻ rách vậy? Tại sao tôi phải ở trong tư thế khôn nạn này trước cánh cổng đáng ghét này? Cha mẹ của tôi chết rồi, nhưng dù sao tôi cũng vẫn còn trở về Toyama được mà. Tôi vẫn còn họ hàng ở đó, tôi vẫn có thể sống được mà không phải bị đối xử tàn nhẫn như thế này."

Tất cả những điều đó và nhiều điều nữa đã băng ngang tâm trí tôi lúc đó. Khi được thọ giới xuất gia, tôi đã phân nào mang một quyết tâm muốn tu hết sức mình. Sau đó, khi Lão sư nói với tôi, "Đây là món tiền Niết Bàn để mai táng thân người," tôi đã lại lạnh mình trong một quyết tâm mới.

Then, when Roshi tied the strings on my straw sandals and urged, "Do not untie these strings thoughtlessly," hadn't I laid resolve upon resolve, hadn't I again made up my mind to do it? And now here I was, less than a day later, my mind vacillating, wondering why I had to be in this place, in this pitiful state.

I think that the human will is very weak indeed. Without having disciplined oneself, one cannot trust one's own willpower. It is very easy to waver. When I saw my own wavering, I understood for the first time the significance of being made to keep crawling back into that entrance hall. This repeated crawling back is called "being kept standing in the garden." Kept standing in the garden, the monk is forced to renew his original resolution, to strengthen that resolution, to resolve again, and to bolster that resolution still further. It is for this reason that he is kept at bay before the entrance hall.

Rồi, khi Lão sư cột lại dây giày rơm cho tôi và khuyên cáo rằng, “Đừng có lơ là mà làm lỏng những dây này,” chẳng phải là lúc đó tôi đã càng thêm quyết chí, nhất định phải đi đến cùng đó sao? Nhưng bây giờ tôi ở đây, chỉ chưa đầy một ngày sau đó, tâm đã đầy dao động, tự hỏi mình tại sao lại ở đây, sao lại phải chịu cảnh khốn cùng như thế này.

Tôi nghĩ rằng con người rất là yếu đuối. Nếu không biết tự kỷ luật mình, ta sẽ không thể tin vào ý chí của mình được, rất dễ dàng để bị lung lạc. Khi tôi thấy mình đang bị lung lạc, lần đầu tiên tôi đã hiểu được sự hệ trọng của việc tiếp tục bò lại vào trong tiền đường. Sự tiếp tục bò lại chỗ cũ này được gọi là “bị giữ đứng ở ngoài vườn.” Trong tình trạng bị giữ ở ngoài vườn và đứng đó, vị tăng bắt buộc phải làm tươi mới quyết tâm ban đầu, phải tăng cường quyết tâm đó, phải quyết tâm trở lại, và củng cố sự quyết tâm càng xa hơn nữa. Chính vì lý do này mà vị tăng bị bắt ở ngoài cửa ra vào tiền đường của thiền viện.

All of my teeth—not so strong to begin with!—felt loose, and the blood surged to my face. I thought my eyes were going to pop out of my skull, and having been bent so long in prostration, I thought my lower back would break loose at the sockets. It was still cold when I arrived at the meditation hall on the first of March, as winter was particularly bitter in Kyoto that year. The chill commenced at my toes, pierced my feet, which were wrapped in wet sandals, and stole its way above my knees so that all feeling in my legs was lost.

To take the unsettled self in hand, under whatever conditions, and return to the mind with which one set out; to pick oneself up again, after the mind changes, weakens, and breaks down, and stiffen the determination; to carry through the oft-reconstructed original vow—isn't this the true meaning of courage?

Tất cả răng của tôi – vốn chẳng mạnh khỏe gì – bắt đầu cảm thấy như đang long ra, máu nóng trào lên mặt. Tôi nghĩ chắc đôi mắt mình như muốn nổ ra khỏi xương sọ, và lưng tôi, với vị thế phủ phục lâu dài như vậy, cũng muốn sụm xuống. Trời vẫn còn lạnh khi tôi đến tiền đường vào đầu tháng ba, vì năm đó tiết mùa đông thật khắc nghiệt ở Kyoto. Khí lạnh bắt đầu từ mấy ngón chân, thấm qua chân tôi trong đôi giày rom ướt đẫm, và dâng lên đến đầu gối, khiến đôi chân tôi tê dại, không còn một cảm giác.

Trực diện với con người bất an của mình, trong bất cứ điều kiện nào, và rồi trở về với tâm ban đầu, tự mình đứng dậy sau khi tâm đã thay đổi, suy yếu, và sụp đổ, để rồi củng cố trở lại quyết tâm muốn hoàn thành tới nơi lời nguyện ban đầu – phải chăng đây chính là ý nghĩa của sự can đảm?

what am i doing here?

WAITING OUTSIDE that entrance, I was forced to revise my definition of courage. When I was young, I would try to demonstrate my bravery by attacking others, but this is not courage. Such aggression is rather, like that of a puny dog with a loud bark. True bravery is pulling together one's weak mind and holding to one's original purpose. In order to maintain that hold, one must question oneself, "What am I doing here?"

While I was kept standing in the garden, a variety of thoughts drifted through my mind. I reflected that each person who finds his way into this training hall to practice is born different from the others. Each one comes into the world with different abilities, has different experiences and education, thinks different thoughts; no two are alike. If every one of the multifarious individuals who enter the training hall were to assert their own way, to insist that "This is what *I* think, how *I* do it," how on earth could practice go on?

tôi đang làm gì ở đây?

TRONG LÚC CHỜ ĐỢI ngoài cổng chùa, tôi bắt buộc phải định nghĩa lại thế nào là sự dũng cảm. Khi còn nhỏ, tôi thường hay phô trương sự dũng cảm của mình bằng cách tấn công người khác, nhưng đó không phải là dũng cảm. Sự hung hăng đó có thể ví như con chó nhỏ mà hay sủa thật to. Dũng cảm đích thực là chấn chỉnh lại tinh thần đã sa sút và kiên tâm theo đuổi mục tiêu ban đầu của mình. Để có thể giữ vững được như vậy, phải tự đặt câu hỏi với mình là: "Tôi đang làm gì ở đây?"

Trong khi bị giữ ngoài vườn, nhiều tư tưởng khác nhau đã trôi qua trong tâm trí tôi. Tôi nghiệm ra rằng mỗi con người được vào tu trong thiền viện này đều bẩm sinh khác nhau. Mỗi con người đi vào cuộc đời này đều có những khả năng khác nhau, kinh nghiệm và học vấn khác nhau, suy nghĩ những tư tưởng khác nhau; không ai giống ai cả. Trong tất cả những sắc thái dị biệt ấy, nếu ai nấy ở trong thiền viện đều muốn làm theo ý mình, đều khăng khăng rằng, "Tôi nghĩ như thế, tôi làm như thế đấy," thì việc tu hành rồi sẽ ra làm sao?

As the saying goes, "Pour new wine into new wineskins." If it is with an eye toward self-transformation through practice that one pours one's body into the training hall, the new vessel, then it is necessary to first throw down all of one's past experiences, knowledge, and social status. One must become completely empty and enter the training hall with a humble and meek heart. In the corner before the entrance hall, the novice monk is forced to think all of this through and prepare to act accordingly.

On the evening of my third day to be held standing in the garden, a monk appeared to deliver a message, "It has been observed that since the day before yesterday, you have remained as you are before the entranceway, even while being subjected to verbal abuse and physical assault, and it has been determined that you do seem to harbor some measure of a desire to practice. For this reason, you are requested to step inside. However, as you have not been formally granted permission to train here, you are advised to remain on your guard." These were the words with which I finally made it through the front door.

Có câu ngạn ngữ rằng, “Rượu mới đổ vào bình mới.” Nếu muốn chuyển hóa bản thân mình bằng cách đem thân đến thiền viện để tu tập, đó cũng có thể được ví như cái bình mới, và như thế cần phải xả bỏ hết những kinh nghiệm quá khứ, những kiến thức và địa vị xã hội của mình. Thiền sinh phải trống rỗng hoàn toàn và đi vào thiền viện với tâm khiêm tốn, nhẫn nhục. Ở trong xó góc trước cổng chùa này, sa-di thiền sinh bắt buộc phải nghĩ cho thấu suốt tất cả những điều ấy và dọn mình để hành động cho thích hợp.

Trong buổi tối ngày thứ ba bị giữ ở ngoài vườn chờ đợi, một vị sư đi ra thông báo với tôi rằng: “Xét rằng kể từ hôm kia tới nay, người vẫn giữ nguyên vị trí ở trước cổng ra vào mặc dù đã bị mắng chửi, đánh đập; nay ra quyết định rằng: người có vẻ cũng có ý chí muốn tu tập, vì thế, người được phép bước vào trong. Tuy nhiên, vì chưa được chấp nhận chính thức vào tu tập ở đây, nên người phải luôn luôn cẩn trọng.” Với những lời nói đó, cuối cùng tôi đã được bước chân vào thiền viện.

The room I was allowed to enter was composed of a wall on one side and paper doors, left wide open, on the other three sides. I placed the box that I had carried on my back before the wall, and, facing the wall, I began to do zazen. I had no way of knowing who might be looking in at me from the other three directions. I could not afford to be careless.

I was served three meals a day and given bedding each night, but I was kept in this room for five more days; thus I was subjected to a total of eight days of intense self-interrogation. I asked myself over and over, "What am I doing here? What is it I am hoping to do?" Under the force of my own questioning, I was compelled to revert always to the starting point, to the heart with which I had set out.

Again and again I returned to this take-off point; over and over I reiterated my original resolve. I believe that courage is upholding what you have once decided to do and enduring all troubles encountered along the way. To sustain and carry out that original intention—just this, in itself—is real courage.

Căn phòng tôi được phép vào gồm có một bên là tường và ba bên là liếp cửa bằng giấy mở toang. Tôi đặt rương hành lý vẫn đeo trên lưng vào cạnh tường, rồi ngồi xuống đối diện vách và bắt đầu tọa thiền. Không có cách gì biết ai đang nhòm ngó mình từ ba vách trông trải kia. Lúc này là lúc tôi không thể nào lơ đãng được.

Ban ngày tôi được cho ăn ba lần và ban đêm được phát chăn chiếu ngủ, nhưng vẫn phải ở năm ngày nữa trong phòng này; như thế, tôi đã bị đặt mình trong sự tự vấn thật căng thẳng suốt trong tám ngày liền. Tôi đã tự hỏi mình biết bao nhiêu lần, "Tôi đang làm gì ở đây? Tôi sẽ làm gì bây giờ?" Dưới áp lực của sự tự vấn này, buộc tôi luôn luôn phải quay trở về khởi điểm, về tâm ban đầu trong sự tu tập của mình.

Đã bao lần tôi đã trở lại khởi điểm ấy, đã bao lần tôi khẳng định lại quyết tâm của mình. Tôi tin rằng dũng cảm là kiên trì theo điều mình đã quyết định làm và chịu đựng tất cả những khó khăn gặp phải trên đường. Giữ vững và thực hiện ý định ban đầu ấy – chỉ một điều ấy thôi – cũng đã là dũng cảm thực sự rồi.

living out belief in infinite power

THUS DID I ENTER Daitokuji Monastery, where I was to remain for the next fifteen years. During that period, I did zazen practice, and I eventually received the seal of Dharma transmission from my master—and I made countless blunders. It was due not to reasoning but to actual personal experience that I was able to persevere with this kind of practice even through all my failures. It was having to live out my belief that made me break through with desperate concentrated effort, without grumbling. Rather than collapse when I found myself up against a wall, however formidable, I reexamined and reassessed, and then pushed on. I think the courage to persist in this way was the result of those very first lessons I was taught when trying to gain admittance to the monastery.

Hakuin Zenji, who is considered the highest peak in the world of Rinzai Zen Buddhism, asserted that three essential elements are necessary to the realization of practice, or, indeed, to any endeavor: the great roots of belief, great doubt, and great determination.

niềm tin vạn năng

VÀ THẾ LÀ TÔI ĐÃ GIA NHẬP thiền viện Đại Đức và ở suốt mười lăm năm. Trong thời gian đó, tôi thực tập tọa thiền, rồi dần dà về sau được thầy ấn chứng—và tôi cũng đã mắc phải biết bao nhiêu sai lầm. Nhưng dù với tất cả những thất bại ấy, tôi vẫn kiên trì tu tập được, và đó không phải là nhờ những lý lẽ biện luận, mà nhờ những kinh nghiệm cá nhân sống thực. Chính nhờ tôi sống trong niềm tin, nên đã vượt qua được những cửa ải khó khăn trong nỗ lực tập trung tận cùng, không một lời than van. Thay vì ngã gục khi thấy mình bị dồn vào phía chân tường, dù có vẻ đáng sợ đến đâu, tôi cũng vẫn tự quán xét lại, thâm định lại, để rồi tiếp tục bước tới. Tôi nghĩ rằng sở dĩ tôi có được sự can cường như vậy là nhờ bài học đầu tiên đã nhận lãnh được khi đang cố xin gia nhập vào thiền viện này.

Thiền sư Bạch Ẩn, người được coi như đỉnh cao tông Lâm Tế, đã khẳng định rằng ba yếu tố cần thiết để đưa tới đạt ngộ trên đường tu cũng như trong bất cứ nỗ lực nào là: đại tín căn, đại nghi đoàn, và đại phẫn chí.

"Belief" is belief in your own teacher and in the truth for which he or she stands. It is, in the final analysis, belief in the limitless power of buddha-nature, which is by nature within you yourself.

While the next ingredient, doubt, may appear to be the exact opposite of belief, it actually signifies the constant awareness of your own unripeness and the consciousness of a problem that you hold always within yourself. The innate force of humankind, buddha-nature, has given birth to a marvelous tradition of wisdom, and you believe firmly in this wisdom. But reflecting upon your own immaturity and being unable to accept it creates a contradiction that stays with you constantly, as a problem.

You then must proceed with great determination, which means sticking to practice with true courage. In the Japanese language, *determination* is composed of two ideographs that carry the respective meanings "to be angry" and "aspiration." Your anger is not directed toward someone else.

“Niềm tin” (đại tín căn) có nghĩa tin tưởng nơi thầy mình và nơi chân lý mà thầy là biểu tượng. Nếu phân tích một cách rốt ráo, đó là niềm tin nơi năng lực vô tận của Phật tính chúng ta đều vốn có sẵn.

Trong khi yếu tố thứ hai, đại nghi đoàn, xem có vẻ như đối nghịch với niềm tin, nhưng thực ra lại khiến ta thường xuyên ý thức đến sự non kém của mình, cũng như ý thức đến vấn đề vẫn hằng ôm áp trong tâm. Từ nội lực con người, Phật tính, phát sinh ra truyền thống trí tuệ thật kỳ diệu, và khiến ta tin tưởng vững chắc. Nhưng khi tự xét đến sự non yếu của chính mình và thấy không thể chấp nhận được, ta sẽ thường cuu mang một vấn đề thắc mắc trong tâm, một sự xung đột nội tại.

Từ đó ta phải tiến tới trong sự phân chí (quyết tâm), có nghĩa kiên trì tu tập với lòng dũng cảm. Trong tiếng Nhật, chữ “phân chí” được ghép bằng hai chữ mang ý nghĩa riêng là “phẫn nộ” và “kỳ vọng”. Phẫn nộ không phải hướng đến ai khác

Indignant with yourself over your own weakness and immaturity, you employ the strong whip of aspiration; this is determination.

It was not through books and sermons that I learned about Hakuin Zenji's three requirements for the fulfillment of any goal. I was, instead, made to actualize these essentials in my day-to-day life. For this I am very grateful. I had only halfheartedly existed for the first twenty years of my life, and had I not been forced to live out these essential components—belief, doubt, and determination—I could never have persevered through anything like Zen training.

To believe in your teacher, in your seniors, in the tradition is, in other words, to believe in yourself. You must puzzle out your own unripeness. What's more, you must continue, standing firm through any trials that crop up. Regardless of the time, regardless of the place, without these three components you cannot carry anything through to completion. I firmly believe that no matter what changes occur in the world, these are the three pillars that will support anything we hope to accomplish.

Phẫn nộ với bản thân về sự yếu đuối và non nớt của chính mình, vì thế ta vung lên ngọn roi mạnh mẽ của kỳ vọng, đó là đại phẫn chí.

Chẳng phải qua sách vở hay kinh kệ mà tôi học được ba yếu tố cần thiết ngài Bạch Ẩn đã đề ra nhằm hoàn thành bất cứ mục tiêu gì trong đời. Chính trong cuộc sống hằng ngày mà tôi luôn luôn phải dùng đến ba yếu tố này. Vì lẽ đó tôi cảm thấy rất trân trọng và biết ơn. Trong hai mươi năm đầu cuộc đời tôi chỉ hiện hữu một cách nửa vời, và nếu tôi không bị bắt buộc phải sống thực với ba yếu tố này – niềm tin, nghi vấn và quyết tâm – tôi sẽ không bao giờ có được kiên trì để vượt qua những khó khăn trên đường tu Thiền.

Tin tưởng vào thầy của mình, vào những sư huynh tiền bối của mình theo truyền thống, nói khác đi có nghĩa tin tưởng nơi chính mình. Ta phải tự gỡ rối những khuyết điểm chính mình. Hơn thế nữa, ta còn phải tiếp tục tiến bước, và đứng vững trong mọi thử thách. Dù ở lúc nào, chốn nào, nếu không có ba yếu tố này, ta sẽ không thể hoàn thành được điều gì. Tôi tin chắc rằng dù thế gian này có biến đổi đến thế nào chẳng nữa, đây cũng vẫn là ba cột trụ nâng đỡ bất cứ những gì chúng ta mong ước thực hiện được.

Schoolteachers often see it as their sole duty to entice children to take an interest in studying. Many parents believe the ability to parent lies in rearing children who cry out as seldom as possible, who chafe as little as possible.

I ask you all to consider this carefully, though. Is our society, into which these children will eventually enter, an understanding society? It is a world in which each individual's mind is completely full of their own affairs; it is not a world in which *everyone* tries to empathize and treat others with care and concern. Quite the opposite, it is a society replete with people who relish the failures of others, who savor the poverty of the next-door neighbor as they savor a tender morsel of duck. Regrettably, our actual society is by no means our ideal society. When children are brought up by teachers who seek always to entertain, to sympathize, and to allow their students to have their own way, and by parents who try in any way they can to prevent their children from knowing pain and inconvenience, what happens to them when they are thrown out into the kind of world we have?

Những thầy cô giáo thường xem bổn phận là phải làm sao cho học sinh thích thú học. Những bậc cha mẹ thường tin rằng phải nuôi nấng con trẻ sao cho chúng càng ít khóc càng tốt, càng ít bị va chạm càng tốt.

Tôi xin các bạn hãy xét lại những điều này thật cẩn thận. Xã hội chúng ta, những đứa trẻ này rồi sẽ gia nhập, có phải là một xã hội có sự thông cảm không? Đó là một xã hội mà tâm trí mỗi người đều đầy ắp những vấn đề riêng tư của mình; đó không phải là một thế giới người ta đối xử với nhau trong sự thông cảm và quan tâm. Ngược lại, đó là một xã hội đầy dẫy những người cảm thấy thích thú khi thấy người khác thất bại, thường thức sự nghèo nàn của người hàng xóm như thưởng thức một miếng thịt thơm ngon. Thật đáng tiếc, xã hội chúng ta không hề là một xã hội lý tưởng chút nào. Khi giáo viên dạy dỗ trẻ con luôn luôn tìm cách làm vui lòng, chịu đựng, để chúng muốn làm gì thì làm, và những cha mẹ luôn luôn tìm đủ mọi cách để không cho chúng nếm mùi đau khổ, chịu sự bất tiện nghi, thì điều gì sẽ xảy ra cho chúng khi chúng bị ném ra ngoài đời trong một thế giới như vậy?

Isn't it the case that many sink into a more or less daily round of confusion and frustration and disappointment?

I wonder why it is that parents, teachers, and other adults do not try to provide children earlier with the opportunity and the training to realize for themselves the power inherent within themselves, the power we all possess to stand up and work it out ourselves in times of trouble. Only when we taste frustration does the spirit of intrepidity, the resolution to rally and march on over every obstacle, arise from our innate force, from our inherent power.

And this is exactly what the training of a Zen monk provides.

*

Phải chăng đây là trường hợp nhiều người hiện đang đắm chìm, không nhiều thì ít, trong hoang mang, bực bội và thất vọng hằng ngày?

Tôi tự hỏi tại sao những cha mẹ, thầy cô giáo, và những người lớn khác không sớm tìm cách cung ứng cơ hội và tập cho con trẻ tự sử dụng được tiềm năng có sẵn nơi chúng, tiềm năng mà chúng ta đều có, nhờ vào đây ta có thể đứng lên tự giải quyết những vấn đề của mình trong hoàn cảnh khó khăn. Chỉ khi chúng ta nếm mùi bất mãn và bực bội, tinh thần vô úy, ý chí quyết tâm muốn vượt qua mọi trở ngại mới dấy lên từ năng lực nội tại tiềm tàng ấy của chúng ta.

Và đây chính là điều đem lại từ sự tu luyện của một vị thiền tăng.

*

a heart that doesnot move

YEARS AGO, I was approached in London by a man who had been doing zazen for six or seven years with this question: "I am continuing with my zazen because I want to attain the heart that does not move, but I just can't seem to attain it. Even today, when I was on my way to meet you, somebody stepped on my foot in the sub- way. That person didn't even bother to say 'Excuse me' or 'I'm sorry; but just went on as if nothing had happened. I tried hard to restrain myself, to keep my heart still, but I just couldn't help getting peeved. Please show me just how to do zazen so that I can find the heart that does not move."

I answered him, "You've already got a heart that does not move! Despite the fact that quite some time has elapsed since you had your foot stepped on, from then until now, your heart has not moved a step away from the place where you got angry.

tâm bất động

CÁCH ĐÂY NHIỀU NĂM ở Luân Đôn, một người đàn ông đến gặp tôi, tự nhận đã hành thiền được sáu bảy năm nay và hỏi như sau: “Tôi tập thiền vì muốn có được tâm bất động, nhưng có vẻ như tôi chẳng thể nào có được. Chính ngay ngày hôm nay, khi đang trên đường đến gặp thầy, có một người đã dẫm lên chân tôi trong xe điện ngầm. Người ấy chẳng buồn nói “Xin lỗi” gì cả, cứ tiếp tục đi như là không có gì xảy ra. Tôi cố kềm chế mình, cố giữ cho tâm thả nhiên, nhưng không thể nào mà không bực mình được. Xin thầy chỉ cho tôi cách tọa thiền thế nào để có được tâm bất động.”

Tôi trả lời ông ta, “Ông đã có tâm bất động rồi đó! Mặc dù từ lúc ông bị dẫm chân lên tới giờ cách đây khá lâu rồi, suốt từ khi đó, tâm ông vẫn giữ nguyên ở chỗ ông đã bị bực mình.

If you think that a still heart is one that does not move regardless of what you encounter, and if that is what you really want, there is no need for you to cultivate it anew." "Then what is a mind that is truly still?" asked the man in surprise.

"The truly still mind, with which you were born, is the mind that moves freely. Without ignoring anything, it reacts wholeheartedly to everything it encounters, to everything on which it reflects. And yet, for all that, it is the mind that is never seized by anything, but is always ready to react on the spot to whatever it encounters next. The mind that is still is the mind that never forfeits its freedom and is able to constantly keep rolling and rolling and rolling."

This fellow was quite convinced by my answer to his question, and, pledging to do zazen ever more diligently, he went off.

Nếu ông nghĩ rằng tâm bất động là một tâm không lay động gì dù có gặp điều gì chẳng nữa, và nếu ông thực sự muốn như vậy, thì ông chẳng cần phải đem nó ra nữa." "Nếu vậy, thế nào là tâm bất động thực sự?" ông ta ngạc nhiên hỏi.

"Tâm bất động thực sự ông đã có từ khi mới sinh ra đời là tâm vận chuyển tự do tự tại. Tâm ấy không có gì không biết và phản ứng những việc xảy đến một cách hết mình, nhưng không dính mắc vào một thứ gì, luôn luôn sẵn sàng ứng phó những gì đến sau đó. Tâm bất động là tâm không bao giờ bỏ mất tính tự do, và lúc nào cũng luân chuyển không ngừng."

Ông bạn này đã hoàn toàn bị câu trả lời của tôi thuyết phục, và đã giã từ tôi sau khi nguyện sẽ càng thêm tinh tấn tọa thiền.

I gather he still continues today in his devoted effort to awaken to the "heart that is still," the mind that moves freely.

This man's case is only one example of the way in which, intent on single-heartedly pouring ourselves into something, we are apt to get hung up. No matter how enthusiastically we throw ourselves into this instant, if we cannot flow with the tide as it shifts, we are not in single-pointed concentration, not in samadhi.

The word *samadhi* carries within itself two absolutely contrary meanings: "perfect reception" and "perfect non-reception." In order to "perfectly receive" each instant as it occurs, it is necessary to "perfectly not-receive" the previous instant and the future instant. No matter how accurately and in what detail a mirror may reflect what is before it in one instant, should it be turned to face a new direction, the previous reflection will disappear without a trace and the mirror will faithfully reflect what is newly before it.

Tôi đoán là tới ngày nay ông vẫn đang tiếp tục nỗ lực chuyên cần để ngộ được "tâm bất động" ấy, cái tâm thường luân lưu trong tự do tự tại.

Ông này là một trường hợp điển hình của sự dính mắc vào điều mà chúng ta đang cố gắng tập trung toàn lực để đạt được. Cho dù chúng ta có hăng hái nhiệt tâm đến thế nào chăng nữa, nếu không biết luân lưu theo sự biến đổi của nước triều, ta sẽ không có được một tâm nhất quán, sẽ không đạt được Định.

Chữ Định (*samadhi*) bao hàm hai ý nghĩa cực kỳ tương phản nhau: *sự hoàn toàn tiếp nhận* và *sự hoàn toàn không tiếp nhận*. Để có thể *hoàn toàn tiếp nhận* một điều gì đang tới, cần phải *hoàn toàn không tiếp nhận* những gì đã tới trong giây phút trước đó và những gì sẽ tới sau đó. Một tấm gương dù có phản chiếu thật rõ ràng chi tiết tới đâu cảnh trước mắt trong giây phút trước, nhưng nếu xoay nó đi, cảnh ấy sẽ biến đi hoàn toàn và tấm gương lại phản ảnh trung thực cảnh mới đang hiện ra.

Likewise, in its power to always perfectly receive what is at hand and to perfectly not-receive what is not at hand, the heart functions doubly. For this reason, from times of old, the heart has been likened to a mirror. The state in which this power functions to receive everything perfectly, just as it is—that is to say, the heart of perfect nonreception that does not get caught up—is called "the heart that is still," or simply *Zen*.

The mind that neither ignores anything nor attaches to anything is not something that is obtained through training. It is the natural "power" with which you entered this world. Those of us who are called Zen monks enter the monastery in order to awaken through practice to this power that we inherently possess, to freely demonstrate it, and to bring it to life.

Cũng vậy, với năng lực có thể hoàn toàn tiếp nhận những gì đang có và hoàn toàn không tiếp nhận những gì đang không có, tâm chúng ta làm việc trong hai chiều đối nhau. Vì lý do đó, từ thuở xa xưa, tâm đã được ví như một tấm gương. Năng lực đưa đến trạng thái tiếp nhận hoàn toàn mọi sự đang đến trong thực tướng Như Như của chúng - có nghĩa, một tâm hoàn toàn không thụ nhận và không dính mắc – được gọi là *tâm bất động* hay chỉ đơn giản là Thiên.

Cái tâm không có gì là không biết đến nhưng cũng không dính mắc vào bất cứ điều gì không phải là thứ có thể đạt được nhờ tu luyện. Đó là *năng lực* chúng ta đều hàm sẵn khi sinh ra. Những người được gọi là Thiên tăng như chúng tôi vào thiền viện để dùng sự tu tập làm phương tiện đánh thức năng lực sẵn có ấy, để có thể biểu hiện một cách tự do, và đưa vào cuộc sống.

getting to know my own idiocy

I HAVE HEARD it said, in critical observation of falling in love and getting married, that "Marriage is moving from beautiful misunderstanding into tragic understanding." This phrase sums up certain stages in the process of Zen practice as well. Again I say that it would not be an exaggeration to characterize my own life up to now as simply a succession of realizations of my own misunderstanding (misunderstanding that was not even beautiful!) and a process of getting to know my own idiocy. For a person strong in his cravings, clinging to his narrow experience and knowledge as the Supreme Law, caught in a ravine between feelings of superiority and inferiority, between building and destroying an ideal self-image—to uncover one's own misconceptions is a task much more easily described than accomplished!

There was once a great Chinese man of Zen named Chao-chou.

biết đến cái ngu của mình

TÔI ĐÃ TỪNG NGHE một nhận xét châm biếm về tình yêu và hôn nhân như thế này: “Hôn nhân là chuyển đổi từ một sự hiểu lầm đẹp đẽ sang một sự thông hiểu thâm trầm.” Câu nói này cũng có thể áp dụng sơ qua đối với một số chặng đường trong tiến trình tu tập thiền. Tôi xin nói lại một lần nữa là, tôi đã không nói quá khi xem cuộc đời của mình chỉ là một chuỗi nhìn nhận những điều tôi đã hiểu lầm (mà không phải là sự hiểu lầm đẹp đẽ) và là một tiến trình nhận biết cái ngu của mình. Đối với người đang có nhiều ham muốn, họ luôn luôn bám víu vào kinh nghiệm và kiến thức của họ trên hết; trong thế kẹt giữa hai áp lực những cảm giác tự tôn và tự ti, giữa ý muốn xây đắp và hủy diệt hình ảnh của cái ngã lý tưởng – việc nhận ra sự sai lầm trong quan niệm của mình là điều dễ nói hơn là dễ làm.

Xưa ở Trung Hoa có một đại thiền sư tên là Triệu Châu.

When Chao-chou was fifty years old, his master, Nan-ch'uan, died. After three years of mourning, Chao-chou, at age sixty, set out on a twenty-one-year-long pilgrimage that took him throughout China. At the age of eighty, the extraordinary Zen master Chao-chou settled in a temple called Kuan-yin-yuan, where he guided monks and lay persons in the Dharma until his death at one hundred and twenty years of age.

One day a monk in training came to Chao-chou's temple and inquired, "What is the most solid, most unbreakable thing in this world?"

Chao-chou replied, "If you feel like insulting me, go right ahead and insult me as you please. If your initial Insults do not suffice, pour on still more abuse. If you want to spit on me, go right ahead and spit to your heart's content. If spitting isn't enough, fill a pail muddy water and slosh that on me as well."

At first glance, the answer may not seem to fit the question.

Khi Triệu Châu được năm mươi tuổi, thầy của ngài là Nam Tuyền mất đi. Sau ba năm để tang, Triệu Châu, lúc bảy giờ vào tuổi sáu mươi, khởi sự hành khước khắp nước Trung Hoa. Đến tám mươi tuổi, vị thiền sư xuất chúng này tới trụ tại chùa Quan Âm, ở đó ngài hướng dẫn đạo pháp cho tăng chúng và cư sĩ cho đến khi ngài viên tịch vào năm một trăm hai mươi tuổi.

Một hôm có một học tăng đến chùa Triệu Châu và hỏi ngài, "Cái gì là kiên cố nhất, không thể nào phá vỡ nổi trên thế gian này?"

Triệu Châu trả lời, "Nếu người muốn sỉ nhục ta, cứ tha hồ mà làm như ý muốn. Nếu cho là làm như vậy không đủ, cứ việc sỉ nhục thêm nữa. Nếu người muốn nhổ vào người ta, cứ tha hồ mà làm đi. Nếu nhổ không chưa đủ, cứ việc đi lấy đất bùn mà ném vào người ta."

Thoạt tiên, câu trả lời này có vẻ chẳng ăn nhập gì với câu hỏi.

It may appear that the hearts of some people are easily hurt. In fact, it is merely the affectations, the impurities that have been heaped upon the heart, not the pure heart with which they are born, that are injured.

Most people create sharp distinctions between good and bad, not realizing that these distinctions are meaningless artificialities. They labor under the mistaken view that practice consists of throwing out the bad and searching for the good. In so doing, they misplace their efforts and waste their energy. Holding their ideals dear, trying to become the ideal selves they picture in their minds, they fail to see the value of what is already within them. Indeed, it is not easy to take a collection of such people and lead them to awaken to the dignity that is the very root of humanity!

For this reason, before entering the monastery, the novice lives the life of a young monk, a stage in which he must pass through many gates of self-denial.

Nhưng ý Triệu Châu muốn nói là, dù có dùng đủ mọi cách lắng mạ đến thế nào, Phật tánh, vốn bất sinh và có sẵn nơi chúng ta, vẫn không suy suyển, và là kiên cố nhất trong tất cả. Nhìn bề ngoài thấy tâm một số người có vẻ dễ dàng bị thương tổn. Nhưng thực sự, đó chỉ là những thứ giả tạo làm vẩn đục và che phủ tâm, không phải là tâm thanh tịnh trong sáng vốn có sẵn từ khi sinh ra bị thương tổn.

Hầu hết mọi người đều hay phân biệt thật sắc bén giữa tốt và xấu, không nhận ra rằng những phân biệt đó chỉ là giả tạo vô ý nghĩa. Họ ra sức tu tập trong quan niệm sai lầm rằng tu là vứt bỏ cái xấu và tìm kiếm cái tốt. Làm như vậy, họ đã công phu không đúng chỗ và phí phạm năng lực của họ. Ôm ấp những hình ảnh lý tưởng trong tâm, họ cố làm sao trở thành con người lý tưởng như hằng mơ ước, mà không nhận ra giá trị của cái họ đang có sẵn. Thật vậy, không phải dễ dàng hướng dẫn một nhóm người như vậy cho họ có thể ngộ ra được gốc rễ trang nghiêm căn bản của con người!

Vì lý do đó, trước khi gia nhập một thiền viện, người sa-di sống cuộc đời của một học tăng trẻ, trong thời gian đó ông trải qua biết bao lần phải chối bỏ cái ngã của mình.

I do not mean denial of the original self. I mean, rather, facing head-on and acknowledging, no matter how bitter, the unripeness and the artificialities of the self in its existing circumstances—denial of the self in its present state and recognition of the dignity of the original self.

The sixth ancient teacher of the Zen sect, Hui-neng, who lived from 638-713 C.E., came from Hsin-chou, in the south of China, a part of the country considered barbarous in those days. Hui-neng had lost his father when he was very young and supported his mother by gathering firewood in the forest and selling it in the town. One day when he was making his peddling rounds, Hui-neng happened upon a house where someone was chanting the Diamond Sutra. When Hui-neng heard the chanting, his mind suddenly opened, the aspiration for enlightenment arose within him, and it came to be that he climbed Yellow Plum Mountain to call on the fifth ancient teacher, Master Hung-jen.

Ý tôi muốn nói không phải là dẹp bỏ con người nguyên thủy của mình, mà đúng hơn là đương đầu và cay đắng nhìn nhận sự non kém và giả tạo của cái ngã nơi mình trong tình cảnh hiện tại: chối bỏ cái ngã trong tình trạng đương thời và nhận thức được sự trang nghiêm của con người nguyên thủy nơi mình.

Lục tổ Huệ Năng của thiền tông, sống từ năm 618 đến 713, xuất thân từ Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, miền nam Trung Quốc, nơi bị coi là phần đất man rợ thời ấy. Huệ Năng, vốn mồ côi cha từ thuở nhỏ, đi lượm củi trong rừng và đem vào thành bán nuôi mẹ. Một ngày kia khi đang bán dạo, Huệ Năng đi qua một căn nhà và nghe thấy tiếng người đang tụng kinh Kim Cương. Nghe kinh, tâm Huệ Năng bỗng mở ra, ước nguyện được giác ngộ bùng lên, thế là ngài ra đi vượt đèo lên núi Hoàng Mai tìm đến vị tổ thứ năm là Hoằng Nhẫn.

Hung-jen saw at a glance that this visitor, Hui-neng, was someone very remarkable. Yet when he heard that Hui-neng had come from Hsin-chou, in the south, he deliberately insulted him, asking, "How could a beast from Ling-nan expect to practice and become a buddha?"

Hui-neng did not color or flinch, but replied boldly, "There may be a distinction in the way humans lead their lives in the north and in the south, but for essential buddha-nature, there is no distinction of north and south."

When Hung-jen heard this answer, he knew that Hui-neng would succeed him in the Dharma.

Spiritually, we Zen monks are really descendants of the beasts of Ling-nan. Although we don Buddhist robes and live inside monasteries, we do not readily manage to shake off all our ornamentation and get beyond our easily injured impurities.

Now let us talk a little bit about what kind of lifestyle young monks, as we have just described them, lead inside the monastery.

Hoằng Nhẫn thoáng nhìn đã biết vị khách Huệ Năng là người phi thường từ trời đưa xuống. Nhưng khi nghe Huệ Năng nói đã đến từ tỉnh Tân Châu ở miền Nam, ngài đã cố ý sỉ nhục khi hỏi rằng, “Làm sao con người man rợ từ Lĩnh Nam lại đòi tu thành Phật được?”

Huệ Năng không hề đổi sắc mà trả lời mạnh dạn rằng: “Người có Bắc Nam tuy có đời sống khác nhau, nhưng Phật tánh không phân biệt nam hay bắc.”

Khi Hoằng Nhẫn nghe câu trả lời, ngài biết ngay Huệ Năng sẽ là người kế thừa ngài trong ngôi vị Tổ.

Về tâm linh, chúng tôi những thiền tăng đúng là hậu duệ của người man di vùng Lĩnh Nam. Tuy mặc áo nâu sồng và sống trong tu viện, chúng tôi vẫn chưa sẵn sàng cởi bỏ hết những thứ hào nhoáng bên ngoài và vượt qua được lớp vỏ trần cấu dễ bị thương tổn của mình.

Bây giờ, ta hãy nói về cuộc sống của những học tăng trẻ ra sao, và những gì họ làm trong thiền viện.

routine in the monastery

THE USUAL DAY begins at 3:00 A.M. with the sound of a ringing handbell and a voice shouting, "*Kaijo!*" ("Get up!") The monks jump out of bed and pour from a small bamboo dipper into their palms the three coops of water that they are allotted to rinse their mouths and wash their faces. They go to the toilet, put on their robes, and present themselves in the main Buddha hall.

Each action of every person is orchestrated so that the group works together as a whole. When the gong sounds in the main hall signaling the monks to appear, the leader of the zendo—the hall where the monks eat, sleep and meditate—rings his small bell and everyone files out in silence. The morning sutra chanting in the main hall lasts about one hour.

At four in the afternoon on the last day of the year, priests make a chanting round throughout the entire temple, beginning in the main Buddha hall and finishing in the kitchen, where the deva Idaten is enshrined; it is said that Idaten can circle the earth in a flash, and thus he is the god in charge of finding food for those in practice.

đời sống trong thiền viện

MỘT NGÀY BÌNH THƯỜNG bắt đầu từ lúc 3 giờ sáng với tiếng chuông rung tay và tiếng gọi lớn “*Kaijo!*” (Thức dậy!) Các vị sư nhảy ra khỏi giường, rót từ một bình bằng tre ba ngậm nước vào tay để súc miệng và rửa mặt. Họ đi vệ sinh, mặc áo tràng, rồi vân tập đến thiền đường trong chánh điện.

Tất cả hành động mỗi người đều được làm chung với nhau như một nhóm. Khi tiếng đại hồng chung trong chánh điện vang lên gọi chư tăng vân tập, trưởng nhóm của thiền đường, nơi chư tăng thực sự sống ở đó, rung chuông tay và mọi người lần lượt im lặng bước vào. Thời kinh sáng bắt đầu trong chánh điện, kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ.

Buổi chiều lúc bốn giờ, trong ngày cuối cùng của năm, chư tăng đi một vòng quanh chùa tụng niệm, bắt đầu từ chánh điện và chấm dứt ở nhà bếp, nơi thờ Idaten – Idaten có thần thông bay vòng quanh trái đất như ánh chớp, và vì thế được phong là vị thần đem lại thực phẩm cho người tu.

Years ago, when I was just beginning to learn the sutras, I was first set to making this end-of-year round of chanting through the temple. Soon after I had finished, Zuigan Roshi, without warning, inquired, "With what mind did you chant those sutras?"

I lost my bearings completely; I was at a loss for what to say that would please the roshi. Then, when I hastened to respond with a good Zen answer, "I chanted with no- mind," I got a sharp reprimand.

"You fool. Why don't you chant in gratitude: 'Thank you for giving me this year to practice in peace'?"

There was still another time when Roshi bellowed at me, "Your voice trembles because you are trying to be good at reading the sutras. Just chant the sutras with all your might."

Sutra-chanting is one activity that afforded me countless opportunities to meet my own mistaken notions head-on.

After the morning chanting, the monks return to the zendo and the zazen period begins.

Nhiều năm trước, khi mới bắt đầu học kinh, tôi lần đầu tiên đã đi vòng cuối năm tụng niệm quanh chùa này. Khi vừa mới xong, Lão sư Thụy Nham bỗng bắt ngờ hỏi tôi rằng: “Người dùng tâm gì để tụng kinh?”

Tôi hoàn toàn sững sờ, không biết phải nói gì có thể làm vui lòng đại sư. Rồi, khi tôi vội vã trả lời một câu có vẻ rất Thiền rằng, “Con tụng kinh mà không dùng tâm nào cả,” tôi đã bị mắng ngay.

“Đồ ngu. Tại sao người không tụng kinh trong sự biết ơn ‘Xin cảm tạ đã cho tôi một năm tu tập an lành.’”

Cũng có những lúc khác Lão sư đã quát tôi, “Giọng người run lên vì người cố làm sao tụng cho thật hay. Người chỉ cần tụng kinh với hết sức mình là đủ rồi.”

Tụng kinh là một hoạt động đã đưa đến tôi vô số lần đụng độ với những quan niệm sai lầm của mình.

Sau thời kinh buổi sáng, chư tăng trở về thiền đường và khóa tọa thiền bắt đầu.

At the clang of a special bell, they set out for *sanzen*, a private meeting with the teacher. One by one, they go in to encounter the roshi face to face. What takes place now is not a convivial meeting between equals but a very pointed question-and-answer session. Each monk has received from his teacher a *koan*, which he must answer at this private meeting. (A koan is a brief teaching taken from the words and actions of Shakyamuni Buddha and his successors in the Dharma and meant to stimulate awakening.) The monk must master the true meaning of the koan through earnest zazen, not mere cogitation.

When the *sanzen* period is finished, it is breakfast time. For the first four years I lived in the monastery, the food we ate did not appear to be food at all; gradually the diet moved toward what we could call traditional. Even then our gruel consisted of round, unprocessed barley, not the pressure-steamed and dried barley usually used in cooking. Gruel is so much the standard morning fare in Zen monasteries that the very word for breakfast is derived from this dish.

Khi một tiếng chuông đặc biệt được đánh lên, họ bắt đầu đi *tham thiền*, tức đến gặp gỡ riêng với thầy. Từng người một, họ lần lượt vào đối mặt lão sư. Những gì xảy ra ở đó không phải cuộc gặp mặt thân thiện giữa hai con người bình đẳng với nhau mà là vấn đáp. Mỗi vị sư đều nhận một công án từ thầy của mình, và phải trả lời công án đó trong lần gặp mặt này. (Một công án là một *vấn đề* rút ra từ Pháp ngữ cũng như những hành động của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và những vị Tổ, có thể khai mở giác ngộ.) Vị sư phải quán triệt được ý nghĩa thực sự của công án qua công phu tọa thiền, chứ không chỉ qua suy nghĩ lý luận.

Khi thời *tham thiền* chấm dứt là đến bữa ăn điểm tâm. Trong suốt bốn năm tôi ở thiền viện, thức ăn chúng tôi dùng chẳng có vẻ gì là thức ăn cả; dần dần những bữa ăn đó mới đổi thành có vẻ truyền thống hơn. Nhưng dù thế bữa cháo của chúng tôi cũng chỉ toàn là bằng những hạt lúa mạch lúc tròn, chưa được chà vỡ, không phải là loại lúa mạch đã được hấp và sấy khô thường dùng trong các bữa ăn ở ngoài. Cháo là tiêu biểu cho bữa ăn điểm tâm trong thiền viện, đến nỗi chính chữ điểm tâm đặt ra từ tên món thực phẩm này.

Regardless of how long unprocessed barley is boiled, it does not thicken the water, so that the end result amounts to nothing more than salt water in which grains of barley have settled at the bottom. Along with this gruel, for about three years, we were served nothing but two smelly, brackish slices of what were called "perpetual pickles." We would carefully suck the saltiness out of those two pickles as we ate, or I should say *drank*, our three bowls of gruel.

It is often said that Zen monks eat pickles without making a sound, but the truth is that the pickles that we have to chew aren't crunchy! No matter how frugally and gingerly one licks at such a pickle to make it last, before you know it, the pickle has dissolved and slid down the throat. It is indeed the case, not only with eating pickles, but with every movement in the dining hall—raising and lowering the chopsticks, picking up and setting down one's bowl, sipping on hot gruel—that absolutely no sound is allowed. Whispering being out of the question, all action is orchestrated with certain designated gestures and the sound of wooden clappers.

Không cần biết hạt lúa mạch lúc này được đun bao lâu, nước cháo cũng chẳng đặc được tí nào, thế nên cuối cùng là món cháo chỉ lỏng bồng toàn là nước muối với những hạt lúa mạch lặn ở dưới đáy. Ngoài món cháo ra, suốt ba năm, chúng tôi không được ăn gì khác ngoài hai miếng dưa mặn chát mà chúng tôi gọi là *dưa bất tận*. Chúng tôi sẽ cẩn thận mút cái mặn ra khỏi hai miếng dưa ấy khi ăn, hay có thể gọi là *uống*, ba bát cháo ấy.

Người ta thường nói rằng những vị thiền tăng ăn dưa muối mà không phát ra tiếng nào, nhưng thực sự là những miếng dưa chúng tôi ăn chẳng dòn gì cả. Cho dù cố cẩn thận và dè dặt liếm miếng dưa đó thật lâu đến thế nào, miếng dưa cũng sẵn sàng tan ngay ra và trôi xuống cổ họng. Thật sự như vậy, không chỉ trong vấn đề ăn dưa muối, mà trong tất cả những hoạt động ở phòng ăn – giơ đũa lên xuống, cầm bát lên và đặt bát xuống, húp miếng cháo nóng bồng – không có động tác nào gây ra tiếng động. Không thể nào có thì thầm nói chuyện, tất cả các hành động đều được làm trong những cử chỉ đã được định sẵn và theo tiếng đập của chiếc mõ gỗ.

The dining hall, along with the bath and the toilet, are known as the three halls of silence, where quiet is strictly enforced. It goes without saying, of course, that silence is always maintained in the meditation hall.

All the fledgling monks reside together twenty-four hours a day, each in his assigned space of one tatami mat, in a hall with no partitions, so that there is practically no such thing as private time or private space. Consequently, the only occasion when one is completely alone is in the toilet, and so requiring the monk to maintain silence even there is probably the only way he can be prevailed upon to continue being mindful uninterruptedly.

Bath day in a monastery occurs on every date of the month with a four or a nine. The monks not only take baths on this day but wash clothes, mend their robes and kimonos, and take care of any personal affairs that have arisen. At any rate they get a bath only once every five days.

Phòng ăn, cùng với phòng tắm và cầu tiêu, được coi như là ba nơi im lặng, ở đó bắt buộc phải giữ yên lặng thật nghiêm ngặt. Dĩ nhiên, không cần phải nói, thiền đường cũng luôn luôn thật im lặng.

Tất cả những học tăng mới chung sống với nhau hai mươi bốn tiếng mỗi ngày, mỗi người có chỗ quy định chỉ rộng khoảng một chiếu *tatami*, trong gian thiền đường rộng lớn trống trơn, không có một vách ngăn, cho nên không có chỗ nào hay lúc nào có thể riêng tư được. Do đó, cơ hội duy nhất để có thể hoàn toàn riêng tư một mình là ở trong cầu tiêu, và vì thế bắt chur tăng phải giữ im lặng ngay cả nơi chôn đó, cũng là cách thúc liễm họ tiếp tục giữ chánh niệm không ngưng nghỉ.

Ngày tắm rửa trong thiền viện là ngày có số 4, hay 9 trong tháng. Chur tăng không chỉ tắm rửa mà còn giặt đồ, vá quần áo, và đi lo những công chuyện cần giải quyết. Tóm lại họ chỉ tắm một lần mỗi năm ngày thôi. Dù có là ai chẳng nữa, nếu một người phải dậy sớm tinh mơ và đi ngủ trễ, tọa thiền rồi đi lao tác mỗi ngày, khi bước vào trong bồn tắm là cái thú thần tiên giống như lên thiên đàng vậy.

No matter who a person is, if one rises early and goes to bed late, doing zazen and manual labor day in and day out, the pleasure of stepping into a bath will be like an ascent to heaven. One's spirits rise to exhilaration despite oneself. For this reason, the bath is one of the three halls of silence. But let us return to the dining hall. It is important that quiet be the rule here because regardless of how poor one's food is, it is easy for a monk to allow his mind to wander. Indeed, I might even say that the poorer the fare, the more likely it is that the mind will wander.

After breakfast, the monks clean inside and outside the dojo before setting out just after 7:00 A.M. on their begging rounds. Days for begging alternate with days on which the master gives a talk, so that if the talks are given on the second, the fifth, the seventh, and the tenth of the month, then the first, the third, the sixth, and the eighth will be begging days. As there are seven training halls in Kyoto, the schedule is set up so that monks from neighboring monasteries do not go out to beg on the same day.

Tinh thần sẽ lên cao độ mặc dù không muốn như vậy. Vì lý do đó, phòng tắm cũng là một trong ba nơi chốn phải im lặng. Nhưng chúng ta hãy trở lại với phòng ăn. Điều quan trọng phải giữ giới luật im lặng trong lúc ăn bởi vì dù thức ăn có dở đến đâu, tâm một vị tăng cũng dễ đi lan man trong lúc đó. Thật vậy, tôi còn dám nói là thức ăn càng dở bao nhiêu, tâm càng dễ lang thang bấy nhiêu.

Sau bữa điểm tâm, các vị sư lau dọn bên trong và bên ngoài thiền đường trước khi ra ngoài khát thực vào lúc quá bảy giờ. Những ngày khát thực xen kẽ với những ngày giảng pháp của thầy, nên nếu thầy giảng vào ngày thứ hai, thứ năm, thứ bảy và thứ mười trong tháng, thì ngày khát thực sẽ là ngày thứ nhất, thứ ba, thứ sáu và thứ tám. Vì ở Kyoto có đến bảy thiền viện, nên chương trình được sắp xếp để các vị sư trong khu vực gần nhau không đi khát thực trùng một ngày.

Year-round the mendicant monks weave their way through the city streets, their bare feet wrapped in straw sandals. They are not permitted to stand at the doorways of the houses they pass, but instead they form groups of three and walk single file, some thirty meters apart, chanting "*Ho!*" in loud voices as they move.

The houses in Kyoto are narrow, deep, and close together, like a row of eels. I was taught by an elder monk that we should walk at a great enough distance apart from one another so that the lady of the house who is in the backyard hanging out clothes can hear the "*Ho!*" of the lead monk, wipe her wet hands, prepare some small change or some rice, and make it to the front door at least in time to catch the third monk in line.

We are living now in a time of plenty, a time in which it is not difficult to accept money and goods from others. Almost all of the monks who went out to beg right after our defeat in the War, however, felt in their hearts a deep reluctance to engage in this practice.

Quanh năm, chư tăng lê gót đi khất thực qua những ngõ đường thành phố, đôi chân trần trụi bao trong đôi dép rơm. Họ không được phép đứng ở ngưỡng cửa các nhà họ đi ngang qua, nhưng họ thường đi thành từng nhóm ba người và đi theo hàng một, cách nhau khoảng ba mươi mét, vừa đi vừa hô to lên "*HO.*"

Nhà ở Kyoto thường nhỏ hẹp, sâu vào trong và sát với nhau, trông giống như một hàng lươn. Tôi được một vị sư lớn tuổi hơn dạy là phải đi cách xa nhau đủ để bà chủ nhà nếu đang ở ngoài sân sau phơi quần áo có nghe tiếng "*Ho!*" đầu tiên của vị sư đi đầu sẽ có thì giờ lau tay, đi kiếm ít tiền lẻ hay bới ít cơm ra cửa trước kịp lúc vị sư thứ ba đi sau cùng vừa tới nơi.

Hiện tại chúng ta đang sống trong thời đại dư thừa, một thời đại không có gì khó khăn khi nhận tiền và vật cúng dường của thí chủ. Nhưng trong thời kỳ vừa sau cuộc thua trận Thế Chiến của chúng tôi, hầu như tất cả chư tăng đều rất ngại ngùng khi phải làm việc này.

I, too, found it very hard to simply hold my head down and, without reserve, accept the small change held out to me.

The red-light districts—euphemistically called the flower districts—were still in existence in those days, and one time, as we were begging in such an area, some loose coins were thrown down to us from a second-story window by a girl of the establishment and her customer. A monk who had only just graduated from the university and entered the monastery grabbed the change without thinking and made to throw it back. Upon returning to the temple, he received a sound scolding from the senior monk, who spelled out in no uncertain terms the twofold meaning of the practice of begging. On one hand, it is a practice of tolerance or patience for the monk; on the other hand, begging provides others with the opportunity to throw down their covetousness. In the practice of mendicancy, benefit for oneself and benefit for others function together as the two wheels of a cart, and the young monk was told that he had acted thoroughly without prudence.

Ngay chính tôi cũng cảm thấy thật khó khăn khi phải thân nhiên cúi đầu nhận một ít tiền lẻ của thí chủ.

Khu vực đèn đỏ – còn được gọi một cách văn hoa là xóm hoa – vẫn còn tồn tại trong những ngày ấy, và có một hôm, khi chúng tôi đang đi khát thực qua đó, từ trên lầu hai một cô gái làng chơi với khách của cô đã ném xuống vài đồng xu cho chúng tôi. Một vị tăng trẻ vừa tốt nghiệp đại học và nhập chúng trong thiền viện đã bắt lấy mấy đồng xu ấy không suy nghĩ và dợm ném trả lại. Khi trở về chùa, ông ta bị sư huynh mắng một trận nên thân, và được nhắc nhở thật rành mạch về ý nghĩa hai mặt của sự đi khát thực. Một mặt là tập luyện hạnh nhẫn nhục; mặt khác, đi khát thực là gieo duyên cho người khác xả bỏ tâm tham của họ. Thực hành khát thực đem lại lợi ích cho bản thân cũng như cho người khác, tự lợi và lợi tha, như hai bánh xe trong chiếc xe, và vị tăng trẻ đó đã được dạy rằng ông đã hoàn toàn hành động một cách không cẩn trọng.

I overheard this monk being reprimanded, and the words touched me deeply. It occurred to me then that the "*Ho!*" we shouted while begging meant "Dharma" and that we were walking our course, spreading the Dharma throughout the world. I then proceeded to go begging with the notion that I was purifying the area as far as my "*Ho!*" would reach, as if I were a giant vacuum cleaner. One day when I was visiting Zuigan Roshi, I happened to express these sentiments—thereby earning for myself a thundering roar.

"Fool!" he cried. "Don't delude yourself. That '*Ho!*' you're shouting stands for the bowl you are carrying to receive the alms. Just become that bowl. Don't worry about who is doing what for what reason or about what anyone is receiving or about anything else. Just go out begging without seeking anything, like flowing water, like a cloud blown by the wind."

It was thus that another of my silly notions met its demise. In the course of spiritual practice one is apt, from time to time, to get sidetracked down various lanes of warped and backward impressions.

Tôi đã nghe được lúc vị tăng bị mắng, và những lời răn dạy ấy làm tôi xúc động sâu xa. Tôi chợt nghĩ ra chữ *Ho* chúng tôi kêu to lên nghĩa là *Pháp* và khi chúng tôi khát thực là đang đi trên một con đường truyền bá Pháp Phật cho khắp thế gian. Từ đó tôi sửa soạn đi khát thực trong tâm niệm biến khu vực đó thanh tịnh với tiếng *Ho* của tôi vang xa, y như tôi là cái máy hút bụi khổng lồ vậy. Một ngày kia khi đến thăm thầy tôi, Đại sư Thụy Nham, tôi chợt nói ra ý tưởng này, và nhận lãnh một trận quát tháo như sấm sét.

“Đồ ngu!” Ngài hét. “Đừng có tự mê hoặc mình. Chữ *Ho* mà người khát thực hô lên tượng trưng cho bình bát mang theo để nhận vật bố thí. Đừng thắc mắc ai đang làm gì, vì lý do nào hay ai đang nhận thứ gì, hay bất cứ điều gì khác. Chỉ cứ đi khát thực mà không tìm kiếm gì cả, như nước trôi chảy, hay như mây bay theo gió vậy thôi.”

Thế là lại thêm một ý tưởng ngu si của tôi bị dập tắt. Trong quãng đời tu tập đôi khi người ta dễ lạc hướng qua muôn ngõ ngách quanh co của những ấn tượng méo mó chủ quan.

When the monks return from begging, after 10:00 A.M., it is time for lunch. This meal consists of barley-rice, miso soup with greens, and two pickles. Approximately one part rice is added to bind nine parts unprocessed barley. After the mixture is boiled to its softest possible consistency, it is mashed with a ladle so that the crushed barley becomes at least a bit sticky. Unmashed, the barley will remain crunchy and quite inedible. For supper, the left-overs from lunch are thrown together to form a kind of hodgepodge. When the monks eat too much barley rice at lunch, extra water must be added to the hodgepodge at supper, making for an especially watery concoction.

Lunch is followed by a period of manual labor, called *samu*. Tasks might include working in the monastery vegetable garden, pruning shrubs and trees, pulling weeds, and splitting firewood. Work is given special emphasis in monastic life, and the monks are constantly cautioned not to consider the weight of a job in relative terms but to simply drop all analysis and apply themselves wholeheartedly to the task at hand.

Khi chư tăng đi khất thực trở về rồi, khoảng sau 10 giờ sáng, là đến giờ ăn trưa. Bữa ăn trưa gồm cơm lúa mạch, súp *miso* với rau, và hai củ cải muối. Có thể nói một phần cơm để độn vào với chín phần hạt lúa mạch lúc. Sau khi hỗn hợp này được đun lên tới mức thật như xôi, lại được nghiền thêm bằng cái môi múc cơm cho hạt lúa mạch dẻo ra thêm một chút. Nếu không nghiền ra, lúa mạch vẫn cứng và rất khó ăn. Đến bữa tối, thức ăn dư từ bữa trưa được pha trộn vào nhau thành một món hủ lớn. Nếu chư tăng ăn cơm độn lúa mạch nhiều quá trong bữa trưa, sẽ đổ thêm nước vào món hủ lớn này thành món hỗn hợp thật là lỏng bõng.

Sau bữa ăn trưa là lao động, gọi là *samu*. Công việc phải làm là trồng vườn rau, tỉa cây cảnh, nhổ cỏ dại, và chẻ củi. Lao động được nhấn mạnh đặc biệt trong đời sống thiền viện, và chư tăng thường xuyên được cảnh cáo là không nên phán xét công việc trong giá trị tương đối mà chỉ buông bỏ hết mọi phân tích lý luận và lo làm việc hết mình.

Pai-chang, who lived in ancient China from 720-814 C.E., is given credit for establishing the standard for regulations followed in Zen temples. This Master Pai-chang continued working even after he had reached the ripe old age of eighty. When his disciples, concerned about his health, hid their master's tools, Pai-chang was forced to quit working. At the same time, however, he also quit eating. When his disciples begged him to take sustenance, he answered them with words that are now famous: "A day without work, a day without food."

Once when I told this story to a student he remarked, "I see. Those who don't work shouldn't eat. Right?"

While the two statements, that of Pai-chang and of the student, may appear to be superficially similar, they are, in fact, completely different. The difference between facing someone else and saying, "Those who don't work shouldn't eat," and saying of oneself, "If I don't work, I don't eat," is the difference between heaven and earth. The former is a seed of aggression and dispute, while the latter is a precept rising from deep within oneself.

Thiền sư Bá Trượng (720-814), thời xưa ở Trung Hoa là người có công thiết lập tiêu chuẩn luật lệ trong thiền viện. Bá Trượng vẫn tiếp tục làm việc dù cho ngài đến tuổi tám mươi. Khi các đệ tử, vì quan tâm đến sức khỏe của thầy, đã dấu dụng cụ của ngài, Bá Trượng bắt buộc phải thôi làm việc. Nhưng cùng lúc ấy, ngài cũng thôi không ăn. Khi đệ tử van xin ngài hãy ăn uống, ngài trả lời họ với câu vẫn còn nổi tiếng cho đến ngày nay: "*Ngày nào không làm là ngày ấy không ăn.*"

Có một lần, khi tôi kể lại chuyện này cho một đệ tử, anh ta nhận xét rằng, "À ra thế đấy. Người nào không làm việc thì không được ăn, có phải vậy không thầy?"

Nếu xét hai câu nói của Bá Trượng và người đệ tử kia, thoạt nhìn có vẻ giống nhau, nhưng thực ra khác hoàn toàn. Khác biệt giữa sự đối mặt một người và ra lệnh rằng, "Người nào không làm là không được ăn," với câu tự nói với chính mình, "Nếu không làm, tôi sẽ không ăn," thật là một trời một vực. Câu nói trước mang vẻ khiêu khích và có tính cách tranh cãi, trong khi câu nói sau nhận định thật sâu sắc từ trong nội tâm.

After the work period and the "medicinal" supper of hodgepodge (the word for supper is literally written "medicine stone"), the monks enter the zendo and do zazen until 9:00 P.M. During this period, they have another sanzen encounter with the master. At 9:00 P.M., special sutras are read before "bedtime," the literal meaning of which is "to lift the rules (for the day)." This does not mean, though, that when the sutra is finished and the lights go out, everyone goes right to sleep. Once the sutra is chanted, the monk in charge rings his bell, and the monks quickly take off their robes, take their bedding down from the shelf, and fall in an orderly line into bed—for the time being, that is.

You may not have had a chance to see the inside of a zendo, but you can get the picture by imagining an army barracks. I have heard it said that when the Zen sect decided to build a zendo, they looked to army barracks for their example. There is a long row of tatami mats on each side of the hall, and each monk is allotted a single mat for doing zazen, sleeping, and otherwise conducting his life. The aisle between the two rows of mats is covered with Chinese-style tiles.

Sau thời lao tác và bữa ăn tối (*được thực*) có món hủ lớn, chur tăng vào trong thiền đường và tọa thiền cho đến chín giờ tối. Trong khoảng thời gian này, họ cũng có một buổi tham thiền chính thức với thầy. Đến chín giờ tối, lại có một thời tụng kinh đặc biệt trước *giờ đi ngủ*, một chữ dùng có ý nghĩa là *hết áp dụng luật lệ* (cho ngày hôm đó). Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là khi thời tụng kinh đã chấm dứt và đèn đuốc đã tắt hết, mọi người đều đi ngủ ngay. Khi tiếng tụng kinh vừa xong, vị sư trưởng rung chuông lên rồi, các học tăng nhanh chóng cởi áo tràng ra, lấy chăn gối từ kệ xuống, rồi chui vào giường ngủ một cách trật tự; thật ra tạm thời thì có vẻ như vậy.

Chắc bạn chưa bao giờ có dịp được thấy bên trong một thiền đường ra sao, nhưng bạn có thể tưởng tượng như là một trại lính vậy. Tôi từng nghe nói khi Thiền tông muốn xây dựng một thiền đường, họ trông vào trại lính làm gương mẫu. Dọc mỗi bên thiền đường là một hàng dài chiếu *tatami*, mỗi học tăng được chỉ định một chiếu để tọa thiền, ngủ, và sống ở đó. Giữa hai hàng chiếu là một lối đi lát gạch theo kiểu Trung Hoa.

Bedding consists of a single futon, which is folded in half and serves as both the mattress and the cover. This is referred to as an "oak leaf futon" because the monk fits inside the futon like the sweet-bean rice-cake that is wrapped in a single oak leaf. The monk who is accustomed to such bedding can skillfully wrap himself in like a rolled sea tangle and be quite warm. At any rate, summer and winter, this one layer is the monk's only bedding.

Just as soon as the monk in charge of the zendo, carrying a stick known as a *keisaku*, has finished his inspection of the long rows of rolled sea tangle, the lights are switched off, and the senior monks then leave the zendo. This is the cue for the others to simultaneously get out of bed and back into their robes and, carrying their zazen mats under their arms, head outside to find a space under the eaves of the main hall or on a tombstone, each to his own choice, and do some nighttime sitting.

I myself used to choose the tombstone with the highest base I could find for nighttime sitting.

Chăn chiếu chỉ gồm một chiếc nệm *futon*, được xếp làm hai và dùng vừa để nằm, vừa để đắp, còn được gọi là *nệm futon lá sồi*, vì vị tăng nằm gọn trong *futon* giống như chiếc bánh nếp nhân đậu gói gọn lớn trong lá sồi. Vị tăng nào quen nằm với tấm nệm như vậy sẽ quán mình trong đó thật khéo như miếng cơm quán rong biển, và sẽ thấy ấm áp vô cùng. Bất cứ lúc nào, dù mùa hè hay mùa đông, tấm nệm duy nhất này đều dùng làm chăn chiếu cho người học tăng.

Vừa khi vị sư trưởng phụ trách thiền đường, với cây gậy trong tay gọi là *keisaku* đi kiểm soát xong xuôi những hàng người quán môn như quán rong biển, đèn sẽ tắt và vị sư trưởng sẽ rời khỏi thiền đường. Ngay lúc đó, mọi người đồng loạt chui ra khỏi giường và lại mặc áo tràng, tọa cụ ôm trong tay, đi ra ngoài tìm một chỗ trống dưới mái hiên chính điện hay trên bia một ngôi mộ nào đó, ai có chỗ nấy, và bắt đầu tọa thiền ban đêm.

Tôi thường hay chọn một mộ bia nào có nền cao nhất để ngồi thiền ban đêm.

I had in all sincerity come up with the childish notion that perching atop a high stone-clearly a dangerous place to doze off-would prevent me from growing drowsy.

Until nine o'clock everyone sits together in the zendo. Then, after the rules are lifted for the day, everyone voluntarily sits on his own. For the monk new to life in the dojo, customs of this sort are nothing but arduous. It gradually dawned on me, though, that the practice of night-time sitting truly makes sense.

Just as everyone is endowed with his own particular facial features, so is each person's situation uniquely his own, making for a boundless variety of circumstances. The heart with which each one of us is born is a wonderful thing, but the aftereffects of accumulated experiences and knowledge vary with each person. For this reason, the time set up for individual sitting after the lights go out is needed.

In order of their seniority, the monks return to the zendo to sleep, and this means that the most junior of the monks do not get to bed until around midnight.

Tôi đã thật sự tin tưởng một cách trẻ con rằng ngồi ngất ngưỡng trên một tảng đá cao – rõ ràng là một chỗ nguy hiểm nếu lỡ ngủ gục – sẽ khiến tôi không dám ngủ gục.

Cho đến chín giờ tối, tất cả mọi người đều ngồi thiền chung với nhau trong thiền đường. Rồi sau đó, khi luật lệ trong ngày chấm dứt, mọi người đều tự nguyện ngồi thiền riêng. Đối với một học tăng mới đến trong thiền viện, những thông lệ này thật là quá cam go. Tuy nhiên, sau một thời gian, tôi bắt đầu nhận thấy rằng hành thiền ban đêm như vậy thực sự có lợi ích.

Cũng tựa như mỗi người đều có một nét mặt riêng biệt, hoàn cảnh mỗi người cũng hoàn toàn đặc thù cho người ấy, cho nên trong thế gian có vô lượng hoàn cảnh riêng biệt khác nhau. Tâm nguyên thủy mỗi người chúng ta đều sẵn có từ khi sinh ra là điều vi diệu vô cùng, nhưng những ấn tượng huân tập từ kinh nghiệm trong đời và kiến thức thâm thập đều khác nhau nơi mỗi người. Vì thế, sau khi đèn đã tắt, để ra một thời gian cho mỗi người ngồi thiền riêng là sự cần thiết.

Theo thứ tự thâm niên, chư tăng trở lại thiền đường đi ngủ, điều đó có nghĩa là người nào mới nhất trong chư tăng thường chỉ đi ngủ khi đã nửa đêm.

It follows, then, that even on regular days, they only clock in about three hours of sleep. Weakling that I was, I always had the feeling of fainting rather than of falling asleep. What's more, during the one week of the month devoted to intensive zazen, called *sesshin*, sleep is curtailed still further.

To describe zendo customs in this way may paint the picture of an inordinately severe lifestyle, but during the period of life when one is most flush with energy and vigor, it is impossible to settle into quiet zazen practice if one sleeps whenever the urge to sleep hits and eats just because the urge has hit to eat. By the same token, following a plain vegetarian diet helps to still the mind to some degree and is, I believe, necessary.

In the zendo lifestyle, private ownership is strictly limited. The monks carry out their lives in the barest necessities: loincloth, thin cotton undergarment, wide belt, unlined kimono, and light outer robe.

Even in wintertime, there is no thicker or lined kimono. I myself never owned an undershirt until I reached my mid-thirties.

Và như thế, ngay cả trong những ngày bình thường, họ cũng chỉ có được ba tiếng đồng hồ để ngủ. Vốn sẵn yếu đuối, tôi luôn luôn cảm thấy như mình ngất đi hơn là ngủ đi. Hơn thế nữa, trong thời gian một tuần chuyên tu gọi là tiếp tâm (*sesshin*), giờ ngủ lại còn bị cắt xén thêm nữa.

Miêu tả những thông lệ này trong thiền đường có lẽ sẽ vẽ lên một lối sống cực kỳ khắc khổ, nhưng trong thời kỳ con người còn đang tràn trề sức sống và năng lực, sẽ không thể nào đạt được định tâm trong tọa thiền nếu ta ngủ bất cứ lúc nào muốn ngủ và ăn bất cứ lúc nào muốn ăn. Cũng trong ý nghĩa đó, những thực phẩm chay lạt cũng giúp cho tâm được yên tịnh phần nào, và tôi tin rằng đó cũng là điều cần thiết.

Trong đời sống thiền viện, sở hữu riêng tư được giới hạn nghiêm ngặt. Chư tăng sống trong sự giản tiện tối đa những đồ dùng cần thiết: chỉ một tấm khăn, áo trong bằng vải bông, khăn buộc bụng, và áo kimono một lớp.

Ngay cả mùa đông, cũng không có áo kimono dày hoặc hai lớp để mặc. Chính tôi cũng không bao giờ có được một cái áo lót cho đến khi tới trên ba mươi tuổi.

There was slightly thicker cotton wear for winter, but still only the thin undergarment, unlined kimono, and robe, so that the only place on the body where the wind did not directly strike was around the middle where the belt was tied. It was as if we were living naked, with most of the body always exposed to the air. Because one feels the cold most acutely upon being roused out of bed in the mornings, in the dead of winter, the monk hurriedly chills his body—because once the skin is thoroughly chilled, one hardly feels the cold. To do zazen in the winter, I found, is to intimately know the cold air, as it moves up through the sleeves to be slightly warmed by the body, then up from the chest, and out to the chin in a tepid flow.

Regardless of the season or weather, the monks wear socks only for special ceremonies. Both the straps of the wooden thongs, which are made of braided bamboo bark, and the strings of the straw sandals rub and harden the skin on the feet, so that the hide on a monk's instep is even thicker than the skin on another person's heels.

Về mùa đông, áo ngoài mặc dày hơn một chút, nhưng áo trong cũng vẫn mỏng, áo kimono cũng chỉ có một lớp, và rồi đến áo tràng, vì vậy chỗ duy nhất trên thân mình mà không bị gió trực tiếp thổi vào là khu vực ở giữa bụng được quần khăn chít. Chúng tôi gần như là trần trụi, hầu hết thân thể tiếp xúc trực tiếp với không khí ở ngoài. Lúc cảm thấy buốt giá nhất là buổi sáng tinh mơ khi bị dựng dậy khỏi giường, trong bóng đêm tê tái mùa đông, khi đó người tăng sĩ vội vàng ướp lạnh thân mình – bởi vì khi toàn bộ thân mình đã lạnh hết rồi, thì không còn cảm thấy lạnh nữa. Tôi thấy tọa thiền trong mùa đông là thật sự biết đến không khí lạnh, cảm thấy khí lạnh đi vào qua cửa tay áo để được thân sưởi ấm một chút, xong lại truyền lên ngực, dâng lên tới cảm như một giòng lưu chuyển ấm áp dần.

Bất kỳ mùa nào cũng vậy, chư tăng chỉ đi vớ trong những dịp lễ đặc biệt. Quai đôi guốc gỗ làm bằng lát tre đan lại, cũng như dây đôi dép rom khi đi đã cọ xát làm cho da chân của họ dày lên, vì thế da chân một vị tăng còn dày hơn là gót chân của một người thường.

Living a life of such physical deprivation, sleepiness is like a chronic illness, and the stomach is hungry year-round. Even the person of considerable desires undergoes a simplification: his craving is limited almost entirely to the desire for food and for sleep.

Elderly ladies, especially, would bow with respect when they saw us out with bare feet in straw sandals, making our begging rounds over icy winter streets. To be frank, though, after the first year or so, most monks become accustomed to monastery life, and the physical rigors cease to be of much consequence. Indeed, the most distressing aspect of training is not the physical suffering but the spiritual agony that invariably accompanies the private dialogues with the teacher. This distress decidedly *does not* disappear after a year.

The heart of the encounter with the teacher is the student's presentation of a koan. For illustration, I will use one of the most famous koans, "Show your original face before the birth of your mother and father." This koan asks, in other words, "What was your true form before your parents gave you birth?"

Sống một cuộc đời thiếu thốn như vậy, buồn ngủ là căn bệnh kinh niên, và dạ dày cũng đói quanh năm suốt tháng. Ngay cả một người có lòng ham muốn thật nhiều cũng chỉ còn đơn giản một ước muốn thêm được ăn, và ngủ nhiều hơn.

Những bà già thường đặc biệt cúi chào kính cẩn khi thấy chúng tôi chân trần đi những đôi dép rom ra ngoài khát thực giữa đường phố lạnh giá mùa đông. Tuy nhiên phải nói rằng, sau thời gian chừng hơn một năm, hầu hết chư tăng cũng quen với đời sống thiền viện, và những cực khổ vật chất không còn ảnh hưởng mấy nữa. Thật ra phương diện khổ tâm nhất trong sự tu tập không phải là cực nhọc thân xác mà đau khổ tinh thần trong những lần giáp mặt riêng với thầy. Khổ này chắc chắn là sau một năm cũng không biến đi đâu được.

Trọng tâm mỗi lần gặp gỡ riêng với thầy là đệ tử trình kiến giải về công án. Để thí dụ, tôi xin dùng một trong những công án nổi tiếng nhất: "*Hãy chỉ cho thấy bộ mặt xưa nay trước khi cha mẹ sinh ra.*" Nói cách khác, công án này là "Cái gì là bản thể chân thật trước khi được cha mẹ sinh ra?"

Some of you will submit that the question is a ridiculous one, but the monk who is given this koan knows that he must, without fail, take a solution in to his teacher the following morning. He is compelled to work on it as if for dear life. Going at it in desperation, the first thing he realizes is that, while the physical body is passed on from parent to child, life itself continues infinitely. No child is born after the parent's death. Fascinated by the death of the physical body, we make our divisions—the life of the parent, the life of the child, my life, your life—but in reality, even if we endlessly retrace the past, the life that we are living now is infinite continuity, and we cannot pin down any beginnings for it. We can understand this much through simple reasoning alone.

Furthermore, the great functioning of this life is the functioning of the mind. To think of it in purely logical terms, the question arises: Transcending this thing one calls "myself," what is the substance of the life that continues eternally?

Một vài người trong số các bạn sẽ cho những câu hỏi loại này vô nghĩa, nhưng vị tăng được giao công án—biết thế nào cũng phải đưa ra câu trả lời cho thầy sáng ngày hôm sau—sẽ bắt buộc phải làm việc với công án đó như là chuyện sống chết vậy. Tham khán công án đến cùng cực khiến điều đầu tiên vị tăng nhận ra là, trong khi thân vật chất này được sinh ra từ cha mẹ, sự sống đang được tiếp tục một cách vô hạn định. Không đứa trẻ nào được sinh ra sau khi cha mẹ nó đã chết rồi. Bị mê hoặc với cái chết của thân xác, chúng ta phân biệt ra – đời sống của cha mẹ, đời sống của đứa con, đời sống của tôi, đời sống của anh – nhưng trên thực tế, dù chúng ta có đi ngược lại quá khứ không ngừng, đời sống chúng ta đang sống hiện tại là một sự tiếp diễn vô hạn, không thể định rõ được đâu là điểm khởi đầu. Bằng lý luận, chúng ta cũng có thể hiểu được điều này.

Nhưng hơn thế nữa, chức năng lớn của đời sống chính là chức năng của tâm. Nếu dùng lý trí thuần túy để nghĩ đến điều này, ta sẽ tự hỏi rằng: “Vượt ra khỏi cái mà ta gọi là *cái ta*, cái gì là bản chất làm nên sự sống vô hạn định?”

Going beyond the self that we distinguish on the basis of small differences—differences in facial features, in personality, in abilities—*what is the original and constant true self?* Everyone at least eventually realizes that this is the question of the koan.

Even though the practitioner knows this much, he still has quite a hard way to go before he can say to the roshi, "*This is my real form.*" Almost inevitably, he starts out proffering all manner of empty theories. The teacher, in the beginning, just listens in silence and rings his bell, indicating that the meeting is over and the next person in line must make his entrance.

In due course, however, the teacher will shout, "I'm not asking for explanations! Get rid of your theories and *show me* your original face!" The monk winds up at his wits' end.

The monks are not assembled in one hall and then commanded to answer the Zen question one after the other: "All right, you're next." Rather, when it is time for the private meetings, the monk on duty brings a small bell out to a location halfway between the zendo and the roshi's interviewing room and leaves it there.

Vượt ra khỏi cái ta mà chúng ta phân biệt dựa trên những sự khác nhau nhỏ nhất như: khác nhau về nét mặt, về cá tính, khả năng – cái gì là cái ta nguyên thủy, thực sự thường hằng?" Dần dần rồi tất cả mọi người, ít nhất, cũng nhận ra được đây chính là câu hỏi của công án.

Nhưng dù có biết được tới đó, thiền sinh vẫn còn phải gặp rất nhiều khó khăn trước khi có thể nói với lão sư rằng, "Đây chính là bộ mặt bản lai của tôi." Gần như bao giờ cũng vậy, thiền sinh sẽ bắt đầu bằng cách đưa ra đủ mọi lý luận trống rỗng. Vị thầy, lúc đầu, sẽ yên lặng lắng nghe xong rồi rung chuông lên, ám chỉ cuộc tham thiền đã chấm dứt và người kế tiếp phải đi vào.

Dần dần, qua một thời gian, vị thầy sẽ quát lớn lên, "Ta không cần nghe giải thích gì cả! Bỏ hết những lý thuyết đó đi và chỉ cho ta bộ mặt xưa nay của ngươi như thế nào!" Người học tăng rốt cuộc sẽ cảm thấy như muốn phát khùng.

Thiền sinh không tụ tập một chỗ đợi chờ đến phiên mình để trả lời câu hỏi về Thiền theo thứ tự nối tiếp nhau, "Rồi, bây giờ đến người kế tiếp." Thực tế là, khi đến giờ tham thiền, vị tăng phụ trách sẽ đem một chuông nhỏ ra một nơi ở giữa thiền đường và phòng tham thiền của thầy rồi để ở đấy.

The roshi, holding a thick wand called a *shippei*, waits ready in his interview room. When the bell is rung, the monks, who are doing zazen, come out of the zendo, line up before the bell, and await their turn. At the roshi's beckoning, the monks, one by one, ring the bell to announce they will enter the room.

Once inside the roshi's room, master and student, completely alone, carry on the Zen dialogue. No one else is within earshot. When the roshi decides the meeting in the private room is finished, he rings his handbell and the monk bows and departs, brushing past the person next in line to meet the teacher.

This private meeting with the teacher takes place two times each day, morning and evening, on regular days, and three times a day during the week of intensive zazen. Additionally, an especially intensive training period, called *Rohatsu 0-sesshin*, is held once a year, from December first through the cock's crow on the morning of December eighth.

Lão sư, cầm một cây gậy dày gọi là *trúc bễ* (*shippei*), chờ đợi sẵn sàng trong phòng. Khi chuông rung, những vị tăng đang ngồi tọa thiền sẽ phải bước ra ngoài thiền đường, sắp hàng trước cái chuông, và chờ đợi đến phiên của họ. Khi lão sư ra hiệu, thiền sinh, lần lượt từng người một, sẽ đến rung chuông để báo trước họ sẽ bước vào phòng tham thiền.

Một khi vào trong phòng lão sư rồi, thầy với trò hoàn toàn một mình trong đó, sẽ trao đổi đối thoại Thiền, và không ai có thể nghe được. Khi lão sư quyết định chấm dứt buổi họp, ngài sẽ rung chuông tay lên và học tăng cúi đầu vái chào rồi lui ra, chạm trán trên đường đi với người kế tiếp đang vào gặp thầy.

Diện kiến riêng với thầy (độc tham) diễn ra hai lần trong ngày, buổi sáng và buổi tối những ngày thường, và ba lần một ngày trong tuần lễ chuyên tu. Ngoài ra, có thời gian tu tập đặc biệt gặt gao gọi là *tiếp tâm lạp-bát* (*Rohatsu 0-sesshin*), diễn ra một lần trong năm, từ mùng 1 tháng chạp suốt đến rạng mùng 8 tháng chạp, khi gà bắt đầu gáy sáng mới chấm dứt.

This week of practice commemorates the great enlightenment that Shakyamuni Buddha experienced upon seeing the morning star on December eighth. During this week, no one may lie down to sleep, and there are four private meetings with the teacher each day.

No amount of theorizing will help the monk to pass his koan. And when all his reasoning is exhausted, and the bell is rung to call the monks to meet the roshi, he finds that he cannot leave his zazen mat. On regular days, the monk may be permitted to forego the meeting and wholeheartedly continue zazen. During the week of intensive practice, however, two or three senior monks with faces like the devil will come to jerk the unwilling monk off his cushion and force him to go to the teacher. The monk cannot avoid the meeting just because he has no answer to his koan.

If one looks at the pillars between the zendo and the interview room, one finds numerous scratches. These are the marks of desperation left by those monks who, lacking an answer to their koan, tried to cling to the posts when they were being dragged by their seniors to the private interview.

Tuần lễ chuyên tu ráo riết này kỷ niệm ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo lúc ngôi sao mai xuất hiện rạng sáng mùng 8 tháng chạp. Trong tuần lễ này, không ai được nằm xuống ngủ, và thời tham thiền với thầy tăng lên bốn lần trong ngày.

Bao nhiêu lý luận cũng không thể giúp thiền sinh thông qua công án được. Và khi không còn lý luận nào đem ra nữa, nghe tiếng chuông vào gặp thầy, thiền sinh sẽ cảm thấy không muốn rời khỏi thiền đường chút nào. Trong những ngày thường, thiền sinh có thể được phép bỏ bữa tham thiền và chí tâm tiếp tục tọa thiền. Nhưng trong tuần lễ chuyên tu, hai hay ba vị sư huynh tiền bối sẽ xuất hiện như những hung thần, lôi cổ thiền sinh đó ra khỏi gôi thiền và bắt phải đi gặp thầy. Thiền sinh không thể nào tránh vào gặp thầy bởi vì không có câu trả lời cho công án.

Nếu nhìn vào những cột nhà giữa thiền đường và phòng tham thiền, ta sẽ thấy vô số vết trầy. Đó là dấu vết ấn chứng sự tuyệt vọng của những vị tăng không có câu trả lời cho công án đã cố bám vào cột khi họ bị những sư huynh lôi đi vào phòng tham thiền.

Many times the monk who tenaciously refused to be torn from the post had his hands slapped with the keisaku. Feeling the sting of pain, he would involuntarily let go and be pulled away to meet the roshi.

The monk who finds himself before the roshi, silent, without an answer, can expect the roshi to bellow, "What are you doing here if you've got nothing to say!"-and to strike him with his thick stick. Clobbered from all sides, the monk knows that even if he makes it through this one, there will be another mandatory meeting to face some hours later, in the evening, or first thing in the morning. No matter how lazy or how cunning a monk may be, he is driven into a corner so that he cannot contrive to wiggle his way through with halfhearted or makeshift means. I should mention that this style of training is found particularly in monasteries of the Rinzai sect as opposed to Soto Zen monasteries.

As a result of this experience, I often dreamed of having satori when I was in the training hall. Upon awakening I would find, for the most part, that the dreamt realization was trifling and to no advantage.

Có nhiều khi, vị tăng nào kiên quyết bám dính vào cột sẽ bị gậy đánh vào tay. Sự đau đớn sẽ làm họ phải buông tay ra và bị kéo đi đến gặp thầy.

Vị tăng nào đến gặp thầy mà im lặng, không có câu trả lời, thế nào cũng nghe thầy quát lớn, “Người làm gì ở đây nếu không có gì để nói?” và rồi sẽ bị đánh với cây gậy to của thầy. Bị tấn công từ mọi mặt, vị tăng biết rằng nếu có thoát được kỳ này, cũng sẽ có kỳ khác chỉ trong vài tiếng nữa thôi, vào buổi tối, hay buổi sáng tinh mơ hôm sau. Dù lười biếng hay khôn lanh đến đâu, vị tăng cũng sẽ bị dồn vào thế kẹt mà không thể tìm cách thoát ra được bằng những cách vá vúi tạm thời. (Sự tu luyện kiểu này đặc biệt trong các thiền viện Lâm Tế, đối nghịch với cách tu của thiền viện Tào Động.)

Kết quả của sự tu luyện này là tôi thường mơ thấy mình đạt ngộ khi ở trong thiền đường. Tỉnh dậy, phần nhiều tôi hay thấy kinh nghiệm giấc mơ ấy chẳng có gì đáng kể và không có ích lợi.

There were times, however, when the experience I had in a dream held up even when I awoke. Two or three times when this happened I went in high spirits to meet my teacher, and I "passed" my koan.

Every night, when I finally got the opportunity to roll myself up oak-leaf-style in the futon, rather than falling asleep, I would fall into a sort of unconsciousness, and within an instant I would be roused to start another day. Yet each time I fell into this swoon of a sleep, the very last thing to stay awake was the koan. The body sleeps, but the confrontation with the teacher first thing the next morning looms large, the sense of inquiry persisting to the end, and "*Original Face... Original Face. . . .*" takes over even in dreams.

Then, every morning the monk comes running through the zendo, clanging a bell and announcing, "Get up! Get up!" When one awakens to that sound, even before one is fully conscious, the sense of inquiry, "*Original Face,*" is in action. Awareness of a problem awakens first, and consciousness comes around at length. Incredible though it may seem, this was my experience training in Daitokuji.

Tuy nhiên, có những lần, kinh nghiệm giác ngộ trong mơ kéo dài ngay cả khi tôi đã tỉnh dậy. Có vài ba lần xảy ra như vậy, tôi đã đi gặp thầy trong sự hứng khởi, và được thông qua công án.

Hàng đêm, khi cuối cùng được quán mình trong tấm mền lá sồi, thay vì ngủ, tôi thiếp đi trong cơn mê mệt, để rồi một lúc sau đã bị đánh thức cho một ngày mới. Nhưng mỗi lần rơi vào trạng thái mê mệt này, công án vẫn là cái sau cùng còn lại trong ý thức của tôi. Tuy thân ngủ, nhưng trong tiềm thức vẫn chờn vờn viển tượng phải đối diện với thầy vào sáng sớm hôm sau, cảm giác bị tra hỏi vẫn tiếp tục tồn tại, và câu "*Bộ mặt xưa nay... bộ mặt xưa nay...*" vẫn vang vọng ngay cả trong giấc mơ.

Rồi, mỗi buổi sáng khi vị tăng có nhiệm vụ đánh thức chạy ngang qua thiền đường, rung chuông và hô lớn, "Thức dậy! Thức dậy!" nghe tiếng gọi đó, ngay cả khi còn chưa ra khỏi cơn ngái ngủ, cảm giác bị tra hỏi, *Bộ mặt xưa nay* đã sẵn sàng ở đó rồi. Ý thức về câu hỏi nan giải trong tâm sẽ thức dậy trước, rồi mới đến ý thức chung. Nghe thì có vẻ khó tin, nhưng đó là kinh nghiệm tu tập của tôi ở chùa Đại Đức.

no end to practice

EVEN FOR THOSE who follow a monastic lifestyle, it is never easy to extricate ourselves from the acquired customs that we have hauled along with us for as long as we can remember. We go along relying on self-chosen value judgments, discriminating on the basis of forms we see with our eyes, distinguishing by the sounds we hear with our ears, differentiating according to the smells we pick up with our noses. We discern tastes with our tongues, form fancies by what we feel on our skin, hold prejudiced notions in our consciousness. We compare and contrast everything we encounter. It was not a simple thing for me to emerge from this habitual kind of functioning of the mind and to purely and directly experience self and other as one.

In order to instantly apprehend situations, a phenomenon for which the philosophical term is "pure experience," I had to pass through the fear of death. I must confess that until I first experienced this in the monastery, life was nothing but continuous physical and spiritual anguish.

không bao giờ hết tu

NGAY CẢ ĐỐI VỚI những người đang theo một nếp sống khắc khổ như trong tu viện, buông bỏ những thói quen huân tập từ lâu đời lâu kiếp cũng không bao giờ dễ dàng. Chúng ta hành xử dựa theo những phán đoán trong thang giá trị đã chọn sẵn, phân biệt những hình tướng mắt chúng ta nhìn thấy, phân biệt những âm thanh tai chúng ta nghe, phân biệt những mùi mũi chúng ta ngửi, phân biệt những vị lưỡi chúng ta nếm, tưởng tượng đủ thứ qua xúc giác cảm nhận trên da, lập thành những định kiến trong ý thức. Chúng ta so sánh và đối chiếu tất cả mọi thứ chúng ta bắt gặp. Đối với tôi, không phải là điều đơn giản để thoát ra khỏi thói quen tâm trí làm việc như thế và kinh nghiệm được một cách thuần túy và trực tiếp sự đồng nhất thể tánh giữa cái ta và ngoài ta.

Để có thể nắm trọn tức thời mọi tình thế xảy ra, một hiện tượng được gọi một cách triết lý hơn là sự *kinh nghiệm thuần túy*, tôi phải vượt qua được nỗi sợ hãi cái chết. Tôi phải thú nhận rằng từ trước cho đến khi có được kinh nghiệm này trong tu viện, đời sống của tôi chỉ toàn là một sự nối tiếp không ngừng những nỗi khổ thể xác và tinh thần.

Let me relate something very idiotic that occurred on begging rounds one day during the period when, asleep or awake, my koan was never out of my head and my only thought was "I want enlightenment... I want enlightenment"Unaware of what was ahead of me or behind me I banged into something; I had run right into a cow's behind! At just the instant that I realized I had hit the cow's rump, aside from mighty astonishment, the first thing that crossed my mind was, "Oh! *This* is enlightenment!"

The most stubborn of spectators is always right within oneself, always assessing and judging one's own condition. Even when one has reached the extreme of utter exhaustion, the guardian that discriminates and cannot forget this thing called "self" gets busy whispering all sorts of petty information. In my own case, governed by the tiny knowledge and experience that I had accumulated, the guardian voice would whisper this most unwarranted warning: "*If you go on like this, you might die. You'd better stop here.*"

Tôi xin kể lại đây một sự việc ngu xuẩn đã xảy ra khi đi khất thực, trong thời kỳ dù ngủ hay thức, công án cũng tràn ngập trong đầu óc tôi và ý nghĩ duy nhất của tôi lúc đó chỉ là "Tôi muốn giác ngộ... tôi muốn giác ngộ..." Không để ý đến cái gì đang ở trước mặt hay sau lưng, tôi đã đắm sâu vào một vật gì; nhìn lại thì hóa ra tôi đã đắm bỏ vào mộng một con bò! Ngay lúc vừa nhận ra tôi đã đắm vào mộng con bò, ngoài sự ngạc nhiên ra, điều đầu tiên tôi biết được trong tâm là "Ồ, giác ngộ *chính* là đây!"

Trong nội tâm chúng ta có những khán giả kiên cố nhất, luôn luôn phê bình và phán đoán tình trạng của mình. Ngay cả khi đã đến tình trạng hoàn toàn kiệt lực, trong tâm trí thường có một người bảo vệ vốn hay phân biệt và không bao giờ quên được cái *ta*, vẫn luôn luôn bận rộn ở đó, thì thầm bỏ nhỏ đủ mọi thứ linh tinh tâm phào. Trường hợp của tôi, bị chi phối bởi chút kiến thức và kinh nghiệm nhỏ nhoi đã huân tập, giọng nói bảo vệ kia cũng thì thầm một điều vô căn cứ nhất như sau: "*Nếu cứ tiếp tục như thế này, ta sẽ chết mất. Phải ngừng ngay đi thôi.*"

Doing zazen and still more zazen, I chalked up nothing but distress and fatigue; both my head and my body began to lose their normal functioning. The thought that I would surely meet my death if I continued in this vein arose many times to interrupt my practice. But to give the conclusion before the explanation, I can tell you that matters most definitely did not take the turn that I feared. The extremes of fatigue and anguish did not give way to death, but evolved, quite contrary to expectations, into a curve that led right back to where I had started out. One night I sat, in the middle of the night, a lump of fatigue sitting on a zazen cushion, both body and consciousness were in a haze, and I could not have roused the desire for satori if I had wanted to when, suddenly, the fog cleared and a world of lucidity opened itself. Clearly seeing, clearly hearing, it was yet a world in which there was no "me"!

I cannot fully explain that time. To venture an explanation would be to err somewhere. The one thing I am sure, of is that in this instant, the functioning of the heart with which I was born came into play in its purest form.

Tọa thiền rồi lại tọa thiền, tôi chẳng gặt hái được gì ngoài sự buồn nản và mệt mỏi; cả đầu óc lẫn thân thể tôi bắt đầu không hoạt động được bình thường. Ý nghĩ tôi sẽ chắc chắn phải chết nếu cứ tiếp tục như thế này cứ lờn vờn biết bao nhiêu lần, làm gián đoạn sự tu tập của tôi. Nhưng để cho bạn được biết kết cuộc trước khi diễn giải lại, tôi có thể nói là mọi sự đã không hề đi đến ngõ rẽ tôi đã lo sợ. Sự kiệt lực và những nỗi khổ tận cùng không làm chết được, trái lại, đã biến thái theo một đường vòng và trở về ngay chỗ khởi điểm đã bắt đầu. Một đêm nọ, vào lúc nửa đêm, tôi đang ngồi với cả một khối mệt mỏi đè nặng trên chiếc gối tọa thiền, đầu óc và tâm trí như mê muội trong một tình trạng mơ hồ, không còn cả sức lực để khơi dậy ước muốn được giác ngộ nữa; đột nhiên, màn sương mù dày đặc bao phủ bỗng tan biến và cả một thế giới sáng tỏ chợt hiển hiện. Thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, nhưng đó là một thế giới không còn thấy có *cái tôi*!

Tôi không thể nào cắt nghĩa đầy đủ trạng thái ấy như thế nào. Nếu cố tìm cách giảng giải sẽ bị lạc qua một hướng khác. Có một điều tôi chắc chắn là trong giây phút ấy, tôi đã nhận thức được tính thanh tịnh hoàn toàn của tâm thể đã có ngay khi vừa sinh ra đời.

I could not keep still in my uncontainable joy. Without waiting for the morning wake-up bell, I made an unprecedented call on the roshi and received permission to leave the temple for about two hours to deliver the news of my experience to **Zuigan** Roshi.

It did not take me an hour to walk through the black darkness to Daishuin. When I arrived, Roshi was still in bed. I crawled right up to his pillow and said very simply, "I finally saw."

Roshi sprang from his bed, examined me for a time, as if with a glare, and said, "It's from now on. From now on. Sit strongly."

This is all he said to me. From then on for the next sixteen years, until my fortieth year and Zuigan Roshi's death at age eighty-seven, whether in the monastery or back in the temple, I continued koan practice. No, really I must say that I continue *still*. It is not just a matter of the sayings of old masters, but the living koan of human life that continues without limit.

Awakening to your own original face—"enlightenment"—does not mean being able to explain yourself or the source of yourself.

Tôi không thể nào đè nén được sự an lạc dâng trào. Không muốn về phòng đợi đến tiếng chuông đánh thức sáng mai, tôi đột xuất đi gặp thầy và được cho phép rời chùa trong vòng hai tiếng đồng hồ để đi báo tin kinh nghiệm này cho lão sư Thụy Nham.

Tôi đi bộ qua bóng đêm tối đen, về chùa Daishuin trong vòng chưa đầy một tiếng đồng hồ. Khi tới nơi, Lão sư vẫn còn nằm trong giường ngủ. Tôi bò đến gần gối của ngài, nói gọn, "Rất cuộc, con đã thấy rồi."

Lão sư ngồi bật dậy, chăm chú nhìn tôi một lúc thật soi mói, rồi nói, "Bây giờ mới là bắt đầu. Mới là bắt đầu thôi. Hãy an trụ vững chãi."

Đó là tất cả những gì ngài đã nói với tôi. Từ lúc đó cho đến mười sáu năm về sau, khi tôi bước vào tuổi bốn mươi và Lão sư Thụy Nham qua đời vào tuổi tám mươi bảy, dù ở trong thiền viện hay nơi tự viện, tôi cũng vẫn tiếp tục tham công án. Không, tôi phải nói rằng tới bây giờ tôi vẫn còn tiếp tục. Ở đây không phải chỉ là vấn đề công án Thiền, mà là vấn đề công án sống thực của đời người, vẫn tiếp tục mãi mãi vô hạn định.

Thức tỉnh thấy được bộ mặt xưa nay của mình – *giác ngộ* – không có nghĩa là khả năng giải thích con người của mình hay biết được nguồn gốc của mình.

Enlightenment is liberation from the dross of learning and experience that, without one's being aware of it, has accumulated and settled like so much sediment—or like cholesterol into one's arteries! It is the vivid, lively manifestation of the heart with which one is born—the heart that is no-form, no-mind, non-abiding, attached neither to form nor to thought, but in dynamic motion. Consequently, enlightenment is not an end point, but rather a starting point.

*

I have gone on at great length about life in a Zen monastery, a subject that may seem totally unrelated to your own lives. Yet all people, regardless of how their lives are structured, hold themselves dear. Everyone wants to be happy. And enlightenment is the starting point of happiness. We can use the words "true self-confidence" in place of "enlightenment." True self-confidence means confidence in the true self, and confidence in the true self is a necessary requisite to happiness.

Giác ngộ là giải thoát khỏi những vương mắc của kiến thức và kinh nghiệm riêng tư đã tích lũy và bám chặt từ lâu đời lâu kiếp mà chúng ta không hề hay biết, như những chất cặn đóng lại hay chất cholesterol bám chặt trong mạch máu chúng ta. Đó là sự biểu hiện linh động, sống thực của tâm nguyên thủy đã sẵn có khi chúng ta sinh ra – tâm không hình tướng, không trí óc, không trụ vào đâu, cũng không bám theo sắc trần hay tư tưởng, nhưng lúc nào cũng chuyển vận thật năng động. Nói cho cùng, giác ngộ không phải là điểm chung cuộc, mà hơn thế nữa là điểm khởi đầu.

*

Tôi đã nói rất dài dòng về đời sống trong một thiền viện, một vấn đề có vẻ hoàn toàn không dính dáng đến cuộc đời riêng tư của bạn đọc. Tuy nhiên, tất cả mọi người, không cần biết họ sống cuộc đời như thế nào, đều xem bản thân mình là quý hơn hết thảy. Tất cả mọi người đều muốn được hạnh phúc. Và giác ngộ là điểm khởi đầu của nguồn hạnh phúc. Chúng ta có thể dùng chữ *niềm tin nơi con người thực* thay cho chữ *giác ngộ*. Niềm tin nơi con người thực của mình là điều cần yếu để đưa đến hạnh phúc.

The power in which you can come to believe in yourself is not gained through training. It is the great power that transcends the self, that gives life to the self. The purpose of Zen practice is to awaken to the original power of which you have lost sight, not to gain some sort of new power. When you have sought and sought and finally exhausted all seeking, you become aware of that with which you have been, from the beginning—before ever beginning to search—abundantly blessed. After you have ceaselessly knocked and knocked, you realize, as I have said, that the door was standing wide open even before you ever started pounding away. That is what practice is all about.

Not only in places especially set up for training, but anytime and anywhere, the person who exerts himself or herself with dignity, without worrying about results and without giving in to disappointment, is a true practitioner, a true person of the Way. I believe that *just this* is the form of true human well-being.

Năng lực niềm tin nơi chính mình không đạt được nhờ sự tu luyện. Năng lực rộng lớn ấy vượt trên sắc thân chúng ta, chính nó đã đem sự sống vào con người chúng ta. Mục đích tu Thiền là đánh thức năng lực sẵn có ấy mà chúng ta đã quên mất, chứ không phải thu vào một năng lực mới. Khi đã tìm kiếm và tìm kiếm đến tận cùng, bạn sẽ nhận ra điều mà bạn đã sẵn có từ lúc ban đầu – ngay cả từ trước khi bạn bắt đầu tìm kiếm – đây là một sự tràn đầy nhiệm mầu biết bao. Sau khi đã gõ cửa không ngừng và liên tục, bạn mới nhận thấy thật ra cửa đã mở rộng ngay cả từ trước khi bạn bắt đầu đập tay vào. Tu chính là để mang điều đó lại cho chúng ta.

Không chỉ ở nơi đặc biệt lập ra cho sự tu tập, mà bất cứ lúc nào và ở đâu, một người nỗ lực trong sự trang nghiêm, không lo lắng đến kết quả và không lùi bước trước thất vọng, sẽ là bậc chân tu, người thực sự đi theo con đường Đạo. Tôi tin tưởng chỉ điều đó thôi cũng là có tính cách đem lại an vui lợi lạc cho con người.

Part Three: MASTER

what's it all about?

HAVING RECOUNTED to you much of my experience early on in training, let me now share with you some of my more recent experiences, when the roles are reversed and I have become the teacher. In sharing these stories, what is important to me is not that Buddhism flourish or that the Zen sect spread over the globe, but rather that each and every human being live this life completely, in the most real sense, up until the day he or she dies, with satisfaction and with peace of mind. It is with this hope that I teach.

A young relative of mine, still in his twenties, came to see me one day with a question. In his job at a trading company, he frequently has occasion to receive buyers from other countries, and in the course of friendly conversation, the visitors often ask questions about his religion. He says that when he tells them that he himself has no religion, his guests seem to react with skepticism.

Phần Ba: NỖ HOA

điều gì đây?

KỂ CHO BẠN NGHE những kinh nghiệm trong những ngày đầu tu tập rồi, bây giờ tôi xin chia sẻ vài kinh nghiệm mới đây hơn, khi vai trò đã đảo ngược và tôi đã thành một vị thầy. Chia sẻ những câu chuyện này, điều quan trọng đối với tôi không phải là cho đạo Phật được hưng thịnh hay Thiên tông được phổ biến toàn thế giới này, mà nhiều hơn, là cho mỗi người trong chúng ta có thể sống cuộc đời này một cách toàn vẹn, trong ý nghĩa chân thật nhất, cho đến ngày nhắm mắt lìa đời, trong sự mãn nguyện và an bình nơi tâm. Chính trong niềm hi vọng này mà tôi đã đi thuyết giảng.

Một thanh niên trẻ có họ với tôi, còn trong lứa tuổi đôi mươi, một hôm đến thăm tôi với một điều thắc mắc. Làm việc trong một hãng mậu dịch, anh thường có cơ hội tiếp đón khách hàng từ các nước khác, và qua câu chuyện trao đổi thân mật, những người khách này thường hỏi về tôn giáo của anh. Anh bảo khi trả lời họ là anh không có tôn giáo nào cả, những vị khách ấy có vẻ phản ứng một cách ngờ vực.

"It looks as if foreigners place a lot of importance on religion," he generalized, "whereas we Japanese are ignorant of it. The truth is that young people like me only encounter religion at funerals and memorial services, and outside those times, I don't feel I have much use for it. Even feeling as I do, Roshi, is religion still important?"

What he was asking, in essence, was this: Just what is religion all about?

In Japanese, the ideographs for the word *religion* carry the meanings "main" (or "original") and "teaching." "So," I told him, "religion is at the origin of what we call life. We might say that there are various teachings and that religion is the main or most fundamental of these teachings." When the young man heard this explanation, he said, "That means that religion is the most fundamental way of thinking about human life, doesn't it? In other words, we can interpret it to mean 'view of life,' can't we?"

I told him that we might say that, but I also asked him to tell me his view of life.

"Well, of course I think that the purpose of human life is to build something through my own efforts," he answered.

“Có vẻ như những người ngoại quốc ấy xem tôn giáo là rất quan trọng,” anh nhận xét, “trong khi người Nhật chúng ta lại chẳng biết gì cả. Thật sự là những người trẻ tuổi như chúng con đây chỉ tiếp xúc với tôn giáo qua những việc tang lễ, ngoài ra con không cảm thấy tôn giáo cần thiết chỗ nào. Thầy nghĩ sao, với cảm nghĩ như vậy, tôn giáo có còn là quan trọng không?”

Điều anh ta hỏi cơ bản là: Tôn giáo là về cái gì?

Trong tiếng Nhật, chữ *tôn giáo* gồm có hai nghĩa *chính* (hay *gốc*) và *dạy dỗ*. Vì vậy, tôi nói với anh ta, “Tôn giáo là ở ngay gốc của cái mà chúng ta gọi là đời sống. Ta có thể nói rằng có vô số những điều dạy chúng ta trong đời và tôn giáo là chính thống và cơ bản nhất trong những điều dạy này.”

Khi anh chàng trẻ tuổi nghe giải thích như vậy, anh nói, “Như vậy có nghĩa tôn giáo là cách căn bản nhất nghĩ về cuộc đời, phải không? Nói cách khác, mình có thể diễn dịch như là một *nhân sinh quan* được không?”

Tôi đáp rằng có thể nói như vậy, nhưng tôi cũng hỏi anh về nhân sinh quan của anh như thế nào.

“À, con nghĩ rằng mục đích đời người là xây dựng một việc gì bằng nỗ lực của chính mình,” anh trả lời.

Now, this is one point of view. I myself, at one time, looked at life this way. In my youthful days, I believed that to be a human being is to be able to gain or acquire.

There are people who can run over forty kilometers in a marathon. A person knows that by training the body he or she can gain physical strength; there is an age at which this physical development is possible. By studying, you can learn anything you please. You can accumulate experiences. If you make sufficient effort, you can make friends, acquire lovers. You can get married, buy property, build a house. There is a time in your life when the world seems to be there for the taking, a time in which the view that the purpose of life is "to build something through your own efforts" may be appropriate. You are in the prime of life.

Then later, as you age, you may need glasses for far-sightedness, your ears may start to ring, and your teeth may even fall out. When a preschooler loses a tooth, a still more wonderful tooth takes its place, but when a grown-up loses one, it stays lost! Death comes to take away the friends you have so deeply cherished.

Đó cũng là một quan điểm về cuộc đời. Trước đây, chính tôi cũng đã từng có lúc nghĩ như vậy. Trong những ngày son trẻ, tôi đã tin tưởng rằng làm người tức là có khả năng thụ đắc điều gì đó.

Có những người có thể chạy đua đến hơn bốn mươi cây số. Chúng ta biết rằng nếu luyện tập thân thể sẽ có được sức mạnh thể lực; sự phát triển thể lực có thể được thực hiện trong một hạn tuổi nào đó. Bằng học tập, bạn có thể hiểu được bất cứ điều gì bạn muốn. Bạn có thể tích lũy những kinh nghiệm của mình. Nếu nỗ lực đầy đủ, bạn có thể có thêm nhiều bạn bè, kiếm được người yêu. Bạn có thể lập gia đình, tạo mãi tài sản, xây nhà để ở. Trong cuộc đời, có một thời kỳ bạn cảm thấy thế giới như ở trong tay bạn, thời kỳ mà quan điểm hay mục đích cuộc đời là *xây dựng một điều gì qua nỗ lực chính mình* có thể thích hợp.

Thế rồi sau đó, khi già đi, bạn cần có kính đeo mắt để đọc sách, tai bạn bắt đầu ù, răng lung lay dần. Khi đứa bé ở tuổi mẫu giáo mất chiếc răng, sẽ có chiếc răng khác tốt hơn mọc ra, nhưng khi người lớn mất răng, chiếc răng đó sẽ mất mãi mãi! Tử thần sẽ đến, cướp đi những người bạn thân thiết nhất của mình.

The children, for whom you have sacrificed your own food and clothing, leave the parental nest. Then retirement age rolls around, and the job over which you have taken such pains must be relinquished. You begin to forget what you thought you had learned. You lose the muscles you had laboriously built up, and they never really return. No matter how a person looks at it, one comes to feel acutely that human life is not a matter of gaining, but of losing.

"When that time comes, will your view of life still serve you well?" I asked my young relative.

He looked slightly sheepish as he lowered his head and allowed that he might have been a tad cocky, that perhaps it might be a good thing to at least look into what religion is all about. He even asked for my guidance.

We all conjure up notions for ourselves commensurate with our ages and circumstances in life. Out of those notions come various and sundry lifestyles. Religion, however, is not a view of life that wears well just for a certain period of time.

Những đứa con bạn đã hi sinh nhường cơm sẻ áo sẽ xa rời tổ ấm của gia đình. Rồi tuổi về hưu xế chiều đến, công việc bạn đã từng bỏ bao nhiêu công sức vào cũng phải bỏ đi. Bạn bắt đầu quên đi những điều bạn tưởng đã học được. Những bắp thịt rắn chắc bạn đã cố công tập luyện sẽ mất đi, và không bao giờ trở lại. Dù cho một người có nhìn cuộc đời như thế nào chẳng nữa, họ sẽ cảm thấy thật thấm thía rằng đời người không phải là một điều gì có thể thêm vào, mà chỉ là mất đi.

Tôi hỏi người bà con trẻ tuổi của tôi, "Khi thời kỳ đó đến, quan điểm về cuộc đời của anh có còn giúp được gì không?"

Anh chàng trông có vẻ hơi ngượng ngịu khi cúi đầu xuống, thú nhận rằng có lẽ anh đã hơi tự kiêu quá, và có lẽ cũng nên ít nhất tìm hiểu xem tôn giáo nói thế nào. Anh còn xin tôi hướng dẫn cho anh nữa.

Tất cả mọi người chúng ta đều hay tạo dựng quan điểm riêng tùy theo tuổi tác và hoàn cảnh trong đời sống, từ đó có những lối sống biến đổi và phức tạp khác nhau. Tôn giáo, tuy vậy, không phải một nhân sinh quan có giá trị chỉ trong thời gian nào.

It is a teaching that will always be valid, holding true regardless of our age and circumstances.

Everything that appears in this world constantly changes; it undergoes a period of maturing, a period of maintenance, and a return to emptiness-birth, aging, and death. Through no effort can you skirt the process of growing old. There is no endeavor whatsoever that will get you beyond death. Whatever is accumulated will be lost, whatever is born will die, whatever is built will be destroyed. A view of the essence of life is a view that helps us through our suffering as we must face it.

I believe from the bottom of my heart that what we call religion is the very most important matter for human beings. I cannot stress enough that the ultimate goal of religion, whether we call it satori or peace of mind, is for each individual to live in peace and tranquility, to live a full and satisfying life.

Every year I travel to Hokkaido to give talks, and it was after one lecture at a UNESCO assembly in Sapporo that the chairperson came to me with these remarks:

Đó là giáo pháp luôn luôn được ứng dụng trong mọi thời, luôn luôn đúng thực, không phân biệt tuổi tác và hoàn cảnh.

Mọi hiện tượng trên thế gian đều thường xuyên thay đổi; tất cả đều trải qua một thời trưởng dưỡng (*thành*), một thời bảo trì (*trụ*), và rồi trở về với hư không – sinh, lão, bệnh, và tử. Không một cố gắng nào có thể khiến bạn tránh được diễn biến của sự lão hóa. Không một nỗ lực nào có thể giúp bạn tránh khỏi cái chết. Những gì tích lũy được rồi sẽ mất đi, những gì sinh rồi sẽ diệt, những gì được xây dựng lên rồi cũng sẽ bị tiêu hủy. Một quan điểm về bản chất cuộc đời sẽ giúp chúng ta vượt qua đau khổ khi phải đối mặt.

Tôi tin tưởng tự đáy lòng, rằng điều chúng ta gọi là tôn giáo chính là điều quan trọng nhất cho con người. Tôi không thể nhấn mạnh đầy đủ, rằng mục tiêu tối thượng của tôn giáo, dù chúng ta gọi đó là giác ngộ hay là tâm bình an, vẫn là làm sao mỗi người được sống an bình, được sống một đời đầy đủ và toại nguyện.

Hàng năm tôi đều đi Hokkaido (miền Bắc nước Nhật) để thuyết giảng, và sau một buổi nói chuyện trong cuộc họp UNESCO ở Sapporo, ông chủ tịch đến tìm tôi nhận xét rằng:

"You have honored us with a lengthy and very instructive lecture, but I am an old man, and I cannot recall a long speech. Moreover, I am already a Buddhist; every morning when I leave for the office and every evening when I return home, I light incense before the altar and chant a sutra.

"The problem, though, is that I have been forced to liquidate, one by one, a number of large companies that I managed, and this disturbs me greatly. So, Roshi," he said bluntly, "I don't want to hear a long talk. I want you to tell me in a word how I can settle my disturbed mind."

Elderly people can be quite caustic sometimes, can't they? I had thoroughly lectured on the subject, and now he wants it in a word!

I responded by first asking for whom it is that he lights the incense and chants the sutras before the altar.

"Well, naturally, it is thanks to my ancestors that I am here now," he replied. "So I light a stick of incense to show gratitude to my ancestors and to Buddha."

"Chúng tôi hân hạnh được nghe thầy diễn thuyết một bài rất dài và hữu ích, nhưng tôi già rồi, không thể nào nhớ hết một bài dài như thế được. Hơn nữa, tôi cũng đã là một Phật tử rồi; mỗi buổi sáng trước khi đi làm và mỗi buổi tối khi về nhà tôi đều thắp hương trên bàn thờ và tụng một bài kinh.

Vấn đề là tôi bị bắt buộc phải giải thể, từng cái một, phần lớn những công ty tôi đang quản lý, và điều này làm cho tôi bị xáo trộn rất nhiều. Thế thì, Lão sư", ông nói thẳng thừng, "Tôi không muốn nghe diễn thuyết dài dòng. Tôi muốn thầy nói, chỉ trong một chữ, làm sao tôi có thể an được cái tâm đang xáo trộn của tôi."

Những vị cao niên đôi khi thật khó tính, phải không bạn? Tôi đã bỏ công diễn thuyết thật trọn vẹn vấn đề đó, bây giờ ông muốn chỉ tóm lại trong một chữ thôi!

Tôi trả lời bằng cách hỏi ông khi thắp hương và tụng kinh trước bàn thờ ông cầu nguyện cho ai.

"Thì, dĩ nhiên là nhờ tổ tiên mà tôi mới có mặt ở đây," ông trả lời. "Nên tôi thắp nén hương để tỏ lòng biết ơn tổ tiên và Phật tổ."

"In that case," I told him, "from tonight on, offer two sticks of incense. One is to show gratitude to your ancestors, as you have been doing. Offer the other stick of incense to your own corpse."

We take our own "being alive" for granted, and thus get lost in matters of circumstance, thereby effectively blinding our own good judgment. When we look at someone else's death, on the other hand, we may be quick to reflect on the transience of worldly matters.

If we turn to our own dead bodies with these same sentiments each day, perhaps we will not be so inclined to let ourselves get snagged along the way by the branches and leaves. We can free ourselves to take decisive steps with regard to more basic problems, the roots. This is what I meant when I told the gentleman to light a stick of incense to his own corpse, morning and night.

When I end a lecture, I often ask everyone to please forget everything I have just said. This is because we tend to collect talk as mere data, carry it home with us, and use scraps of it as fuel for criticism of our surroundings.

“Trong trường hợp đó”, tôi bảo ông, “bắt đầu từ đêm nay, hãy thắp hai nén hương. Một nén để tỏ lòng tri ân tổ tiên, như ông vẫn thường làm. Một nén kia để thắp cho cái xác của ông.”

Chúng ta thường xem sự sống của mình là một điều đương nhiên, và như thế hay làm lạc khi hoàn cảnh có vấn đề, và mê mờ không phán đoán được cho đúng thực. Nhưng mặt khác, khi nhìn vào cái chết của một người khác, chúng ta lại rất bén nhạy với sự mong manh của mọi sự trên đời này.

Nếu cùng với những suy tưởng đó chúng ta nhìn vào xác thân mình, có lẽ chúng ta sẽ không còn muốn mình bị lôi cuốn vào những dây mơ rễ má các vấn đề. Chúng ta có thể tự giải thoát mình và quyết định hành động đúng vào căn bản những vấn đề, vào tận gốc rễ. Đó là điều tôi ám chỉ khi bảo vị cao niên ấy ngày đêm thắp một nén hương cho thân xác chính mình.

Sau khi chấm dứt một bài giảng, tôi thường yêu cầu mọi người hãy quên đi tất cả những gì tôi đã nói. Đó là vì chúng ta hay có khuynh hướng thu thập những bài giảng chỉ như những tài liệu, mang về nhà, rồi trích dẫn từ đó làm nguyên liệu để chỉ trích môi trường chung quanh chúng ta.

That which becomes the seed of criticism is not wisdom; it is nothing more than the seed of grumbling and dissatisfaction. It is so often the case that the more we feel we know about something, the more dissatisfied and plaintive we can feel.

Information collected on the subject of religion is worthless. Religion is, to the very end, something you must verify for yourself through actual practice.

Many people are willing to learn techniques that help them live their lives. But the person who seeks to confirm their life at its roots by reaching beyond technique to the fundamentals—to true religion—is exceedingly rare. I find this state of affairs most regrettable. That is why I can't help but urge you to refrain from evaluating your daily life on the basis of what you think you know, on the basis of collected data. I want you to awaken to everything and to seek the true way of living. But make no mistake: Whether you remain in the category of a dissatisfied person or become an awakened buddha is solely up to you, dependent solely upon your own actual doing.

Điều trở thành nguyên nhân tranh cãi không phải là trí tuệ, và không khác gì mầm mống gieo trồng cho sự than phiền và bất mãn. Có nhiều trường hợp, chúng ta càng cảm thấy biết nhiều một vấn đề lại càng bất mãn và bức bối hơn.

Những kiến thức thu lượm được trong vấn đề tôn giáo không có giá trị nhiều. Tôn giáo, nói cho tới cùng, là điều phải tự kiểm chứng qua thực hành.

Có nhiều người sẵn sàng muốn theo học những kỹ năng giúp họ sống trong đời. Nhưng người muốn tìm cách xác định gốc rễ đời sống và vượt lên khỏi những kỹ năng để đi vào căn bản – tôn giáo đích thực – thì cực kỳ hiếm hoi. Hiện trạng đó tôi thấy thật đáng tiếc vô cùng. Vì thế tôi không thể nào không thúc giục bạn đừng đánh giá cuộc sống hằng ngày của mình dựa trên những điều bạn tưởng là đã biết, trên căn bản những tài liệu thu thập được. Tôi muốn bạn thức tỉnh nhận thấy Phật tính trong vạn pháp và đi tìm đường lối sống chân chính. Nhưng đừng rơi vào sai lầm: bạn có thể trở thành một hạng người bất mãn hay thành một vị Phật giác ngộ, điều đó hoàn toàn tùy thuộc nơi bạn, hoàn toàn tùy thuộc vào hành động thực tế của chính bạn.

god is right here

IN THE SUMMERS, I often travel to England to give talks at the annual summer school sponsored by the Buddhist Society. After the talks, young mothers holding babies in their arms sometimes approach me with questions. Invariably they ask me how to go about instructing their children in the ways of Buddhism. (Unfortunately, in all my years of counseling countless people here in Japan, I have never once been asked this question.)

These women, members of societies characterized by individualism, know deep in their flesh and bones that true freedom means not relying on others. People often regard freedom as being able to have one's own way, but those from countries that have a tradition of liberalism are acutely aware that the essence of freedom is in not getting help from others.

thượng đế ở ngay đây

MÙA HÈ, tôi thường qua Anh Quốc diễn thuyết trong khóa tu học mùa hè do Hội Phật Giáo ở đó bảo trợ. Sau những buổi nói chuyện, những bà mẹ trẻ ôm con trong tay đôi khi đến tìm tôi với nhiều câu hỏi. Gần như lúc nào họ cũng hỏi tôi làm sao dạy con cái họ biết Phật pháp. (Thật bất hạnh là, trong bao nhiêu năm làm tư vấn cho vô số người ở tại Nhật Bản này, chưa bao giờ có ai hỏi tôi câu này cả.)

Những phụ nữ này, là thành viên một xã hội được gán cho tính cách cá nhân chủ nghĩa, đã biết từ trong xương tủy rằng tự do chân chính có nghĩa không nương tựa vào người khác. Người ta thường hay xem tự do là có quyền làm mọi việc theo ý mình, nhưng những người xuất thân từ những quốc gia có truyền thống cấp tiến thường có ý thức thật bén nhạy rằng cốt yếu của tự do là không cần đến sự giúp đỡ của người khác.

Because they understand freedom in this sense, they take one week of their enjoyable vacation time and plunge into a new way of life, disciplining themselves through often-painful zazen and listening to Dharma talks with great sincerity. At the same time, they pray that the deeply felt blessings of the Buddhism they themselves practice will also touch their children, helping them to lead noble lives.

One of these mothers came to me once with a story about her five-year-old daughter. As she and her husband were drinking tea on the veranda of their home one morning, their daughter played in the garden with a friend. It seems that the friend turned to the daughter and said, "My grandfather just died. He's with God now, up in Heaven." As the parents listened without really paying much attention, they heard their five-year-old daughter disagree with her friend. "No, no," she said confidently. "If your grandfather died and went to God, he's not in Heaven. God is right here inside me and you, and here in this flower, too. So your grandfather didn't go up anywhere," the little girl persisted.

Vì hiểu tự do trong nghĩa đó, họ lấy một tuần lễ nghỉ phép để dần thân vào một lối sống mới lạ, tự kỷ luật mình qua những buổi tọa thiền đau đớn thân xác và lắng nghe thuyết pháp trong sự chân thành nhất mực. Đồng thời họ cũng cầu nguyện Phật pháp nhiệm màu đã cảm nhận sâu xa có thể truyền lại cho con cháu họ để giúp có một đời sống đáng quý.

Một người mẹ trẻ đã có lần đến với tôi với câu chuyện về bé gái năm tuổi con bà. Một buổi sáng khi bà và chồng đang uống trà nơi hiên nhà, bé gái chơi ngoài vườn với bạn. Hình như là bạn quay qua em và nói rằng, "Ông tao mới mất. Bây giờ ông đang lên ở với Thượng đế trên Thiên đàng." Trong khi cha mẹ em không chú ý gì lắm, họ bỗng nghe thấy đứa con gái năm tuổi của họ bất đồng ý kiến với bạn. "Không, không," em nói một cách tin tưởng. "Nếu ông mày mất và lên Thượng đế, ông không ở Thiên đàng đâu. Thượng đế ở ngay đây này, trong mày và tao, trong đóa hoa này nữa đó. Vì thế ông mày chẳng đi đâu hết." Đứa bé gái khẳng khẳng nói.

"My mother knows about this. She does zazen."

I told the young mother that this was a wonderful story.

When a parent cautions a child not to be wasteful, the child may respond by calling the parents stingy and pointing out that more of anything can always be bought. Rare is the parent who has laid the ground to be able to persist in correcting their child. While growing up, inevitably, there will be times when a child abandons himself or herself to despair. Encouraged by parents to treat themselves more gently, children often counter, "That's my business! You're not me; you don't understand me. Leave me alone! I didn't ask to be born." The parent who is rebuffed by their son or daughter in this way can say nothing.

"Compare the situation of that parent with your own situation," I told the mother in England. "Your child knows that God is within herself and within all things. Thanks to that knowledge, when your daughter is wasteful of something, you can ask her if she isn't being a bit hard on the God within that thing.

“Mẹ tao tọa thiền nên biết hết đó.”

Tôi nói với người mẹ trẻ rằng đây thật là một câu chuyện tuyệt vời.

Khi cha mẹ khuyên răn con không được phung phí, đứa trẻ có thể phản ứng bằng cách gọi cha mẹ là keo kiệt và nêu lên rằng bất cứ thứ gì rồi cũng có thể mua thêm được. Ít có cha mẹ nào có thể đặt ra luật lệ và kiên trì sửa sai con mình hoài được. Đến khi lớn, tất nhiên sẽ có những lúc chúng buông mình trong tình trạng chán nản tuyệt vọng. Những đứa trẻ được cha mẹ nuông chiều thương hay mạnh miệng nói trả treo rằng, “Đó là việc của con! Cha mẹ không phải là con; cha mẹ không hiểu con gì cả. Để cho con yên có được không! Con có muốn sinh ra đời đâu.” Người cha hay mẹ bị con mình mắng lại như thế không còn có thể nói gì được nữa.

“So sánh tình trạng của bậc phụ huynh đó với tình trạng của bà,” tôi nói với người mẹ Anh Quốc, “Con bà biết được Thượng đế ở ngay nơi nó và nơi tất cả mọi vật. Nhờ biết như vậy, khi con bà có phí phạm vật gì, bà có thể hỏi làm như thế nó không thấy đã hơi xử tệ với Thượng đế trong đó hay sao.

With this reminder, the child can begin to see the error of her actions for herself.

"When she gets discouraged, you can ask her if treating herself unkindly doesn't sadden Buddha within, and then let her go to her room and think it out for herself. Simply reminded of what she already knows, can't the child pick herself up? It should be very easy to educate your child in this way."

This couple gets the chance to ask such questions and to receive guidance from me only once a year, for one week, but they discuss their experiences, between themselves, again and again, 365 days a year. Because it is part of their daily conversation, their five-year-old child can declare with assurance that God is inside me, and inside you, too; God is inside flowers and rocks and everything.

Words like these penetrate my mind as naturally as water penetrates the sandy soil.

Nhắc nhở như vậy, cô bé sẽ tự thấy được sai lầm trong hành động của mình."

Khi bé cảm thấy thất vọng, bà có thể hỏi em là nếu em không đối xử tử tế với mình liệu có làm cho Phật ở nơi em buồn không, và rồi cho em về phòng suy nghĩ điều này một mình. Chỉ cần nhắc nhở điều em đã biết, chắc đứa trẻ sẽ có thể tự mình đứng dậy được chứ? Nếu giáo dục em trong đường lối như vậy sẽ rất dễ dàng."

Cặp vợ chồng này chỉ có cơ hội đặt câu hỏi và được tôi hướng dẫn một lần một năm trong thời gian một tuần, nhưng họ thường thảo luận với nhau về những kinh nghiệm đôi bên, hằng ngày một, 365 ngày trong năm. Bởi vì đó là một phần câu chuyện nói hằng ngày của họ, em bé năm tuổi con họ có thể nói một cách vững chắc rằng Thượng đế ở nơi em và nơi bạn nữa; Thượng đế cũng ở cả hoa lá, đá sỏi và tất cả mọi thứ.

Những lời nói này thấm vào trong tôi thật tự nhiên như nước thấm qua đất cát vậy.

is death something we cannot know?

WHILE RELIGION is certainly concerned with things other than death, let us, for the sake of this discussion, concede a hundred steps and suppose that this is not the case, that death does, in fact, have a monopoly over religion. Is there any way we can possibly think about life without considering death? Our society is very youth-oriented, and as we age, we often tend to view life as being somewhat like a tumble down a steep hill, a lonely dispatch of human life.

But this is not the only problem. Is it possible to really live our lives fully without ever looking hard at death? I do not believe it is. Without staring death in the eye, as the perpetual reverse side of life, we cannot live life fully and completely. Of this I am quite convinced.

cái chết có bí hiểm không?

TUY TÔN GIÁO là về những điều không liên hệ đến sự chết, nhưng ở đây, để rộng đường thảo luận, chúng ta hãy lui mười bước và coi như không phải vậy, thật ra là sự chết có ảnh hưởng chủ yếu trên tôn giáo. Có cách nào để chúng ta nghĩ đến sự sống mà không nghĩ đến sự chết không? Xã hội chúng ta có khuynh hướng rất thiên về tuổi trẻ, và khi già đi, chúng ta thường hay nhìn cuộc đời như đang trên đà xuống dốc từ ngọn đồi cao, như sự phé thải cô đơn của một đời người.

Nhưng vấn đề không chỉ là như vậy. Có thể nào chúng ta thực sự sống trọn vẹn được mà không biết nhìn kỹ vào sự chết không? Tôi không tin điều đó có thể được. Nếu không nhìn thẳng vào sự chết, như là mặt trái của sự sống, chúng ta không thể nào sống trọn vẹn và đầy đủ được. Tôi hoàn toàn tin chắc như vậy.

Regarding death as separate and apart from life, we dislike death. Thinking about how they will lose all they have accumulated, those who have made really grand efforts in life will regard death with special animosity and may not even want to consider the subject. Moreover, the general consensus among those who have thought about death is that it is something people simply do not understand. The contention is that death cannot be known because one cannot experience it while alive, and no one in this world has died and come back to talk about it. While there are people who have returned from moments of clinical death, not a soul has ever actually died and returned, some years later, to tell us about the afterworld. Some people say, then, that to think about death is a waste of time.

Steeped in this attitude, we are bound to oversimplify Confucius's famous dictum: "We don't know yet about life, so how can we know about death?"

Nhìn sự chết như cách biệt và xa vời với sự sống, chúng ta thường không ưa thích cái chết. Khi nghĩ rằng sẽ mất hết tất cả những gì đã tích lũy được, những người đã nỗ lực thật nhiều trong đời sẽ đặc biệt thù ghét cái chết và họ còn không muốn nhắc đến vấn đề đó nữa. Ngoài ra, nếu có ai nghĩ về sự chết đều có một ý nghĩ như nhau là cái chết là điều không thể hiểu được. Lý luận của họ là không thể biết đến cái chết được vì người ta không thể kinh nghiệm trong khi còn sống, và không có ai chết rồi mà trở về để kể cho chúng ta nghe được. Tuy rằng có những người đã trở về sau khi trải qua cái chết giả, nhưng không một ai chết thật trở về sau đó vài năm để kể chúng ta nghe về thế giới bên kia. Một vài người nói rằng, nghĩ về sự chết là chỉ phí thời giờ.

Chấp trước trong thái độ đó, chúng ta sẵn sàng đơn giản hóa ý nghĩa câu Khổng Tử nói: "Chưa biết gì về sống, làm sao chúng ta biết về chết được?"

We assume that it is possible to concentrate on living life to its fullest without looking hard at death. Thus we tend to fix a low price on the matter of death so that we can simply ignore it.

But is death really something we cannot know?

The one thing all of us are certain to encounter within our daily lives is, in fact, death. People are dying every- where. What is more, there are the deaths of your dog, your cat, your pet canary. And what about the potted plant you bought at the nursery, wilting into demise? Or the fresh flowers you bought at the florist, withering away inside the arrangement? Then there is that special cup that you use every day and treat with such care: one day it slips from your hand and crashes to pieces. And there is always the "death" that is separation from those we love.

Chúng ta cho rằng có thể tập trung sống trọn vẹn mà không cần phải nhìn kỹ đến cái chết. Do đó chúng ta thường hạ thấp tầm quan trọng của sự chết để không cần nghĩ đến.

Nhưng thực sự chết có phải là điều gì chúng ta không thể biết đến không?

Có một điều chúng ta chắc chắn sẽ gặp phải trong đời sống hằng ngày của chúng ta, chính đó là sự chết. Người ta chết khắp nơi. Hơn thế nữa, còn có những cái chết của gia súc như chó, mèo, chim chóc nuôi trong nhà. Còn cây cối bạn mua ở vườn cây đem về trong chậu nữa, chúng cũng khô héo và chết đó thôi? Còn bông hoa tươi mỹ thuật mua ở tiệm về cũng tàn tạ dần trong những kiếu trưng bày đó thôi? Rồi cái tách đặc biệt bạn dùng đến hằng ngày và giữ gìn cẩn thận, một ngày nào sẽ vượt khỏi tay bạn và rơi xuống đất vỡ tan tành. Cái *chết* luôn luôn ở đó, với ý nghĩa biệt ly người thương yêu.

With death so prominent a part of our daily existence, how can we ignore it? Why is it that we insist on the impossibility of knowing death when death is such a routine part of our lives? How is it that we are able to so casually dismiss the subject?

The root cause for our dismissal of death is, to use Buddhist terminology, the dualistic view of self and other—"That is someone else; this is I." We tend to be indifferent to anything that we can pass off as not directly affecting our lives in the present—"What has that got to do with me?" Although death is all around us, we regard it as some-thing or somebody else's death. But just how justifiable is this viewpoint?

Does the sharp distinction that we make between self and other accurately characterize our situation? Is there nothing that runs between, that connects us all?

Nếu sự chết chiếm một phần đáng kể như vậy trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, làm sao chúng ta không biết đến được? Tại sao chúng ta cứ nhất quyết cho rằng không thể nào biết đến sự chết được khi cái chết vẫn hiện hữu thường nhật nơi cuộc đời chúng ta? Làm sao chúng ta có thể bác bỏ vấn đề này một cách lơ là như vậy được?

Nguyên nhân căn để bác bỏ sự chết của chúng ta là, theo từ ngữ Phật pháp, quan điểm đối đãi của *năng* và *sở* – của ta và ngoài ta – “Đó là người ta, còn đây là tôi.” Chúng ta thường hay lãnh đạm với những gì thấy có vẻ không trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của mình trong hiện tại – “Điều ấy thì liên quan gì đến tôi?” Tuy rằng sự chết tràn lan chung quanh, chúng ta thường xem đó như là cái chết của cái gì hay người nào khác chúng ta. Nhưng làm sao biện minh điều đó được?

Sự phân biệt rõ ràng giữa chúng ta và người khác có nói lên được thực chất trong tình trạng của chúng ta không? Giữa những người chúng ta, có phải là không có gì trung gian nối kết với nhau không?

we are like water

WHENEVER I go abroad to lecture, I always go with an interpreter. On one occasion, before a talk in England, the interpreter had this to say: "Roshi, you often use the word *we* even when you are talking about yourself. But here in this individualistic English society, if I were to translate that *we* as it stands, you would lose some of your appeal. Therefore, even if you say *we*, when I am sure you really mean *I*, I would like to translate it as I hope you will give me your permission to do so."

I was amazed when I heard this. Upon reflection, I could recognize that the Japanese, as a group, do use the fuzzy term *we* when speaking, arbitrarily clumping ourselves together without the prior consent of those with whom we are identifying. And in so doing, we thereby dodge individual responsibility. Delving more deeply into the problem, however, I could not say that I really feel it is a mistake to use the word *we*.

tâm như thủy

BÁT CÚ KHI NÀO đi diễn thuyết ở ngoại quốc, tôi cũng đều đi với một thông dịch viên. Có một dịp, trước buổi nói chuyện ở Anh Quốc, người thông dịch này nói với tôi rằng: “Lão sư, thầy thường hay dùng chữ *chúng ta* ngay cả khi thầy nói về chính mình. Nhưng trong một xã hội cá nhân chủ nghĩa như ở nước Anh này, nếu con dịch nguyên văn chữ *chúng ta* ấy, thầy sẽ mất đi một chút hấp lực đối với họ. Vì vậy, ngay cả khi thầy nói *chúng ta*, mà con biết chắc rằng thầy có ý nói là *tôi*, con sẽ muốn dùng chữ *tôi* để thông dịch. Mong thầy thông cảm cho phép con được làm như vậy.”

Tôi lấy làm lạ khi nghe như vậy. Nghĩ lại, tôi nhận ra rằng người Nhật, ở trong một nhóm, khi nói chuyện có dùng từ *chúng ta* thật mơ hồ, và như thế áp đặt mọi người vào với nhau mà không hề có sự đồng ý trước của những cá nhân liên hệ. Và khi làm như vậy là đã trốn tránh được trách nhiệm cho cá nhân. Tuy nhiên, khi đào sâu hơn vào vấn đề, tôi không thấy được đó là điều sai lầm khi dùng chữ *chúng tôi*.

You may assume that many entities called *I* come together to form a group called *we*. But this may not be the nature of reality.

Consider this: Suppose that a person is in a very sincere and tranquil mood, with no anxieties, in a clear, healthy psychological frame of mind. (When one's mind is distorted and hung up, that is another story!) Suppose that person is making dinner in the kitchen for her family, and she hears the familiar sound of her husband's footsteps as he comes home. Wiping her hands on her apron, she goes to the door to greet him. In this instant this person is—with the face of a wife, the voice of a wife, the body and movements of a wife—a wife greeting her husband.

Then, just as she reaches to take his coat, a voice from behind calls, "Mama!" She turns around and responds, "What is it?" And just in that instant this person no longer has the face of a wife, but of a mother. She looks back with the face of a mother, the voice of a mother, the gestures of a mother.

Bạn có thể giả dụ là có nhiều thực thể riêng biệt gọi là *tôi* đã đến với nhau hợp thành một nhóm gọi là *chúng ta*. Nhưng đây không hẳn là thực chất của vấn đề.

Hãy suy gẫm như thế này: giả sử có một người đang ở trong tâm trạng rất chân thực và an tịnh, không một lo nghĩ nào, tinh thần thật sáng suốt và lành mạnh. (Khi tâm đang quẩn quại và bế tắc thì đó lại là chuyện khác). Giả sử người ấy là bà nội trợ đang ở trong bếp một buổi tối, bà nghe tiếng chân quen thuộc của ông chồng đang về đến nhà. Vội vã lau tay vào cái yếm mặc ngoài, bà ra cửa đón chồng. Trong giây phút đó người này – với bộ mặt của người vợ, tiếng nói người vợ, thân hình và cử chỉ người vợ – là một người vợ đang đi ra đón chồng.

Thế rồi, đúng lúc bà đang đưa tay ra lấy áo khoác của chồng, một giọng nói vang ra từ đằng sau, “Mẹ!” Bà quay lại trả lời, “Gì đó con?” Ngay lúc đó người này không còn mang bộ mặt người vợ nữa, mà bộ mặt người mẹ, tiếng nói người mẹ, cử chỉ người mẹ.

Then, if a friend from the neighborhood comes to call, she receives her guest not with the face of a wife or of a mother, but with the face of a next-door neighbor.

Perhaps as you read this, you imagine me in one form, as a monk. But tomorrow morning I will visit the grave of my parents. Standing before that grave, I am nothing more than a child. One appears before one's parents as a child, before one's child as a parent, before one's husband as a wife, before one's wife as a husband. At work, the face and form one takes on depend upon the position one occupies. This is our true form.

There is no clump called "I" moving from this spot to that spot, instant by instant. Rather, through particular encounters with particular people, within each encounter, within each transition, something called "I" makes its appearance. Thus it is that what seems to be an object outside yourself is, in reality, your complement, that which gives this instant of your life its glow.

Thế rồi, một người bạn láng giềng đến gọi cửa, bà tiếp đón khách không phải với bộ mặt người vợ hay người mẹ, mà với bộ mặt một người bạn hàng xóm.

Có thể khi bạn đọc những điều này, bạn sẽ tưởng tượng hình dáng bề ngoài tôi như vị thầy tăng. Nhưng sáng mai tôi sẽ đi viếng mộ cha mẹ tôi. Đứng trước mộ, tôi chỉ là đứa trẻ không hơn không kém. Đối trước với cha mẹ mình là đứa trẻ, đối trước với con mình là bậc phụ huynh, đối trước chồng mình là người vợ, đối trước vợ mình là người chồng. Ở nơi làm việc, bộ mặt và bề ngoài người ta khoác lên tùy thuộc vào địa vị trong sở. Đó là thực chất bề ngoài của chúng ta.

Không có thực thể nào gọi là *tôi* di chuyển từ điểm này sang điểm khác, lúc này qua lúc khác. Mà đúng hơn, qua những lúc gặp gỡ chuyên biệt nào đó với những người chuyên biệt nào đó, trong mỗi lần gặp gỡ, trong mỗi sự giao tiếp, cái gọi là *tôi* sẽ xuất hiện. Như vậy ta thấy dường như một cái gì ở ngoài con người chúng ta, thật ra, lại bổ túc cho chúng ta, làm cho mỗi giây phút trong cuộc đời thêm phần rực rỡ.

If you understand this, you understand why the Zen school sets up its practice so that you can attain enlightenment by looking intently into your own heart. If that heart were really yours alone, no matter how intently you continued to gaze at it, you could never awaken to universal truth. But the heart is not an individual possession; it is not yours alone.

The heart, the life that is within you, is born in companionship with the environment. Your heart is the life of the great universe. Our own hearts are the womb from which everything originates, and just as I am a manifestation of Buddha, so are you a manifestation of Buddha. Therefore, the Zen school teaches that we should not set out to know "everything"; we should investigate that which is closest at hand, our own bodies and hearts. So it is that just by looking into your own tiny mind, you can be receptive to others—not to mention that you can realize the truth of the entire boundless universe!

Nếu bạn hiểu được điều này, bạn sẽ hiểu tại sao Thiền tông dùng sự tu tập để đạt giác ngộ bằng cách quán chiếu thật thâm sâu vào tâm mình. Nếu tâm đó là của riêng bạn, dù không ngừng soi chiếu vào thật miên mật, bạn cũng không thể ngộ được chân lý chung nhất của vạn pháp. Nhưng tâm bạn không phải là một vật sở hữu cá nhân, không phải chỉ là của riêng bạn thôi.

Tâm bạn, sự sống trong bạn, được sanh ra trong sự liên đới với môi trường. Tâm bạn là đời sống của vũ trụ rộng lớn vĩ đại này. Chính tâm chúng ta là chiếc nôi từ đó khởi đầu mọi sự, và như tôi là một biểu hiện tánh Phật, bạn cũng là một biểu hiện tánh Phật. Vì thế, Thiền tông dạy rằng chúng ta không nên cố gắng để biết *hết mọi sự*, mà chúng ta phải tìm hiểu những gì gần mình nhất, đó là thân và tâm mình. Vì thế chỉ cần nhìn sâu vào tâm bé nhỏ của bạn, bạn cũng có thể mãi cảm với tâm người khác – không những thế còn có thể ngộ được chân lý của toàn thể vũ trụ vô biên này nữa!

We are not like blocks of ice, conducting ourselves as solid individuals as we move from place to place. We are like water flowing freely, now into a four-sided container, now into a three-sided container, realizing a new birth each and every instant. Such, I believe, is the reality of our existence, and it is this sort of human existence, this sort of existence of all things in the universe, that Buddhism expounds.

It follows, then, that we are not individual "I's" gathering to form a "we," but that within the existence of "we," something called "I" arises. This, I believe, is reality.

When we are in accordance with this original form, it is possible for us to understand the death, the pain, the sadness, the happiness of another as our own.

Chúng ta không hiện hữu như những thỏi nước đá, di chuyển một cách cứng nhắc từ nơi này sang nơi khác, mà chúng ta như giòng nước chảy tự do, lúc vào cái hộp bốn góc, lúc ở trong cái hộp ba góc, mỗi lúc mỗi sinh ra lại và đổi mới. Tôi tin rằng đó là sự thực trong sự hiện hữu của chúng ta, và sự tồn tại như thế của con người, sự tồn tại như thế của vạn pháp trong vũ trụ này, là điều Đức Phật tuyên dương.

Xét như vậy, chúng ta không phải là những cá thể, những cái *tôi* tập hợp lại để làm thành *chúng ta*, nhưng trong sự hiện diện của *chúng ta*, có một thứ gọi là *tôi* đã khởi lên. Tôi tin rằng đây cũng là một sự thực.

Khi hòa đồng với thể tính nguyên thủy nơi mình, chúng ta sẽ thông cảm được sự chết, đau đớn, buồn khổ, hạnh phúc của người khác như của chính mình.

the death of my grandfather

THE YEAR BEFORE I was to enter grammar school, on a hot day with the sun beating down, my grandfather took me to see a local wrestling match. My grandfather always treated me most affectionately. We left in the morning, and he probably planned to be home by around noon, but, as I was very persuasive with him, we stayed out all day and did not return home until evening. As a result of staying out in the sun too long, Grandfather had a heat stroke. Even as a child just over the age of six, I could realize that my own coaxing was the cause of my grandfather's abnormal condition.

My father, who was a doctor, did not move Grandfather to a hospital, but rather examined and nursed him at home. As this was the beginning of the Showa Period, back in the 1930s, medical treatment was comparatively simple. A block of ice was placed in a tin plate, and as the ice melted, the cold water was used to cool his brow.

cái chết của ông tôi

NĂM TRƯỚC KHI tôi vào trường tiểu học, trong một ngày hè nóng đỏ lửa, ông tôi dẫn tôi đi xem đô vật trong thành phố. Ông tôi bao giờ cũng rất cưng chiều tôi. Chúng tôi rời nhà đi vào buổi sáng, và có lẽ ông định về nhà từ lúc trưa, nhưng vì tôi vòi vĩnh nên rốt cuộc chúng tôi đã ở ngoài đường suốt ngày và đến tối mới trở về nhà. Hậu quả là sau khi ở ngoài nắng quá lâu, Ông bị trúng nắng. Dù mới là một đứa bé sáu tuổi, tôi cũng nhận ra sự vòi vĩnh của tôi là nguyên nhân tình trạng bất thường của Ông.

Cha tôi, vốn là một bác sĩ, đã không đưa ông đến bệnh viện, nhưng để ông ở nhà chăm sóc và nuôi dưỡng. Lúc bảy giờ mới bắt đầu triều đại Chiêu Hòa (*Showa*), trong thập niên 1930, những cách chữa trị còn rất thô sơ. Một tảng nước đá được đặt trong một đĩa thiếc mỏng, và khi nước đá tan ra, thì nước lạnh đó được dùng để làm hạ nhiệt nơi lông mày của Ông.

The whole house was turned upside down in confusion, and messengers were sent to call in relatives. It was not as easy in those days as it is now, when the family can jump into the car and drive over in response to a telephone call. After receiving the announcement, relatives had to cross the mountains on foot in their straw sandals.

I was left quite neglected as everyone gathered and, moment by moment, alternately rejoiced and lamented, according to Grandfather's condition. Seeing my relatives like this and feeling the disturbed atmosphere of the house, I was frightened. I ran away to the second floor and, lying on my belly over the stairwell, watched the scene below. As I gazed down at the hushed tumult below, I realized that Grandfather was going to die. I remember puzzling over whether or not that meant that I would not see him again.

For me, as a child, the idea that Grandfather could suddenly disappear was not an idea I could readily absorb. He had always been so present, so affectionate. While I was mulling over this matter, my mother climbed to the second floor to find me and explain that Grandfather was going to die.

Cả nhà tôi lúc ấy náo loạn lên, cử người đi gọi bà con họ hàng. Thời ấy điều kiện không dễ dàng như bây giờ chỉ việc nhảy lên xe lái đến nơi sau khi nhận một cú điện thoại; nhận được tin báo, bà con muốn đến phải đi bộ vượt núi với đôi dép rơm.

Tôi hoàn toàn bị bỏ rơi trong khi mọi người tề tựu và, từng giây từng phút một, hết vui mừng lại đến than khóc, tùy theo tình trạng biến đổi của Ông. Thấy những người trong họ như vậy và cùng lúc cảm thấy không khí xáo trộn trong gia đình, tôi bỗng sợ hãi. Tôi chạy trốn lên gác và nằm bẹp nơi cầu thang ngắm nhìn quang cảnh phía dưới. Nhìn xuống cảnh tượng hoang mang yên lặng dưới nhà, tôi nhận ra ông tôi sắp chết. Tôi nhớ mình đã tự hỏi không biết như vậy có nghĩa là tôi có còn gặp được Ông nữa hay không.

Bởi vì đối với một đứa trẻ như tôi, ý tưởng Ông đột nhiên có thể biến mất không phải là điều gì dễ dàng thấu hiểu được. Ông tôi vẫn thường luôn ở đó, lúc nào cũng bày tỏ thật nhiều tình thương mến. Trong khi tôi đang ngẫm nghĩ vấn đề đó, mẹ tôi trèo lên gác tìm tôi và giải thích cho tôi biết rằng Ông sắp chết rồi.

"When people are dying," she said, "they get very thirsty, and so we need to give them water. Since Grandfather has pampered you more than any of his other grandchildren, you must go now and give him some water." I was half-dragged back downstairs.

I was given a wad of cotton soaked with water to wipe Grandfather's lips. I could see for myself that while his forehead was damp, his lips, which were locked tightly together, were dry and chapped, and I felt that he must be very thirsty. When I started softly wiping, drops of water settled into the seam of his lips and they became moist, but not a drop passed through and into his mouth. Figuring that I was not using enough water, I squeezed the wad of wet cotton over his mouth. The water trickled down his face, and still not so much as a drop entered his mouth.

My grandfather, who had always so enjoyed drinking his tea, and who was now so thirsty, could not open his mouth to swallow even a sip of water. The feeling that a big change had taken place penetrated deep into this child's heart and flesh and bones. Not long after, Grandfather took his last breath and we washed his body for cremation.

“Khi một người sắp chết”, mẹ nói, “người ấy khát nước lắm, nên chúng ta phải cho họ uống nước. Bởi vì Ông đã cưng chiều con hơn hết thầy mấy đứa cháu khác, con phải xuống cho Ông uống nước.” Thế là tôi bị lôi xuống dưới nhà.

Tôi được đưa cho một miếng bông thấm nước để lau môi cho Ông. Tôi thấy rõ ràng trong khi trán ông ẩm ướt, thì miệng ông ngậm chặt lại, đôi môi khô và nứt nẻ, và tôi cảm thấy như ông đang rất khát nước. Khi tôi bắt đầu lau nhẹ, những giọt nước chảy vào những đường trên môi ông và làm cho ẩm ướt, nhưng không có một giọt nào lọt được vào miệng của ông. Tưởng không dùng đủ nước, tôi vắt miếng bông gòn ướt lên miệng ông. Nước chảy ròn ròn nơi mặt ông, nhưng vẫn không có một giọt nào lọt vào miệng ông được.

Ông tôi vốn hay có thú uống trà, và bây giờ đang khát nước như vậy, lại không thể mở miệng ra để nuốt lấy một ngụm nước. Cảm giác có một thay đổi lớn đang diễn ra đã thấm thâu vào trong tâm đứa trẻ này đến tận xương tủy. Không bao lâu sau đó, Ông thở hơi cuối cùng, chúng tôi tắm rửa xác ông để sửa soạn hỏa thiêu.

People once thought it would be a pity for the deceased, bound for Amida's beautiful Pure Land, to have to go carrying the dust of this world. It was with this artless feeling that the dead were given their last bath. The survivors filled a washtub with cool water to which hot water was then added.

In my house on that day, hot water was poured in the sink, a little rubbing alcohol was added, and my grandfather's whole body was wiped with a wet towel. I was allowed to wipe his chest, but the towel slid from my tiny hands, which then skidded directly across Grandfather's skin. I can still feel the sensation of touching his skin. Before, when Grandfather had let me ride on his shoulders, I could see the wrinkled skin on the nape of his neck. Under my hands, which clutched his forehead to keep from falling off, I could feel the wrinkled skin. His body was flexible and warm then, whereas now the hands that unexpectedly touched him found stiffness. The coldness of his body, a coldness completely unlike that of ice, sent a chill throughout my own body. This six-year-old child received a sharp lesson about death.

Người ta thường nghĩ thật là tội cho người chết, khi đang trên đường đến cõi Tịnh Độ của Đức Phật Di Đà, lại phải đem theo bụi trần của thế gian này, cho nên người chết thường được tắm rửa lần cuối cùng. Bồn tắm được đổ đầy nước lạnh, sau đó thêm nước nóng vào.

Trong ngày ấy, ở nhà tôi nước nóng được đổ vào bồn, rồi thêm vào một ít rượu, và xác ông tôi được lau với một khăn bông ướt. Tôi được phép lau ngực ông, nhưng cái khăn vọt ra khỏi bàn tay bé nhỏ của tôi, trượt trên da mình của ông. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác khi sờ vào da của ông. Trước đây, khi ông để tôi leo lên vai ngồi, tôi có thể thấy được làn da nhăn nheo trên gáy ông. Dưới bàn tay tôi, lúc nắm chặt lấy trán ông để khỏi ngã, tôi cảm thấy được làn da nhăn nheo. Lúc đó người ông dẻo dai và ấm áp, trong khi bây giờ đôi tay tôi bất ngờ chạm vào người ông chỉ thấy cứng đờ. Khí lạnh toát ra từ xác ông, hoàn toàn khác với nước đá lạnh, làm cho tôi phát rùng mình. Đứa trẻ sáu tuổi này đã nhận được một bài học sắc bén về sự chết.

My family carried me along the narrow lanes between the rice fields as the coffin was taken away. The crematorium was not like those of today with their heavy doors like bank vaults. It was no more than a hole, through which the family shoved the coffin and through which its edge could still be seen. The hole was heaped with straw, and firewood was laid against the casket. Then the family, all together, lit pine torches and started the fire. When the straw and the firewood and the coffin started to crack and pop in the flames, we went home to await the next day, when we would gather Grandfather's ashes. Even to my young eyes, as I looked back over my shoulder at the soy-colored smoke rising from the chimney of the fire I had just helped to start, death was personal. It was not "somebody else."

Now, I was seeing my grandfather—the man I respected and wanted to emulate—being burned up. What I saw then was not someone else's death, but my own future. I am not exaggerating this incident, looking back and dramatizing it from the distance of many years. I really did, as a six-year-old child, see the future of my own body burning in that fire.

Khi đưa quan tài, gia đình mang tôi đi dọc theo những con đường nhỏ hẹp nằm giữa hai bên đồng ruộng. Lò thiêu không phải như ngày nay, với những cửa dày nặng nề như dưới hầm nhà băng. Trông không hơn một cái lỗ, trong đó người nhà cho quan tài vào và qua đó có thể thấy được hai bên. Cái lỗ được chất đầy rơm, và củi đặt chung quanh quan tài. Rồi tất cả mọi người trong gia đình cùng nhóm cây đuốc thông lên cho lửa cháy. Khi rơm cùng củi và quan tài bắt đầu nứt ra và nổ lách tách trong ngọn lửa, chúng tôi đi về nhà đợi ngày hôm sau sẽ đến thu lượm tro cốt của ông. Dù với con mắt một đứa trẻ sáu tuổi, khi tôi ngoái cổ nhìn lại cột khói mờ đục bốc lên từ ống khói ngọn lửa thiêu tôi đã tiếp tay nhóm lên, tôi cũng cảm nhận cái chết như một việc gì thật riêng tư đối với mình. Cái chết không phải chỉ là của *một người nào khác*.

Bây giờ, tôi đang thấy ông tôi – người tôi kính trọng và muốn noi theo – đang bị thiêu đốt. Cái tôi thấy không phải là cái chết của một người nào khác, mà chính là tôi trong tương lai. Tôi đã không nói quá khi nhiều năm sau nhìn lại và kể câu chuyện bi thảm này. Thật sự là tôi lúc ấy, một đứa trẻ sáu tuổi, đã thấy thân xác mình tương lai bị thiêu đốt trong ngọn lửa đó.

inexhaustible dharma

SINCE I EXPERIENCED my grandfather's death, there have been two or three times that I have wanted, from the bottom of my heart, to die. Perhaps you have had similar feelings. Once, in fact, I even tried to over-dose on medicine, but I believe that I unconsciously kept that dose within safe bounds. I could not die. I believe that the main reason for my inner reluctance to die was my having been made to experience the death of my grandfather. My cognizance of death as a result of that experience was of a depth and a breadth that I could not easily leap across.

The "death" that many people know, however, is not the future death-in-earnest of their own bodies. Oftentimes, the only death they know is death as it occurs in a historical drama or a suspense film that they enjoy watching as they lie on the sofa eating snacks.

pháp vô lậu

KÈ TỪ KINH NGHIỆM cái chết của ông tôi, đã có mấy lần tôi có ý tưởng muốn chết, mong muốn tự đáy lòng. Có lẽ đôi lúc bạn cũng cảm nghĩ như vậy. Thực ra, có lần tôi đã từng thử uống thuốc quá liều, nhưng tin rằng một cách vô thức, tôi đã giữ liều lượng thuốc trong vòng an toàn. Tôi không thể chết được. Có lẽ lý do chính khiến tự thâm tâm tôi ngần ngại không muốn chết là vì kinh nghiệm tôi đã trải qua khi chứng kiến cái chết của ông tôi. Việc tôi cảm nhận cái chết và qua kinh nghiệm đó, đã sâu xa tới mức khó thể vượt qua được.

Tuy nhiên, cái *chết* nhiều người biết đến không phải là cái chết tan rã thực sự của thể xác trong tương lai. Thường thì cái chết duy nhất được biết đến là cái chết như trong một phim lịch sử hay một phim kinh dị nào đó người ta thưởng thức trong khi nằm dài trên sàn nhà hay trên ghế sofa, ăn kẹo hay những món lặt vặt khác.

Let me relate another story, about my old grammar school teacher, a truly great man. From the second grade up through graduation, my classmates and I were fortunate to have him in charge, and he had a decisive influence on each and every one of us.

A few years ago, in commemoration of the half century that had passed since graduation, we held a class reunion. Out of some fifty classmates, more than ten had died, and the thirty-three of us who gathered amounted to almost full participation. I myself, putting aside all of my work, would not have missed it for the world. We had a banquet and spent the night at a hot spring resort, and although we drank our sake, not a soul proposed that we sing karaoke. Even as we gathered around our teacher, drinking informally together, our meeting was a serious one. Various members of the group consulted our teacher and some even asked me questions about different things affecting their lives. That it was altogether like a training seminar was due to the deep influence of our teacher.

Tôi xin kể lại một câu chuyện khác, về một người thầy thời tiểu học của tôi, một con người siêu vĩ. Suốt từ lớp hai cho đến khi ra trường, các bạn học và tôi đã may mắn được thầy chỉ đạo lớp, và thầy đã có một ảnh hưởng tiên quyết lên trên mỗi người chúng tôi.

Vài năm trước, để kỷ niệm nửa thế kỷ qua từ lúc ra trường, chúng tôi có một buổi hội ngộ. Trong năm mươi học trò thuở trước, hơn mười người đã qua đời, và ba mươi ba người chúng tôi còn lại đã đến thật đông đủ. Chính tôi cũng dẹp bỏ hết mọi việc để đến, vì không muốn bỏ lỡ cơ hội này. Chúng tôi có một buổi tiệc và nghỉ đêm ở nơi du lịch có suối nước nóng, và tuy rằng có uống rượu saké, nhưng không ai đề nghị hát karaoke cả. Ngay cả lúc chúng tôi tụ tập quanh người thầy cũ hồi xưa, uống rượu vui chơi, buổi họp mặt này vẫn có vẻ nghiêm túc. Có nhiều thành viên trong nhóm tham vấn với thầy, và cũng có vài người hỏi tôi về đủ thứ vấn đề ảnh hưởng đến đời sống của họ. Buổi họp mặt tái ngộ này hoàn toàn giống như một khóa tu học nhờ ảnh hưởng sâu đậm của thầy để lại trên chúng tôi trước đây.

This gentleman was a great educator, and he has continued, since his retirement, to lead an exemplary life as a member of the community. His personal lifestyle, too, is impeccable. Despite his eighty-plus years, he appeared more robust than any of his former pupils!

When the time came to retire after our banquet, all those who had gathered around to hear our teacher's words seemed reluctant to impose upon him further, so it happened that he and I were given a room to share for the night. We had placed our pillows side by side, lain down, and turned off the light when he called out, "Morinaga-san," kindly affixing the honorific—*san* to the name of the student he had taught so long ago.

"Heaven forgive me for this foolishness," he continued, "but lately I've been so afraid of dying that I almost feel it would be better not to have been born!"

The words of my teacher did not hit me lightly. On the contrary, I recalled how diligently he had labored throughout his eighty years, and his confession touched me with all the more poignancy.

Thầy là một nhà mô phạm vĩ đại, và từ khi về hưu, thầy vẫn tiếp tục sống một đời gương mẫu trong cộng đồng. Mặc dù đã hơn tám mươi tuổi, thầy vẫn tráng kiện hơn bất kỳ học sinh của thầy ngày nào!

Đến lúc tan tiệc, tất cả những người quây quần chung quanh thầy để nghe những lời vàng ngọc đều có vẻ không muốn làm phiền thầy hơn nữa, nên thầy và tôi đem ấy được xếp chung một phòng. Chúng tôi để gối bên cạnh nhau, nằm xuống, tắt đèn rồi, bỗng thầy gọi tôi một cách lịch sự, "Morinaga-san", thêm tiếng *san* (tiên sinh) vào tên đưa học trò cũ của thầy thời xa xưa trước đây.

"Xin lỗi, tôi thấy tôi điên quá", thầy nói tiếp, "nhưng dạo sau này tôi đâm ra sợ chết quá, đến nỗi tôi hầu như cảm thấy rằng giá không được sanh ra lại hơn!"

Những lời của thầy đập vào tai tôi đã đem lại một ấn tượng không nhỏ. Tôi nhớ lại về trước, suốt tám mươi năm ròng rã thầy đã chuyên cần làm việc như thế nào, và sự thú nhận của thầy làm tôi cảm thấy thật mũi lòng.

Living, as we do, a finite existence, appearing as form in this world of phenomena, we are without fail subject to the law of cause and effect, the law of karma. It is a foundation stone of Buddhist teaching that where there is birth, there is death; certain efforts bear certain results. All research of the natural sciences and of the humanities is conducted on the basis of this principle of causation. Further, in matters of everyday life, even people who don't think carefully about such things seek to live in such a way as to produce causes that bring about positive results.

There are those who have, in accordance with this law, consistently endeavored to accumulate good karma and who have met with success in their efforts. When such a person ultimately collides with the insurmountable walls of old age, sickness, and death, walls that no amount of stockpiled karma can help one to scale, they are truly disappointed.

Inevitably, the person who has taken special pride in their work meets the onslaught of old age-which renders them incapable of working as they have up to now-with special dread.

Con người chúng ta sống một đời sống hữu hạn, hiện thân trong những hình tướng ở thế giới hiện tượng này, và bắt buộc phải chịu sự chi phối của luật nhân quả, luật của nghiệp. Điều cơ bản trong giáo lý đạo Phật là hễ có sanh là có tử; có nỗ lực làm thì mới có kết quả. Tất cả những nghiên cứu khoa học về thiên nhiên và con người đều đặt trên căn bản luật nhân quả này. Không những vậy, trong đời sống hằng ngày, cả những người ít khi suy nghĩ nghiêm chỉnh đến vấn đề này cũng cố sống sao cho nhân tốt mang lại quả tốt.

Tuân theo luật nhân quả, một số người đã không ngừng cố gắng tạo nghiệp tốt và được thành công trong sự nỗ lực của họ. Nhưng khi cuối cùng họ chạm trán bức tường kiên cố sinh, lão, bệnh, tử, không tích trữ thiện nghiệp để giúp họ vượt qua được, và họ sẽ thất vọng vô cùng.

Một điều tất nhiên là, người nào càng đặc biệt hãnh diện về công việc làm của họ, khi gặp sự tấn công ồ ạt của tuổi già – khiến họ không còn làm việc được như từ trước tới nay – sẽ rất là hãi sợ.

The person who boasts of an exceptionally sharp intellect will be especially intimidated by a progressive dimming of the mind. The person who has lived an exemplary life as a member of society will be especially frightened to witness the siphoning away of their own physical and mental power.

Thus it is that we cannot hope to live our closing years with peace of mind simply by striving to conduct a meritorious life under this law of cause and effect.

Within Buddhism, there is a field of teaching that applies to our finite existence within causality and that utilizes the terms *exhaustible dharma* and *created dharma*. Called the Precepts of the Seven Buddhas because it has been taught by all the buddhas who have appeared in the world, the teaching instructs us to live life attempting to plant wholesome seeds and thereby harvesting beneficial fruits. A well-known verse summarizes the doctrine:

Người nào khoe khoang trí thông minh sắc bén phi thường của họ sẽ lo sợ trí óc suy yếu dần. Người nào sống một đời gương mẫu của một thành viên trong xã hội sẽ đặc biệt hãi sợ khi chứng kiến năng lực thể chất cũng như tinh thần hao mòn.

Như thế, chúng ta không thể mong sống với tâm an lạc trong những ngày cuối cuộc đời chỉ bằng những việc công đức đã cố gắng tạo nên theo luật nhân quả.

Trong giáo pháp đạo Phật, có đề cập đến sự tồn tại hữu hạn của chúng ta, bị chi phối trong luật nhân quả, và được gọi với danh từ *pháp hữu lậu* hay *pháp hữu vi*. Pháp này còn được gọi là Giới của Bảy Vị Phật bởi vì đã được chư Phật ba đời trong thế gian giảng nói, trong đó dạy chúng ta nên cố gắng gieo trồng hạt giống lành trong đời, như vậy sẽ thọ nhận phước báo. Một bài kệ nổi tiếng đã tóm lược giáo pháp này như sau:

To avoid doing evil,

To do good,

To purify the heart:

This is the teaching of all buddhas.

If one makes a deep inquiry through practice into this teaching, delving into one's own heart, which suffices to purify itself, one naturally goes beyond the category of a teaching limited to life within this body and subject to karmic retribution. It is unfortunate that people tend to interpret this kind of doctrine—sowing good seeds, reaping good fruits; sowing bad seeds, reaping bad fruits—only in its application to worldly happiness and prosperity. Of course this aim is, in itself, extremely important, but success within these limits alone does not assure the ultimate peace of mind that transcends sickness, old age, and death.

No matter what efforts you have channeled into the production of success, once your name is called, the slate of your worldly accumulations is cleared.

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo.

Tránh làm điều ác

Năng làm điều lành

Giữ tâm thanh tịnh

Đó lời Phật dạy.

Nếu thâm cứu và thực hành pháp tu này, soi chiếu vào bản tâm mình, điều đó đủ làm cho tâm thanh tịnh và đưa ta vượt qua khỏi giáo lý chỉ dạy những pháp hữu vi cho đời sống giới hạn trong hình tướng và nghiệp quả. Thật đáng tiếc người ta thường diễn dịch giáo pháp này – gieo nhân tốt, hái quả tốt, gieo nhân xấu, hái quả xấu – chỉ áp dụng để thụ đắc hạnh phúc và thịnh vượng thế gian. Dĩ nhiên mục tiêu thế gian tự nó quan trọng vô cùng, nhưng những công đức hữu vi không thể đem lại an lạc tuyệt đối cho tâm khi trải qua sinh, lão, bệnh, tử.

Dù bạn có nỗ lực đến thế nào để tạo dựng thành quả mong muốn, một khi tên đã gọi trong sổ bộ Nam tào, tất cả những tích lũy thế gian sẽ bị quét sạch.

This cycle applies not only to the human realm but to all phenomena, which must go through a time of birth, a time of abiding, a time of transition, and a time of returning to original emptiness. In the case of human beings, this is birth, aging, illness, and death. All phenomena are like bubbles, appearing and disappearing, impermanent, changing. No individual entity exists anywhere that carries on, as is, in perpetuity.

This is the Buddhist emptiness or voidness, called in Sanskrit *shunyata* and in Japanese *mu*, and the reality of this emptiness is called *inexhaustible dharma*. All being is without fail exhausted. But the voidness or emptiness, which is the very foundation of all being, is inexhaustible. That the exhaustible and the inexhaustible are not separate is expressed in the well-known line from the Heart Sutra, "Form is exactly emptiness, emptiness exactly form."

The fact is, however, that it is exceedingly difficult to see clearly for oneself that all things are in themselves empty. We can say that in order to realize the intrinsic emptiness of ourselves, we must wring from our bodies sweat of oil.

Vòng luân hồi không chỉ áp dụng cho cõi người mà cho tất cả mọi hiện tượng, sự vật gì cũng phải trải qua thời kỳ sinh, thời kỳ trưởng, thời kỳ suy, và thời kỳ hủy diệt để trở về cái *Không* ban đầu. Trong con người đó là sinh, lão, bệnh, tử. Tất cả mọi hiện tượng đều rỗng rang như bọt nước, chợt hiện chợt mất, vô thường, biến đổi. Không có một thực thể cá biệt nào trên đời cố định, giữ nguyên trạng mãi mãi được.

Đó là khái niệm *Không* của Phật pháp, theo tiếng Phạn gọi là *nyat* và tiếng Nhật gọi là *mu*, và thực trạng của tánh *Không* này gọi là *Pháp Vô Lậu*. Tất cả mọi chúng sinh đều là hữu lậu. Nhưng tánh *Không*, vốn cơ bản nơi mọi chúng sinh, là vô lậu. Hữu lậu và vô lậu bất khả phân với nhau, điều đó đã được nói đến trong câu bất hủ của Bát Nhã Tâm Kinh: "*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc.*" (Sắc chính thực là Không, Không chính thực là Sắc).

Tuy nhiên, thực tế rất khó tự mình thấy rõ ràng tất cả mọi pháp thể tánh là không. Có thể nói muốn tự giác ngộ được tánh *Không* vốn có nơi chính mình, ta phải công phu hết mình, với tất cả mồ hôi và nước mắt.

to die while alive

WHEN I BECAME a monk and entered the training hall, more than anything in the world, I passionately desired enlightenment. Kyoto, where my training monastery was located, was not a land abundant with rice paddies, and so there was but ten days' supply of staple foods rationed out per month. That ten days' supply of staples included such things as corn and sweet-potato flour and, at times, an undrinkable, faded yellowish tea powder. This was our fare when I was in the training hall, single-mindedly doing zazen and seeking enlightenment.

But this experience of enlightenment did not come easily. I had been educated, up until I began Zen training, to see with the eyes, hear with the ears, and think it all out with the head—and that was the only way I knew in which to proceed with my investigation.

chết trong khi đang sống

KHI TRỞ THÀNH một tăng sĩ và gia nhập thiền viện, tôi đã ước ao thật mãnh liệt, hơn bất cứ thứ gì trên đời, làm sao giác ngộ. Kyoto, nơi thiền viện của tôi đặt trụ sở, không phải là mảnh đất có ruộng đồng trù phú, vì thế phần thực phẩm quy định cho một tháng thường giới hạn chỉ đủ cho mười ngày. Thực phẩm chính của mười ngày ấy bao gồm những thứ như bắp và bột khoai lang, và đôi khi một thứ bột trà màu vàng úa không thể nào uống được. Đó là những thứ đã nuôi thân mạng tôi khi ở trong thiền đường, nhất tâm tọa thiền và tìm giác ngộ.

Nhưng kinh nghiệm ngộ không đến dễ dàng. Trước khi bắt đầu tu Thiền, tôi đã được dạy để nhìn bằng mắt, nghe bằng tai, suy nghĩ bằng đầu óc, và đó là cách duy nhất tôi dùng để tìm hiểu mọi sự.

In training, however, I was informed that satori is not some sort of conclusion brought forth through my own judgments, which are discerned from the outside world through the six senses (sight, hearing, smell, taste, touch, mind). Still, I could not readily grasp just how to get beyond this habitual way of perception to another way of experiencing.

Daito Kokushi, the founder of Daitokuji temple and one of the most illustrious Zen masters in Japanese history, in his final words admonished: "Be ever mindful, throughout the twenty-four hours of the day, to apply yourselves to the study of the Unthinkable." This Unthinkable is the transcending of logic or intellectual understanding, and I hadn't the faintest notion how best to throw my energy into this practice of the Unthinkable. So I just blindly went at zazen. Each night while everyone else was fast asleep, I persisted, sitting on my cushion. Unfortunately, during this period it was my duty to awaken the others in the mornings.

As I mentioned, food was very scarce, and I was already quite lean.

Nhưng khi vào tu, tôi lại được chỉ cho rằng *satori* (chứng ngộ) không phải là một loại kết luận rút ra từ những phán xét riêng tư dựa trên cảm giác phân biệt của sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý căn tức bộ não). Dù vậy, tôi vẫn chưa thể nắm được cách nào để buông bỏ những thói quen cảm nhận xưa nay và tập kinh nghiệm theo một cách khác.

Đại Đăng Quốc Sư, vị sáng lập ra thiền viện Đại Đức và là một trong những vị thiền sư kiệt xuất nhất trong lịch sử Nhật Bản, trong lời thị tịch đã khuyến cáo như sau: "*Hãy luôn luôn chú tâm, suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong ngày, để học cái Không Thể Nghĩ Bàn.*" Cái Không Thể Nghĩ Bàn ấy vượt lên trên mọi lý luận hay sự hiểu biết của trí thức, và tôi không biết một chút gì để tìm cách dồn năng lượng vào tu học cái Không Thể Nghĩ Bàn này. Vì thế tôi cứ tọa thiền một cách mù quáng. Hằng đêm khi mọi người đã ngủ say hết rồi, tôi vẫn kiên trì ở đó ngồi trên chiếc gối thiền. Không may là thời gian này tôi lại được giao nhiệm vụ đánh thức mọi người buổi sáng.

Như tôi đã nói ở trên, thực phẩm lúc đó rất ít ỏi, và tôi vốn lại gầy gò.

I toiled at manual labor and practice during the day and continued zazen without sleep through the night, so that while I had every intention of remaining upright, I would wind up in a sort of fainting state, pass out and tumble off the cushion.

Monastery rising time was 3:00 A.M. every day. It must have been that I would faint at 2:00 or 2:30 A.M. Coming to with a start, I would find it past time to awaken the others. This continued for three days, until finally I was roughly reprimanded, charged with "forgetting" to wake up and thus throwing the whole monastic day out of kilter. *Densu* is the title of the position I held. I was told in no uncertain terms that in the monastic rules it is dictated that the *densu* watch the clock "just as he guards his very own eyeballs."

"Do you really have any interest in practice or not?" shouted my superior. "What do you think you're here for, anyway?"

To be asked if one really has any interest in practice is, in effect, to be kicked out of the training hall.

Ban ngày tôi vất vả lao tác chân tay và thực hành tu tập, đến tối lại tiếp tục tọa thiền không ngủ suốt đêm, vì vậy tuy hết sức muốn ngồi thẳng người lên, nhưng rồi cũng lại rơi vào trạng thái mê mệt, sẵn sàng ngất xỉu và ngã lăn khỏi gôi thiền.

Giờ thức dậy buổi sáng trong thiền viện là ba giờ sáng mỗi ngày. Chắc tôi thường hay ngất đi vào khoảng 2 giờ hay 2 giờ rưỡi sáng. Lúc bừng tỉnh dậy, tôi đã thấy quá giờ đánh thức mọi người rồi. Việc này kéo dài khoảng ba ngày, cuối cùng tôi bị khiển trách nặng nề, bị kết tội *ngủ quên* và vì thế đã làm xáo trộn chương trình hằng ngày của cả thiền viện. Chức vụ tôi được giao cho gọi là *densu* (thức chúng). Tôi được nhắc nhở thật rành rọt rằng luật lệ của thiền viện đã quy định rằng người làm *densu* phải canh đồng hồ như là *canh chính cặp mắt của mình vậy*.

“Người có thực sự có ý muốn tu hay không hả?” Vị huynh trưởng của tôi quát lớn. “Người tưởng người đến đây để làm gì?”

Khi bị hỏi là có ý muốn tu hay không, điều đó có nghĩa là có thể bị đá ra khỏi thiền đường.

Fortunately, however, the master took pity on me, and fellow monks kept an eye out, helping me to avoid further slips. My obstinacy did prevail, though, and I continued to practice without ever lying down to rest at night. Despite my unrelenting persistence at sitting, every night I would grow hazy and doze off so that my zazen was far from strong and clear.

Then, to make matters worse, I reasoned that taking in food would make me sleepy, so I stopped eating. As I mentioned before, meals in those days were not what could be called substantial. We took our meals formally, chanting sutras before and after. Before each meal an announcement would be made such as "Today's lunch will consist of three dumplings per person." This meant that each monk would receive three balls of pressed potato starch, each about the size of an old copper coin. There was no soy sauce or miso, and these dumplings would be boiled in salt water, of which we would each receive three bowls. To stop eating even this because it might make me drowsy was going too far.

Then, one night, all of my ammunition was exhausted.

Nhưng may thay, thầy đã thương hại tôi, và những học tăng bạn cũng giúp đỡ, che chở tôi khỏi bị sơ sẩy thêm nữa. Dù vậy, tôi vẫn bướng bỉnh tiếp tục tọa thiền mà không nằm xuống chút nào về đêm. Mặc dù liên miên ngồi thiền một cách kiên trì như vậy, hằng đêm tôi vẫn rơi vào cơn mê mệt và ngủ thiếp đi, nên việc tọa thiền của tôi chẳng mạnh mẽ và sáng tỏ được chút nào.

Thế rồi, vấn đề lại càng trở nên tệ hại hơn, khi tôi lý luận rằng ăn vào là chỉ làm buồn ngủ thêm, nên ngưng không ăn nữa. Như tôi đã nói ở trên, những bữa ăn thời ấy không được đầy đủ chút nào. Chúng tôi dùng bữa theo nghi thức, tụng một bài kinh trước và sau khi ăn. Trước mỗi bữa ăn thường có thông báo về bữa ăn ấy như là "Bữa trưa hôm nay phần mỗi người sẽ gồm có ba cái bánh xếp." Như vậy có nghĩa mỗi vị tăng sẽ nhận được ba viên bánh làm bằng bột khoai ép lại, mỗi viên chỉ to bằng đồng xu thời xưa. Không có nước tương hay *miso* gì cả, những viên bánh này luộc trong nước muối, và chúng tôi mỗi người được phát cho ba chén. Dù chỉ có thế mà tôi cũng ngưng không ăn vì nghĩ sẽ bị buồn ngủ, điều đó quả tình tôi đã đi quá xa.

Thế rồi, một đêm nọ, tôi không còn một chút sức lực nào nữa.

I lost all sense of wanting enlightenment; to continue seeking satori was inconceivable. Gone was the physical and mental energy necessary to maintain a level of consciousness in which one tries to verify with the eyes and hear with the ears. The soft cushion beneath me was a steel plate. My whole body was a mass of sheer pain. It was not "I" sitting on that cushion; it was sheer fatigue. As if consciousness were lost in a fog, all was hazy.

Suddenly, under some impetus unknown to me, the fog lifted and vanished. And it is not that the pain in my own body disappeared, but rather that the body that is supposed to feel the pain disappeared. Everything was utterly clear. Even in the dimly lit darkness, things could be seen in a fine clarity. The faintest sound could be heard distinctly, but the hearing self was not there. This was, I believe, to die while alive.

At the time, there were actually no thoughts. I have no idea of the duration of this state of utter clarity, of what happened to precede or follow it. Perhaps I was roused by a sharp voice. I only know that when I came to myself, I felt tremendously happy!

Tôi mất hết cả ý chí muốn được giác ngộ; sự tiếp tục tìm kiếm *satori* (chứng ngộ) dường như là điều không thể nào mơ tưởng tới được nữa. Tôi không còn một chút năng lực vật chất tối thiểu và tinh thần cần thiết để giữ mức độ ý thức trong đó cái thấy được xác định bằng mắt và cái nghe được xác định bằng tai. Chiếc gối thiền mềm mại tôi ngồi lên lúc đó là cả một miếng thép cứng đơ. Toàn thân tôi là tổng hợp của những cơn đau như dằm. Không còn là *tôi* đang ngồi trên gối thiền nữa; mà chỉ là cả một sự mệt mỏi chất ngất. Ý thức tưởng chừng như đã lạc mất trong màn sương mù dày đặc, tất cả chỉ còn là một sự mơ hồ.

Đột nhiên, dưới một lực nào đó không được rõ, màn sương mù bỗng tan đi và biến mất. Và không phải là cơn đau dằm của thể xác tôi biến đi, nhưng là cái thân chịu đựng sự đau dằm đó đã biến đâu mất. Mọi sự trở nên hoàn toàn sáng tỏ. Ngay cả trong màn đêm mờ tối, mọi sự cũng được thấy một cách thật tinh tường. Tiếng động nhỏ nhất cũng có thể nghe được rõ ràng, nhưng không còn người đang nghe. Tôi tin rằng, điều này cũng tựa như là đã chết đi trong lúc còn đang sống vậy.

Vào lúc đó, không còn một niệm khởi. Tôi không có ý niệm gì về trạng thái sáng tỏ hoàn toàn ấy kéo dài bao lâu, điều gì đã xảy ra trước hay sau đó. Có lẽ một giọng nói sắc cạnh đã đánh thức tôi ra khỏi trạng thái đó. Tôi chỉ biết rằng khi sự tĩnh lại, tôi cảm thấy hạnh phúc vô ngần!

It was just as if I didn't know the dance of my own hands, the steps of my own feet. It never crossed my mind that this was a satori experience or that "I had kensho." Without any theorizing, I felt only the brimming joy of having had a heavy burden suddenly swept away.

Going over my experience in retrospect, in light of various passages in the sutras and in the records of the ancient teachers, I see that a verse by Shido Bunan Zenji is very fitting:

*Die while alive,
Thoroughly die.
Then just do as you will,
and all is right.*

The famous psychiatrist Elizabeth Kubler-Ross has collected statements from persons who have died a clinical death and then recovered to tell about it. According to these reports, when one is about to die, just in that instant, it is not only that the body, which has suffered in sickness and pain, is totally released from that suffering but that the person actually feels released from the body itself.

Như tôi không còn biết là bàn tay tôi đang múa, tiếng chân tôi đang bước. Trong tâm trí tôi không hề có một ý tưởng nào thoáng qua là tôi đang có một kinh nghiệm ngộ hay là tôi đã *kiến tánh*. Không cần lý luận gì, tôi chỉ cảm thấy một niềm vui choáng ngợp, tương chừng như một gánh nặng trĩu trên vai bỗng nhiên đã được lấy đi.

Hồi tưởng lại kinh nghiệm này, nhớ đến nhiều đoạn kinh khác nhau và qua những ngữ lục của chư tổ thời xưa, tôi thấy một bài kệ của thiền sư Chí Đạo Vô Nan (Shido Bunan Zenji) thật là thích hợp:

*Chết trong khi đang sống
Chết một cách toàn diện
Mọi việc cứ tùy duyên
Sẽ tốt đẹp tự nhiên.*

Tâm lý gia danh tiếng Elizabeth Kubler-Ross đã thu thập lời kể của những người đã trải qua kinh nghiệm chết giả và trở về thuật lại. Theo những bản tường trình này, khi người ta bắt đầu chết, ngay trong giây phút đó, không những thân xác bị dày vò bởi bệnh hoạn và đau đớn được hoàn toàn giải thoát khỏi sự đau khổ, mà chính người ấy cũng có cảm giác thực sự là họ được giải thoát khỏi thân xác.

These people reported that, although they did not know where they were, they could clearly see others gathered around their bodies, wailing or clinging to and shaking the corpse. It would appear that there may be certain slight similarities between such experiences of medical death and death in practice, but this is something I cannot confirm.

What I, and others who have gone through the experience, *can* positively affirm is that there is a state of mind that surpasses cause and effect, a state other than the one in which we seek to gain "that" by doing "this." It is a samadhi in which each instant is whole as it stands, in its totality. Each instant is reflected perfectly.

It is wonderful and necessary to throw one's energies into living in such a way as to plant, and thereby reap, the seeds of wholesome action within this limited world. Still, living a life solely based on the law of cause and effect—acting in anticipation of future or immediate results—a person will, without fail, come up against a barrier and feel despair.

Họ báo cáo rằng, tuy không biết đang ở đâu, nhưng họ có thể thấy rõ ràng những người khác đang tụ tập chung quanh xác họ, than khóc níu kéo và cố lay xác họ. Như thế dường như có sự tương đồng nào giữa kinh nghiệm cái chết giả và cái *chết trong khi nhập định*, nhưng đây là điều tôi không dám đoán chắc được.

Những gì tôi và những người khác đã trải qua kinh nghiệm tương tự có thể xác định được là có một trạng thái tâm vượt ra khỏi nhân và quả, khác biệt với trạng thái trong đó chúng ta tìm cách thụ đắc được *điều này* bằng việc làm một *điều kia*. Đó là một trạng thái Định trong đó mỗi giây phút đều tự đầy đủ, đều trọn vẹn như thế. Mỗi giây phút đều phản chiếu một cách hoàn hảo, như đang đứng trước một tấm gương vậy.

Nếu chúng ta dồn hết năng lực để sống với tính cách như *trồng cây rồi ăn quả*, gieo tạo nhân lành cho đời sống thế gian hữu hạn này, đó cũng là một điều kỳ diệu và cần thiết. Nhưng nếu sống mà chỉ biết tùy thuộc vào luật Nhân Quả – hành động để nhận lãnh cái quả sẽ tới trong tương lai gần hay xa – rồi thế nào, người ấy cũng gặp phải chướng ngại và sẽ cảm thấy tuyệt vọng.

By meeting what you are faced with right now, though, in this very instant, completely without judgment or evaluation, you can transcend by far all question of cause and effect. You may be working in the kitchen or sweeping in the garden or cleaning the toilet or laboring for somebody else, but you do it without consideration of its relative merit. That means simply doing with all your might, becoming one with whatever situation in which you find yourself in this instant. I would like for you to clearly know that there is this other way of living your life.

On the one hand, even though you apply yourself to and are successful in reaping benefits for yourself, without transcending the barriers of old age, sickness, and death, you will not be tranquil in the evening of your life. On the other hand, if you cling to the idea of emptiness and fall into nihilism, it is easy to make the mistake of passing your whole life in vain. But there is another way: the middle way, falling into neither extreme. This middle way is called the Dharma gate of liberation, liberation from both the exhaustible and the inexhaustible.

Tuy nhiên, bằng cách trực diện với những gì bạn đang có ngay trước mắt, ngay trong lúc này, hoàn toàn không phán xét hay lượng định, bạn có thể vượt qua tất cả những vấn đề của nhân và quả. Bạn có thể làm việc trong bếp hay quét sân ngoài vườn, cọ rửa phòng tắm hay lao tác cho một người nào khác, nhưng bạn làm mà không một chút suy tư gì về giá trị tương đối công việc ấy. Một cách đơn giản, điều đó có nghĩa bạn làm mọi việc hết sức mình, trở thành một với bất cứ hiện trạng nào, ngay trong giây phút đó. Tôi muốn bạn biết rõ ràng đây là một cách khác để sống cuộc đời của bạn.

Một mặt, dù cho có dồn nỗ lực và thành công trong sự gặt hái quả tốt cho mình, nhưng nếu không biết vượt qua chướng ngại lớn của sinh, lão, bệnh, tử, bạn sẽ không thể an lạc trong tuổi xế chiều đời mình. Mặt khác, nếu bám víu vào khái niệm *không* rồi rơi vào vô ký phủ nhận *có*, bạn sẽ dễ sai lầm và sống một đời vô ích. Nhưng có một cách khác hơn thế, con đường *Trung đạo*, sẽ giúp chúng ta không rơi vào hai cực đoan. Con đường Trung Đạo còn được gọi là Pháp Môn Giải Thoát, giải thoát khỏi cả hai hữu lậu và vô lậu.

give yourself to death

I WOULD LIKE TO TELL YOU one final story, a story that has moved me very deeply. It is the story of Miss Okamoto, who stayed by my teacher's side for forty years, up until his death.

Miss Okamoto, as I said earlier, quit her job in young women's education and entered the temple after the age forty as a disciple of Master Zuigan. She trained as a lay person, never shaving her head or taking the vows of a nun, but also never wearing makeup as a laywoman might. She carried out all her affairs tidily attired in baggy work pants.

It was not her intention to become a great monk, so rather than focus on the training itself, she worked hard to make life smooth for the master whom she so respected. By washing clothes, cooking, and raising fresh vegetables, Miss Okamoto ensured that Zuigan Roshi would always be available to teach the Dharma to others. Anyone who looked at Miss Okamoto would see a thoroughly self-sacrificing person.

buông thả trong cái chết

TÔI XIN KỂ LẠI ĐÂY một câu chuyện cuối cùng, một câu chuyện đã làm tôi xúc động sâu xa. Đó là chuyện của cô Okamoto, người đã ở bên cạnh thầy tôi trong suốt bốn mươi năm cho đến khi ngài viên tịch.

Cô Okamoto, như tôi đã nói trước đây, đã rời bỏ việc làm trong ngành giáo dục nữ sinh, vào sống ở chùa trong tuổi bốn mươi như một đệ tử của thiền sư Thụy Nham. Cô tu như một người cư sĩ, không hề thể phát hay thọ giới, nhưng cũng không bao giờ trang điểm như những nữ cư sĩ khác. Cô làm mọi việc thật gọn gàng, lúc nào cũng trong bộ y phục lao động rộng thùng thình.

Cô không có ý định trở thành một đại nhân trong ni giới, nên thay vì chăm chú vào công việc tu tập, cô siêng năng làm công quả nhiều hơn, hầu giúp cho vị thầy cô hằng kính ngưỡng được thoải mái hơn trong đời sống. Qua những công việc giặt quần áo, nấu bếp, và trồng rau tươi, cô Okamoto muốn bảo đảm cho thầy khỏi cần bận tâm gì hết để có thể giảng pháp cho mọi người. Bất cứ người nào nhìn đến cô Okamoto cũng sẽ thấy ngay cô là một người rất tận tụy.

Master Thụy Nham died at the age of eighty-seven, when Miss Okamoto was sixty years old. When the final ceremony of the forty-nine-day bereavement period was concluded, she packed up her belongings and, declaring that she did not wish to be a burden to me, left the temple. She moved into the rented cottage of a different temple, where she continued to live out her years of retirement, under no one's supervision, just as she had lived when Master Thụy Nham was alive.

Miss Okamoto rose every morning at 4:15 and, although she had made no formal commitment to do so, cleaned the temple gardens surrounding her rented room. She cultivated vacant land and planted vegetables, which she would pickle and offer to the novice monks in training under me, to share with visitors, and to offer at the Buddha altar.

When she was already well into her seventies, feeling that she wanted to improve herself in whatever way she could, Miss Okamoto began to come inside after a day of sweeping, pulling weeds, and gardening to hear a talk and study classical Chinese literature.

Đại sư Thụy Nham viên tịch vào tuổi tám mươi bảy, lúc đó cô Okamoto đã sáu mươi tuổi. Sau kỳ thất cuối cùng 49 ngày xong xuôi, cô thu dọn đồ đạc, tuyên bố không muốn là gánh nặng cho tôi, và ra đi khỏi chùa. Cô dọn đến một thất nhỏ thuê trong ngôi chùa khác, và tiếp tục sống những năm tháng còn lại của tuổi già ở đó, không chịu sự kiểm soát của một ai, y như thời cô đã sống khi Đại sư Thụy Nham còn sinh tiền.

Mỗi buổi sáng cô Okamoto dậy vào lúc 4 giờ 15, và tuy rằng không phải phần việc của mình, cô cũng đi quét dọn vườn tược chùa chung quanh căn thất thuê của cô. Cô trồng rau trên những mảnh đất trống, và hái rau đó cúng dường các vị học tăng đang theo tu với tôi, đồng thời chia cho những khách thập phương, và đem lên bàn thờ cúng dường tam bảo.

Khi đã tới tuổi quá thất tuần, cô cảm thấy muốn tìm cách tu bản thân mình cho tốt hơn, nên sau một ngày quét tước, nhổ cỏ dại, làm vườn, cô Okamoto ở trong nhà nghe băng giảng và học hỏi thêm về văn chương cổ điển Trung Hoa.

At other times, remembering the lectures she had heard Roshi give on various Zen works, she would open koan collections like the *Blue Cliff Record* and *The Gateless Gate*. Such was the life Miss Okamoto led.

She was a little old lady, short with a round boyish face, but her exceptionally strict, upright lifestyle had given rise to something forbidding in Miss Okamoto, and the young novice monks were never pleased when they were sent to her place on an errand.

I visited Miss Okamoto monthly, and she always seemed eager for these visits. But one day, she sent a message to the effect that she wanted me to call on her right away as she had something urgent to talk to me about.

"Here for the past half year, I've been suffering intense physical weariness," she began when I visited her. "Thinking that I had reached the age when I was growing dull, I tried to whip myself along, to keep going, but I just wasn't getting any better".

"Finally," she explained, "there seemed to be nothing to do but ask someone to take me to see a doctor.

Có những lúc khác, nhớ lại những bài giảng của Lão sư về Thiền thư, cô mở lại những sưu tập hệ công án như Bích Nham Lục và Vô Môn Quan. Đó là cuộc sống hằng ngày của cô Okamoto.

Cô là một bà già bé nhỏ, thấp lùn với bộ mặt tròn trĩnh như trẻ thơ, nhưng với lối sống đặc biệt khắc khổ, cứng nhắc, cô Okamoto dường như có một vẻ gì đáng sợ, và những học tăng trẻ không cảm thấy thích thú chút nào nếu họ bị giao cho công việc phải đến gặp cô.

Hằng tháng tôi đều đến thăm cô Okamoto, và lúc nào cô cũng có vẻ phấn chấn với những buổi đến thăm đó. Nhưng có một hôm, cô nhắn tin cho tôi biết rằng cô muốn tôi đến thăm ngay, vì cô có chuyện cần muốn nói.

"Nửa năm vừa qua, tôi thấy cơ thể mình yếu mệt vô cùng," cô bắt đầu nói khi tôi đến thăm. "Tôi nghĩ chắc mình đã đến tuổi suy nhược rồi, nên cố tự răn mình phải tiếp tục mọi công việc như thường, nhưng rồi cũng không thấy khá gì hơn."

"Cuối cùng," cô giải thích tiếp, "dường như tôi không còn cách gì hơn là nhờ người đưa đi bác sĩ khám.

Although the doctor didn't say it in so many words, it seems that I have cancer. Since I found this out, I have been afraid of dying."

Her words were an echo of those of my old school-teacher. But not only was Miss Okamoto afraid of dying, she was also ashamed of that fear. She felt it disgraceful to fear death after having been allowed to train for so long under her teacher. She felt tremendous gratitude toward the Zen sect and toward the roshi, and it was unbearable for her to think that those around her might feel Zen practice is useless since it apparently does not even help one to overcome apprehension in the face of death.

"What in the world is the problem with the way I have practiced up until now-that death could be this frightening? Please tell me how I have been wrong in my practice," she beseeched, opening up to me as if I were her own son.

Although Miss Okamoto was twenty-four years my elder, her earnest confession prompted me, despite her years, to bluntly call to her attention something in her manner that had already been weighing on my mind.

Tuy bác sĩ không nói gì nhiều, hình như tôi đã bị ung thư. Từ khi biết được, tôi đâm ra sợ chết quá đi."

Những lời nói của cô mang âm hưởng vị thầy giáo cũ của tôi. Nhưng không những là cô Okamoto sợ chết, cô còn cảm thấy xấu hổ với cái sợ đó. Cô cảm thấy sợ chết là một điều nhục nhã, sau bao nhiêu năm tu tập với một vị lão sư như vậy. Cô cảm thấy biết ơn Lão sư và Thiên tông vô cùng, và không chịu nổi ý tưởng là những người ở gần cô sẽ nghĩ tu Thiên là vô ích, vì rõ ràng đã không giúp cho một người như cô có thể vượt qua được nỗi sợ hãi khi đối diện với tử thần.

"Có vấn đề gì đây trong cách tu của tôi từ đó tới giờ – để giờ này tôi sợ chết đến thế? Xin thầy làm ơn chỉ cho tôi thấy tôi đã sai lầm thế nào trong cách tu, được không?" Cô khẩn khoản, trải bày tâm sự với tôi, như thể tôi là con trai của cô vậy.

Tuy rằng cô Okamoto hơn tôi đến hai mươi bốn tuổi, sự thô lộ nhiệt tình của cô đã khiến cho tôi, mặc dù kính trọng cô lớn tuổi, đã thẳng thắn nêu ra với cô điều tôi thấy không ổn lắm trong thái độ sống của cô.

This woman had led a flawless, commendable life, but she had always stoically gritted her teeth in an effort "to do good, to avoid doing evil." Sharply distinguishing between "good" and "bad," forever sizing up and passing judgment on the situation, she went about her endeavors to "do better," but always with her teeth clenched fast. Let me be very clear about this: The kind of effort in which one bisects good and bad, and then chooses one over the other with the intent to stack up causes for positive results does not in itself produce peace of mind.

As I explained to Miss Okamoto, you come from your mother's womb and leave in your coffin. That time in between you call life, and perhaps you think of going into your coffin as death. But true existence is birth and death, repeating itself, instant by instant. If you look at a flame, it seems to burn continuously and give off constant light. In actuality, the wax is burning down bit by bit, and the wick that blazes in this instant exhausts itself, passing the flame farther along.

Người đàn bà này đã sống một đời không có gì khiếm khuyết, đáng ngợi khen, nhưng bà lúc nào cũng nghiêng răng lại để cố "*làm điều lành, tránh điều xấu.*" Lúc nào cũng phân biệt thật rành mạch giữa *tốt* và *xấu*, lúc nào cũng cân nhắc, phán xét mọi tình thế, bà lo làm hết sức để cố đạt lấy "*tốt hơn,*" nhưng luôn luôn trong hàm răng nghiêng chặt về cứng cõi. Tôi xin nói rõ hơn vấn đề này. Nỗ lực phân biệt tốt với xấu và rồi chọn lựa hành động một bên để lo tích lũy nhân lành cho những quả tốt, tự nó, không thể đem lại an bình trong tâm.

Như tôi đã giải thích với cô Okamoto, chúng ta sinh ra lọt lòng mẹ và sau này sẽ vào trong quan tài nằm. Trong khoảng thời gian trung gian đó chúng ta gọi là sống, và chắc hẳn bạn nghĩ rằng vào quan tài nằm tức là chết. Nhưng sự hiện hữu đúng thực tức là sống và chết lặp đi lặp lại, từng giây từng phút. Nếu nhìn vào một ngọn lửa, bạn thấy nó cháy liên tục và tạo ra ánh sáng liên tục. Nhưng thực sự, sáp nến đang chảy cạn dần từng chút, tim nến trong khi đang rực cháy cũng đang ngắn dần, đưa ngọn lửa càng lúc càng xuống thấp hơn.

Our lives appear to be unbroken blocks of seventy or eighty continuous years, but, actually, they are just as the example we saw earlier: you are a wife or a husband when you look this way; you are a neighbor next door when you look that way. When you maintain the straight-forward frankness of your own mind as it comes to life each instant, even without effort, even without training, you are beautifully born with each instant. You die with each instant, and go on to be born again, instant by instant.

As I told Miss Okamoto, when you go to the kitchen to prepare dinner, be born in the kitchen. When you finish there, die. Then be born at the dining table as you eat your dinner and, when you finish eating, die there. Be born in the garden, and sweep with your broom. When you get into bed at night, die there. And when you awaken at daylight, be born anew. If you have cancer, be born with cancer.

Always now—*just now*—*come* into being. Always now—*just now*—give yourself to death. Practicing this is Zen practice.

Cuộc đời chúng ta trông có vẻ như những khối kiên cố suốt bảy chục hay tám chục năm liền, nhưng thực sự cũng giống tỷ dụ đã nói đến trước đây: bạn là người vợ khi quay qua bên này; bạn là người hàng xóm khi quay qua bên khác. Khi giữ cho tâm thẳng thắn, tự nhiên với từng giây từng phút sống thực, dù không một cố gắng, dù không tập luyện, bạn cũng được sinh ra thật đẹp đẽ từng giây phút. Bạn chết đi trong từng giây phút, rồi sinh trở lại trong từng giây phút nối tiếp nhau.

Như tôi đã nói với cô Okamoto, khi bạn đi vào bếp sửa soạn bữa ăn tối, hãy sinh ra ở trong bếp. Khi bạn xong việc ở đó, hãy chết đi. Rồi lại sinh ra ở bàn ăn khi ăn bữa tối và, sau khi bạn ăn xong rồi, hãy chết đi ở đó. Hãy sinh ra trong vườn khi bạn lấy cây chổi quét sân. Rồi khi bạn vào giường ngủ ban đêm, hãy chết đi ở đó. Và khi ánh dương tỏa sáng, bạn thức dậy trong giường, và lại sinh ra lại như mới. Nếu bạn có bệnh ung thư, hãy sinh ra với bệnh ung thư.

Luôn luôn trong giây phút hiện tại bây giờ – và chỉ ngay bây giờ thôi – bạn đi vào đời sống. Luôn luôn trong giây phút hiện tại bây giờ – và chỉ ngay bây giờ thôi – bạn buông thả trong cái chết. Thực tập chân lý đó tức là tập Thiền vậy.

buddha life

I HAVE SEEN many people practice. But I do not know of anyone who so splendidly, so thoroughly, put my instructions into practice as did Miss Okamoto. She complied as docilely as a lamb. It wasn't even ten days before her rigid countenance had softened into a baby face, into the face of a sweet old lady. She had left behind the lifestyle in which she had to grit her teeth and try to live "right."

Miss Okamoto's disease grew progressively worse, and she finally had to be hospitalized. I remember that when I called on her, the doctors and nurses all remarked that though they had worked in the hospital for many years, they had never encountered a patient like this one. By the time Miss Okamoto entered the hospital, she was greeting everybody, everything, every scene in the spirit of "one chance, one encounter."

mạng sống Phật

TÔI ĐÃ THẤY nhiều người áp dụng tu, nhưng tôi không biết có ai thực hành theo những lời chỉ dạy của tôi một cách thật hoàn hảo, thật tuyệt vời như cô Okamoto. Cô tuân theo lời tôi thật ngoan ngoãn như con cừu non. Chưa đầy mười ngày, bộ mặt nghiêm khắc của cô đã dịu đi trông như đứa trẻ, trở thành bộ mặt một bà lão hiền từ. Cô đã bỏ lại đằng sau lối sống khắc khổ, gò bó để cố làm điều tốt.

Bệnh cô Okamoto càng ngày càng nặng thêm, cuối cùng cô phải vào nhà thương. Tôi nhớ khi đến thăm cô, các bác sĩ và y tá đều nhận xét họ đã làm việc trong bệnh viện bao nhiêu năm nay mà chưa gặp một bệnh nhân nào như vậy. Khi vào bệnh viện, cô Okamoto đón nhận tất cả mọi người, tất cả mọi thứ, tất cả mọi hoàn cảnh đến trong tinh thần *ơ hội chỉ đến một lần*.

You may imagine this "one chance, one encounter" as applying to some very special occurrence, a once-in-a-lifetime magnificent encounter.

The phrase calls to mind, for example, a tea ceremony, which happens as it happens only one time. It is generally reasoned that something that happens only once in a lifetime, a once-in-a-lifetime encounter, has to be an exceedingly special occasion, and the expression is commonly limited to this usage.

In its true sense, however, "one chance, one encounter" may occur when one encounters a stone, when one comes upon a weed, when one is cleaning the toilet or cooking rice. It refers to a state of mind in which one makes absolutely no projections of favorability or adversity, in which there is absolutely no notion of escape. To practice "one chance, one encounter" is to wholly melt within each one occurrence, and this is just the way Miss Okamoto saw her life out.

Unfortunately, I had agreed to journey to England and the United States again at that particular time, and I left feeling uneasy.

Hầu hết mọi người đều diễn giải *cơ hội chỉ đến một lần* như là trường hợp thật đặc biệt, một cơ hội hãn hữu cả đời chỉ có một lần.

Câu nói đó gợi lên trong trí một dịp gì như một buổi lễ trà đạo chỉ được diễn ra một lần độc nhất. Người ta thường lý luận việc gì chỉ xảy ra một lần trong đời, một cuộc tao ngộ có một không hai, phải là dịp may hiếm có lạ thường, và câu nói này thường chỉ được dùng giới hạn trong ý nghĩa đó thôi.

Tuy nhiên, theo một nghĩa đích thực, *cơ hội chỉ đến một lần* có thể xảy ra bất cứ lúc nào, khi ta gặp một tảng đá, nhìn thấy ngọn cỏ dại, khi lau chùi phòng tắm hay nấu cơm. Đó là trạng thái tâm thức tuyệt đối không có một dự kiến nào mang tính chất yêu ghét, tuyệt đối không có một ý tưởng nào muốn trốn tránh hiện thực. Thực tập *cơ hội chỉ đến một lần* là hoàn toàn hòa nhập vào mỗi việc đang xảy đến, và đây đúng là cách mà cô Okamoto đã dùng để bước ra khỏi cuộc đời.

Không may là tôi đã đồng ý trước cho chuyến du hành sang Anh và Hoa Kỳ trong thời điểm đó, và tôi ra đi lòng cảm thấy khó chịu.

I instructed my disciples to care for Miss Okamoto during my absence, but she passed away without waiting for my return. When I came back, I heard from my oldest disciple, the monk who had last attended her about the final moments before her death. Although this was a man who seldom allowed any expression to cross his face, tears streamed from his eyes as he told the story. Before Miss Okamoto died, she said to him, "Looking back, I have led a pretty stuffy life all these years. So I think I'll just take a ball and go out and play in the woods now." These were her last words.

We placed a pretty ball, made of colored threads, inside her grave. I hope that you will not merely take Miss Okamoto's final words for their emotional or their literary appeal. When I heard what she had said at the last, I felt joy from the bottom of my heart. Joy, because I was confident that in her living and in her dying, Miss Okamoto had literally reached a state we can call the "samadhi of play."

Tôi chỉ thị cho các đệ tử ở nhà phải săn sóc cô Okamoto trong lúc tôi đi vắng, nhưng cô đã qua đời mà không chờ đợi tôi trở về. Khi trở về, tôi nghe người đệ tử lớn nhất của tôi, vị tăng đã trông nom cô lúc sau cùng, kể lại những giây phút cuối của cô trước khi chết. Tuy vị tăng này ít khi nào biểu lộ cảm xúc trên nét mặt, ông cũng không ngăn nổi những giọng lệ tuôn trào khi thuật lại câu chuyện. Trước khi qua đời, cô Okamoto đã nói với ông, "Nhìn lại, tôi thấy cuộc đời tôi đã sống bao nhiêu năm nay thật là tù túng. Nên bây giờ tôi muốn cầm một quả bóng đi chơi trong rừng." Đó là những lời cuối của cô.

Chúng tôi đã đặt một quả bóng thật đẹp, làm bằng những sợi chỉ màu, vào bên trong ngôi mộ của cô. Tôi mong bạn sẽ không xem những lời nói cuối cùng của cô Okamoto chỉ như những lời xúc cảm hay chỉ có ý nghĩa thuần túy như vậy. Khi tôi nghe lời nói cuối cùng đó, tôi cảm thấy vui mừng tận đáy lòng. Vui mừng vì tôi tin tưởng rằng trong đời sống và trong cái chết, cô Okamoto đã thực sự đạt tới trạng thái có thể gọi là *du hí tam-muội*.

If a person is working for wages, shoveling sand onto the bed of a truck with a shovel, they may get tired. Should someone happen along and offer to help out, they will most likely be glad to hand over their shovel. But suppose a child is playing in a sand pile, scooping sand into a bucket. Should someone walk up and offer to take over for a while, that child would balk at such foolishness, "Why should I want you to take over when I'm having so much fun?"

Even the most fleeting of activities, such as the business of preparing a meal, can be the samadhi of play. When you throw your heart into preparing a fine meal, which you artistically arrange on the plates and serve up, that food is swiftly devoured and you are left with dirty dishes. To carry on in the samadhi of play does not only refer to creating a work of art that might grace a museum for a few hundred years, but to the most mundane of the everyday affairs one performs. The duties of housekeeping serve as a good example.

Nếu một người được lãnh lương để làm công việc dùng xẻng xúc cát vào trong thùng xe vận tải, chắc họ sẽ cảm thấy mỏi mệt. Lúc đó nếu có ai đến và đề nghị giúp họ, chắc họ sẽ vui vẻ giao cái xẻng ra cho người ấy. Nhưng giả tử có một đứa trẻ đang chơi trên một đống cát, xúc cát vào trong cái xô. Nếu có người nào đến nói với nó cho họ làm thế việc đó một lúc, chắc đứa trẻ sẽ cự lại rằng, "Tại sao tôi lại muốn ông thế tôi trong khi tôi đang thích thú thế này?"

Ngay cả một trong những công việc phù du nhất như sửa soạn một bữa ăn cũng có thể là *du hí tam-muội* được. Bạn dốc tâm vào việc sửa soạn một bữa ăn ngon, lo bày biện trang hoàng những đĩa thức ăn thật nghệ thuật rồi đem lên mời mọi người dùng, chẳng mấy chốc những món ăn đó sẽ được tiêu thụ hết sạch, và còn lại chỉ là đĩa bát bẩn. Thực hành *du hí tam-muội* không chỉ có ý nghĩa sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật làm đẹp cho viện bảo tàng trong vài trăm năm, mà còn áp dụng cho những việc tầm thường hằng ngày mà chúng ta vẫn làm. Một tỷ dụ cụ thể là những công việc làm trong nhà.

In a never-ending cycle, we clean, and the house gets dirty again. We sweep, and the dust comes back. We wash dishes, and they get dirty again.

This is not only the case with housekeeping. Look closely and you see that these are the circumstances of every activity by every human being on earth.

The samadhi of play is the state of mind in which one performs an activity without appraising its relative value, just as the child who plays in the sand would never dream of letting someone else take her place. It was with this mind that Miss Okamoto went out to the woods to play ball. The samadhi of play is a state in which the heart transcends both the exhaustible dharmas and the inexhaustible dharmas. This is the dharma gate of liberation, the state of mind that is liberation from both the exhaustible and the inexhaustible.

There is within you yourself eternal Buddha life.

Trong vòng vô tận, chúng ta lau chùi nhà cửa, rồi nhà cửa lại bẩn trở lại. Chúng ta quét nhà, rồi bụi lại bám trở lại. Chúng ta giặt quần áo, rồi quần áo lại lấm bẩn trở lại.

Điều này không chỉ giới hạn trong việc chăm sóc nhà cửa, nếu nhìn kỹ, bạn sẽ thấy hiện trạng này cũng có trong mọi sinh hoạt con người ở thế gian.

Du hí tam-muội là một trạng thái tâm thức trong đó người ta làm một việc mà không hề cân nhắc đến giá trị tương đối, y như đứa trẻ chơi nghịch trong cát sẽ không muốn để người nào khác đến thế chỗ. Đó chính là tâm thức của cô Okamoto khi cô đi vào rừng chơi bóng. *Du hí tam-muội* là trạng thái tâm siêu vượt cả hai pháp đối đãi hữu lậu và vô lậu. Đó là Pháp môn Giải thoát, một trạng thái tâm tự do tự tại, giải thoát khỏi cả hữu hạn lẫn vô hạn.

Nơi bản thân chúng ta vốn có sẵn Phật mạng vĩnh cửu thường hằng.

That Buddha life appears in form, being born and dying, instant by instant, emerging in constant succession in the samadhi of play. We can clearly say that the practice of this mind state is the satori state of Zen.

Within you there is eternal life. This life arises as form and continues, instant by instant, appearing and disappearing. Moreover, this flickering, appearing and disappearing, is not the flickering of a solidified individual self; it is the sparkling appearance and disappearance of a fusion of the self and its surroundings, in union.

This is what the founder of the Soto Zen school, Eihei Dogen Zenji, meant when he said that birth and death is the life of Buddha. Birth and death is the pulse of Buddha life. Where there are one thousand human beings, within one thousand ways of living, one thousand buddhas are revealed. Buddha is revealed through mountains, valleys, trees, and grasses, through the multitude of phenomena.

Phật mạng thể hiện trong mọi sắc tướng, sinh sinh diệt diệt theo từng sát-na, và tiếp nối nhau hiển lộ trong *du hí tam-muội*. Chúng ta có thể khẳng định rằng có được trạng thái tâm như vậy chính là đã đạt được trạng thái giác ngộ trong Thiên.

Tuy Phật mạng thể hiện trong sắc tướng và tương tục biến hiện theo từng sát-na, ánh chớp lập lòe biến hiện này không phải là ánh chớp của một cái ngã riêng biệt kiên cố, mà là biến hiện rục rỡ của sự thể nhập hòa điệu giữa cá thể và ngoại cảnh chung quanh.

Đây là điều vị tổ khai sáng tông Tào Động ở Nhật, thiền sư Đạo Nguyên đã ngụ ý khi bảo rằng sinh và tử chính là mạng sống Phật. Sinh và tử là nhịp đập của Phật mạng. Ở đâu có một ngàn con người, trong một ngàn lối sống, sẽ có một ngàn vị Phật hiển lộ. Phật ở trong đồi núi, trong thung lũng, cỏ cây, qua muôn vàn hiện tượng khác nhau.

The heart that can be revered in whatever form we see, in whatever direction we look, this is the true heart of Buddhism. This is Buddha life.

Personally, I understand the words *birth and death* as Great Life, dynamic and dancing lively. Throughout this book I have talked to you about this big, lively dancing life and about the process by which I have come to see my life in this way.

And as I've mentioned, when I end a lecture, I often ask everyone to please forget everything I have just said. But nonetheless, it is my earnest desire that this clumsy narrative be a stimulus that may, in some way, help you to lead your own life—living each and every instant with great care, aware that *just this* is the great, dynamic, lively dancing life.

*

Cái tâm thể hiện nơi bất cứ mọi hình tướng trước mắt ta, nơi bất cứ phương hướng chung quanh ta là tâm đáng kính ngưỡng; đó chính là tâm Phật, đó chính là Phật mạng vậy.

Riêng đối với cá nhân tôi, chữ *sinh* và *tử* được hiểu như Đời Sống Lớn Rộng, đầy năng động và nhảy múa thật linh hoạt. Trong suốt quyển sách này tôi đã nói chuyện với các bạn về đời sống lớn rộng, nhảy múa thật linh hoạt này và về tiến trình tôi đã trải qua để có được cái nhìn như vậy.

Như tôi đã nói trước đây, khi chấm dứt một bài giảng, tôi thường yêu cầu mọi người hãy quên hết những điều tôi vừa nói. Nhưng mặc dù vậy, tôi cũng tha thiết mong rằng những lời kể vụng về của tôi sẽ là một khích lệ, phần nào giúp cho bạn sống được đời sống của mình – sống với hết tâm ý trong từng giây từng phút, với sự bảo trọng chu đáo, tỉnh giác rằng đời sống *chỉ là như thế*, thênh thang, năng động và nhảy múa thật linh hoạt.

*

